

UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 465/PGDDĐT-CMTHCS

Quảng Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2025

V/v thông báo kết quả giao lưu  
học sinh giỏi lớp 6,7,8 cấp thị xã  
năm học 2024-2025

Kính gửi: Các trường có cấp trung học cơ sở trên địa bàn thị xã

Thực hiện kế hoạch năm học 2024-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức giao lưu học sinh giỏi lớp 6,7,8 cấp thị xã năm học 2024-2025 vào ngày 15,16/4/2025. Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo tới các đơn vị kết quả điểm giao lưu của các học sinh tham gia (*chi tiết gửi kèm theo Công văn này*). Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Thông báo công khai kết quả điểm giao lưu tới học sinh tham gia.
2. Kiểm tra thông tin của học sinh, nếu phát hiện có sai sót (*họ tên, ngày tháng năm sinh, ...*), gửi văn bản đề nghị chỉnh sửa về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/4/2025.
3. Hướng dẫn học sinh làm thủ tục đề nghị phúc khảo theo quy định nếu học sinh có nguyện vọng. Chậm nhất ngày 25/4/2025, các đơn vị gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo Bảng tổng hợp danh sách học sinh đề nghị phúc khảo bài giao lưu (*nếu có*).

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện, nếu có vướng mắc, liên hệ về Phòng Giáo dục và Đào tạo (*qua bộ phận chuyên môn trung học cơ sở*) để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng phòng GDĐT (b/c);
- Lưu: VT, CMTHCS (02).



Nguyễn Thị Thìn

KẾT QUẢ ĐIỂM GIAO LƯU HỌC SINH GIỎI LỚP 6, CẤP THỊ XÃ- NĂM HỌC 2024-2025  
(Kèm theo Công căn số 465/PGDDT-CMTHCS ngày 23/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| TT | SBD | Họ đệm          | Tên   | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh |    |      | Nơi sinh               | Học sinh trường    | Dự thi môn | Lớp | Điểm TB MDT | Xếp loại GD Kì I |     | Điểm thi | Giáo viên dạy             |
|----|-----|-----------------|-------|-----------|-----------------------|----|------|------------------------|--------------------|------------|-----|-------------|------------------|-----|----------|---------------------------|
|    |     |                 |       |           |                       |    |      |                        |                    |            |     |             | HL               | HK  |          |                           |
| 1  | 1   | Lê Thị Bình     | An    | Nữ        | 8                     | 3  | 2013 | Hà Nội                 | THCS Cộng Hoà      | Toán       | 6B  | 9.1         | Tốt              | Tốt | 6.25     | Nguyễn Thị Trúc           |
| 2  | 2   | Nguyễn Hải      | Anh   | Nam       | 30                    | 1  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai | Toán       | 6B  | 8.6         | Tốt              | Tốt | 4        | Trần Thị Thanh            |
| 3  | 3   | Phạm Minh Bảo   | Anh   | Nữ        | 21                    | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Tiên An       | Toán       | 6B  | 8.9         | T                | T   | 3.5      | Trần Thị Thanh Hà         |
| 4  | 4   | Phạm Phương     | Anh   | Nữ        | 21                    | 1  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong | Toán       | 6A  | 9.3         | Tốt              | Tốt | 4.75     | Triệu Y Thuật             |
| 5  | 5   | Vũ Việt         | Anh   | Nam       | 5                     | 10 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà      | Toán       | 6A  | 8.3         | Tốt              | Tốt | 5.25     | Nguyễn Thị Thu Hương      |
| 6  | 6   | Đinh Gia        | Bảo   | Nam       | 9                     | 6  | 2013 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai    | Toán       | 6B  | 9.3         | Tốt              | Tốt | 3.25     | Nguyễn Thị Mai Anh        |
| 7  | 7   | Dương Gia       | Bảo   | Nam       | 7                     | 9  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Cẩm La     | Toán       | 6B  | 9.0         | Khá              | Tốt | 8.75     | Phạm Lâm- Ngô Lương       |
| 8  | 8   | Phùng Gia       | Bảo   | Nam       | 13                    | 12 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải       | Toán       | 6B  | 8.6         | Tốt              | Tốt | 6.75     | Ng. Quỳên, Vũ Mùa         |
| 9  | 9   | Nguyễn Hồng     | Bích  | Nữ        | 9                     | 10 | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc  | Toán       | 6B  | 9.3         | Tốt              | Tốt | 13.25    | Vũ Thêm - Ngô Tiến        |
| 10 | 10  | Tô Hải          | Bình  | Nam       | 14                    | 12 | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Toán       | 6E  | 9.8         | T                | T   | 17.5     | Phạm Thị Loan             |
| 11 | 11  | Lê Nguyễn Bảo   | Châu  | Nam       | 15                    | 5  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An         | Toán       | 6A  | 8.6         | Tốt              | Tốt | 1.5      | Hứa Thị Hà Thu            |
| 12 | 12  | Bùi Mạnh        | Cường | Nam       | 6                     | 11 | 2013 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai    | Toán       | 6C  | 9.0         | Khá              | Tốt | 11       | Hoàng Thị Hạnh            |
| 13 | 13  | Nguyễn Xuân     | Đắc   | Nam       | 22                    | 12 | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 6D  | 9.5         | Khá              | Tốt | 12.5     | Nguyễn Thị Định           |
| 14 | 14  | Nguyễn Đắc      | Đam   | Nam       | 2                     | 10 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An         | Toán       | 6A  | 8.7         | Tốt              | Tốt | 2        | Hứa Thị Hà Thu            |
| 15 | 15  | Đinh Vũ Minh    | Đức   | Nam       | 18                    | 9  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 6A  | 9.5         | Tốt              | Tốt | 14       | Bùi Thị Thu Oanh          |
| 16 | 16  | Lê Trung        | Đức   | Nam       | 21                    | 3  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo | Toán       | 6A  | 9.6         | Tốt              | Tốt | 7.5      | Vũ Anh-Phạm Hồng          |
| 17 | 17  | Nguyễn Minh     | Dương | Nam       | 7                     | 7  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Cẩm La     | Toán       | 6A  | 9.3         | Tốt              | Tốt | 12       | Phạm Lâm- Ngô Lương       |
| 18 | 18  | Nguyễn Quý      | Dương | Nam       | 23                    | 3  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.2         | Tốt              | Tốt | 4.75     | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 19 | 19  | Bùi Ngọc        | Duy   | Nam       | 3                     | 9  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải     | Toán       | 6A  | 8.8         | Khá              | Tốt | 9        | Lê Loan_Đ.Huyền           |
| 20 | 20  | Đinh Quang      | Duy   | Nam       | 11                    | 10 | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6B  | 9.5         | Tốt              | Tốt | 13.5     | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 21 | 21  | Nguyễn Ngọc     | Duy   | Nam       | 24                    | 8  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.2         | Tốt              | Tốt | 5.75     | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 22 | 22  | Lê Thị Linh     | Giang | Nữ        | 11                    | 6  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.5         | Tốt              | Tốt | 6.5      | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 23 | 23  | Vũ              | Hải   | Nam       | 2                     | 5  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.6         | Tốt              | Tốt | 10.5     | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 24 | 24  | Nguyễn Công Gia | Hiếu  | Nam       | 15                    | 3  | 2013 | Nông Công-Thanh Hóa    | THCS Phong Hải     | Toán       | 6A  | 9.9         | Tốt              | Tốt | 13.25    | Lê Loan_Đ.Huyền           |
| 25 | 25  | Nguyễn Việt     | Hoàng | Nam       | 13                    | 8  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.9         | Tốt              | Tốt | 9.5      | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 26 | 26  | Vũ Huy          | Hoàng | Nam       | 30                    | 1  | 2013 | Uông Bí                | THCS Tân An        | Toán       | 6A  | 8.1         | Khá              | Tốt | 14.25    | Vũ Thị Bích Hồng          |
| 27 | 27  | Đỗ Việt         | Hưng  | Nam       | 12                    | 1  | 2013 | Uông Bí - QN           | THCS Liên Vị       | Toán       | 6D  | 9.5         | K                | T   | 8.75     | Lê Tuyền + Đoàn Thảo      |
| 28 | 28  | Đinh Quang      | Huy   | Nam       | 28                    | 2  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 6A  | 9.3         | Khá              | Tốt | 7.25     | Bùi Thị Thu Oanh          |
| 29 | 29  | Đàm Quang Trườn | Khánh | Nam       | 1                     | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Tiên An       | Toán       | 6C  | 8           | T                | T   | 5.5      | Trần Thị Thanh Hà         |
| 30 | 30  | Lê Quốc         | Khánh | Nam       | 05                    | 5  | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | TH&THCS Hoàng Tân  | Toán       | 6B  | 9.2         | Tốt              | Tốt | 4        | Phạm Mỹ Linh; Đinh Thị My |
| 31 | 31  | Lê Bảo          | Khánh | Nam       | 12                    | 10 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo | Toán       | 6A  | 9.1         | Tốt              | Tốt | 11       | Vũ Anh-Phạm Hồng          |
| 32 | 32  | Vũ Đăng         | Khoa  | Nam       | 31                    | 1  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải     | Toán       | 6A  | 9.7         | Tốt              | Tốt | 13.75    | Lê Loan_Đ.Huyền           |
| 33 | 33  | Nguyễn Đức Anh  | Khôi  | Nam       | 10                    | 2  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.8         | Tốt              | Tốt | 14.5     | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 34 | 34  | Phùng Trung     | Kiên  | Nam       | 13                    | 2  | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải       | Toán       | 6A  | 8.9         | Tốt              | Tốt | 5.5      | Ng. Quỳên, Vũ Mùa         |
| 35 | 35  | Tạ Ngọc Trung   | Kiên  | Nam       | 7                     | 2  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Toán       | 6E  | 9.8         | T                | T   | 14       | Phạm Thị Loan             |
| 36 | 36  | Bùi Tuấn        | Lâm   | Nam       | 23                    | 2  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai    | Toán       | 6C  | 8.3         | Khá              | Tốt | 11.5     | Hoàng Thị Hạnh            |
| 37 | 37  | Lê Thuý         | Lan   | Nữ        | 22                    | 6  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong | Toán       | 6A  | 9.8         | Tốt              | Tốt | 8        | Triệu Y Thuật             |
| 38 | 38  | Đặng Diệu       | Linh  | Nữ        | 3                     | 9  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.9         | Tốt              | Tốt | 15       | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 39 | 39  | Đỗ Hà           | Linh  | Nữ        | 4                     | 3  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 6A  | 9.5         | Tốt              | Tốt | 8.5      | Hưng + P.Lan + Thương     |
| 40 | 40  | Hoàng Đình      | Lợi   | Nam       | 22                    | 4  | 2013 | Quảng Yên - QN         | THCS Liên Vị       | Toán       | 6D  | 8.9         | K                | T   | 8        | Lê Tuyền + Đoàn Thảo      |

|    |    |                 |        |     |    |    |      |                        |                        |         |    |     |     |     |       |                         |
|----|----|-----------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|------------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|-------------------------|
| 41 | 41 | Lê Hải          | Long   | Nam | 20 | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | Toán    | 6B | 8.7 | Khá | Tốt | 4.75  | Nguyễn Thị Trúc         |
| 42 | 42 | Nguyễn Thành    | Luân   | Nam | 17 | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo     | Toán    | 6A | 9.5 | Tốt | Tốt | 13.5  | Vũ Anh-Phạm Hồng        |
| 43 | 43 | Phạm Hoàng      | Mai    | Nữ  | 24 | 10 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải           | Toán    | 6B | 9.3 | Tốt | Tốt | 13.25 | Ng. Quỳên, Vũ Mùa       |
| 44 | 44 | Lã Phúc         | Minh   | Nam | 18 | 7  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Toán    | 6E | 9.2 | T   | T   | 5.5   | Phạm Thị Loan           |
| 45 | 45 | Phạm Bảo        | Minh   | Nam | 23 | 8  | 2013 | Uông Bí                | THCS Tân An            | Toán    | 6A | 8.4 | Khá | Tốt | 11.75 | Vũ Thị Bích Hồng        |
| 46 | 46 | Đỗ Hải          | Nam    | Nam | 19 | 1  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Toán    | 6G | 9.6 | T   | T   | 12.25 | Phạm Thị Loan           |
| 47 | 47 | Trần Duy        | Nam    | Nam | 16 | 5  | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Toán    | 6E | 9.8 | T   | T   | 15.75 | Phạm Thị Loan           |
| 48 | 48 | Trần Nhật       | Nam    | Nam | 6  | 5  | 2013 | Pleiku - Gia Lai       | THCS Minh Thành        | Toán    | 6G | 9.4 | T   | T   | 10.75 | Phạm Thị Loan           |
| 49 | 49 | Trịnh Hồng      | Nam    | Nam | 8  | 12 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Toán    | 6A | 8.9 | Khá | Tốt | 7.5   | Hoàng Thị Thanh Thủy    |
| 50 | 50 | Nguyễn Ngọc Hà  | Ngân   | Nữ  | 4  | 4  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 6     | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 51 | 51 | Vũ Kim          | Ngân   | Nữ  | 22 | 1  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.7 | Tốt | Tốt | 10.75 | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 52 | 52 | Lê Hạnh         | Nguyễn | Nữ  | 13 | 2  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Toán    | 6A | 8.9 | Tốt | Tốt | 4     | Hoàng Thị Thanh Thủy    |
| 53 | 53 | Đinh Thiện      | Nhân   | Nam | 28 | 6  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.4 | Tốt | Tốt | 12.5  | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 54 | 54 | Vũ Đức          | Nhân   | Nam | 2  | 5  | 2013 | Uông Bí                | THCS Đông Mai          | Toán    | 6A | 8.8 | Khá | Tốt | 10.5  | Hoàng Thị Thanh Thủy    |
| 55 | 55 | Phan Tiến       | Phát   | Nam | 16 | 11 | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Nam Hòa           | Toán    | 6A | 8.3 | Tốt | Tốt | 6.5   | Nguyễn Thị Thắm         |
| 56 | 56 | Hà Đức Tuấn     | Phong  | Nam | 2  | 2  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc      | Toán    | 6B | 9.5 | Tốt | Tốt | 16.5  | Vũ Thêm - Ngô Tiến      |
| 57 | 57 | Nguyễn Văn      | Phong  | Nam | 16 | 2  | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải           | Toán    | 6A | 8.7 | Khá | Tốt | 4     | Ng. Quỳên, Vũ Mùa       |
| 58 | 58 | Đoàn Hữu        | Phú    | Nam | 9  | 2  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai        | Toán    | 6B | 8.5 | Tốt | Tốt | 3.5   | Nguyễn Thị Mai Anh      |
| 59 | 59 | Nguyễn Thiện    | Phú    | Nam | 1  | 8  | 2013 | Thái Bình              | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 10  | Tốt | Tốt | 17    | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 60 | 60 | Nguyễn Đức      | Phúc   | Nam | 24 | 6  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.5 | Tốt | Tốt | 6.25  | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 61 | 61 | Đỗ Hoàng        | Phượng | Nam | 25 | 2  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.9 | Tốt | Tốt | 11    | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 62 | 62 | Nguyễn Hoàng    | Quán   | Nam | 22 | 9  | 2013 | Uông Bí - QN           | THCS Liên Vị           | Toán    | 6D | 9.3 | T   | T   | 10.5  | Lê Tuyền + Đoàn Thảo    |
| 63 | 63 | Nguyễn Ngọc     | Quyên  | Nam | 13 | 5  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | Toán    | 6D | 9.0 | Khá | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Định         |
| 64 | 64 | Nguyễn Văn      | Quyết  | Nam | 5  | 7  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 6.75  | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 65 | 65 | Nguyễn Như      | Quỳnh  | Nữ  | 29 | 10 | 2013 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà          | Toán    | 6B | 9.1 | Tốt | Tốt | 7.25  | Nguyễn Thị Trúc         |
| 66 | 66 | Ngô Đình        | Tài    | Nam | 3  | 3  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | Toán    | 6B | 8.8 | Tốt | Tốt | 8.75  | Nguyễn Thị Trúc         |
| 67 | 67 | Nguyễn Thị Anh  | Thư    | Nữ  | 31 | 7  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.6 | Tốt | Tốt | 7.75  | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 68 | 68 | Phạm Minh       | Tiến   | Nam | 11 | 5  | 2013 | Quảng Yên - QN         | THCS Liên Vị           | Toán    | 6D | 9.9 | T   | T   | 10    | Lê Tuyền + Đoàn Thảo    |
| 69 | 69 | Đào Thị Quỳnh   | Trang  | Nữ  | 18 | 1  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | Toán    | 6A | 8.4 | Tốt | Khá | 7.75  | Nguyễn Thị Thu Hương    |
| 70 | 70 | Đỗ Thị Kiều     | Trang  | Nữ  | 21 | 5  | 2013 | Uông Bí - QN           | THCS Liên Vị           | Toán    | 6D | 9.1 | T   | T   | 4.75  | Lê Tuyền + Đoàn Thảo    |
| 71 | 71 | Nguyễn Mai      | Trang  | Nữ  | 8  | 10 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | Toán    | 6A | 9   | Tốt | Tốt | Vắng  | Nguyễn Thị Thu Hương    |
| 72 | 72 | Vũ Minh         | Trí    | Nam | 5  | 10 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải           | Toán    | 6A | 9.3 | Tốt | Tốt | 16.75 | Ng. Quỳên, Vũ Mùa       |
| 73 | 73 | Vũ Đức          | Trí    | Nam | 30 | 8  | 2013 | Hạ Long                | THCS Phong Hải         | Toán    | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 10.75 | Lê Loan_Đ. Huyền        |
| 74 | 74 | Vũ Tổng         | Trọng  | Nam | 28 | 3  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | Toán    | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Thu Hương    |
| 75 | 75 | Nguyễn Ngọc     | Tuấn   | Nam | 21 | 1  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | Toán    | 6A | 9.4 | Tốt | Tốt | 7.5   | Bùi Thị Thu Oanh        |
| 76 | 76 | Ngô Đăng        | Tùng   | Nam | 15 | 11 | 2013 | Hà Nội                 | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.25 | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 77 | 77 | Trần Nhã        | Uyên   | Nữ  | 17 | 9  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 8     | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 78 | 78 | Nguyễn Thanh    | Vân    | Nữ  | 14 | 10 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An             | Toán    | 6A | 8.6 | Tốt | Tốt | 2.5   | Hứa Thị Hà Thu          |
| 79 | 79 | Trần Quang      | Vinh   | Nam | 2  | 11 | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Toán    | 6G | 8.9 | T   | T   | 11.5  | Phạm Thị Loan           |
| 80 | 80 | Vũ Thuý         | Vinh   | Nữ  | 18 | 4  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc      | Toán    | 6C | 9.7 | Tốt | Tốt | 12.25 | Vũ Thêm - Ngô Tiến      |
| 81 | 81 | Lê Nguyên       | Vũ     | Nam | 29 | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Tiên An           | Toán    | 6B | 8.1 | T   | T   | 8     | Trần Thị Thanh Hà       |
| 82 | 82 | Nguyễn Huy      | Vũ     | Nam | 29 | 10 | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai     | Toán    | 6A | 8.8 | Tốt | Tốt | 4.75  | Trần Thị Thanh          |
| 83 | 83 | Đặng Trúc       | Vy     | Nữ  | 17 | 7  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Toán    | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 9     | Hưng + P.Lan + Thương   |
| 84 | 84 | Đặng Thùy       | An     | Nữ  | 23 | 9  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn | 6C | 8.7 | Tốt | Tốt | 11    | Bùi Bích Hậu            |
| 85 | 85 | Nguyễn Ngọc Bảo | An     | Nữ  | 19 | 7  | 2013 | Quảng Yên              | TH, THCS & THPT Yên Hư | Ngữ văn | 6A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.75 | Lê Thùy Dương           |
| 86 | 86 | Nguyễn Phú      | An     | Nữ  | 4  | 5  | 2013 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai        | Ngữ văn | 6C | 8.2 | Tốt | Tốt | 9.5   | Trương Hương, Hoàng Yến |

|     |     |                  |       |    |    |    |      |                        |                    |           |     |     |     |     |       |                             |
|-----|-----|------------------|-------|----|----|----|------|------------------------|--------------------|-----------|-----|-----|-----|-----|-------|-----------------------------|
| 87  | 87  | Nguyễn Phúc An   | An    | Nữ | 9  | 3  | 2013 | Uông Bí-Quảng Ninh     | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 6A  | 9   | Tốt | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 88  | 88  | Vũ Hoài          | An    | Nữ | 6  | 2  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 8.8 | Tốt | Tốt | 11    | Bùi Bích Hậu                |
| 89  | 89  | Đặng Lê Diệu     | Anh   | Nữ | 17 | 06 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải       | Ngữ văn   | 6A  | 8.5 | Tốt | Tốt | 12.5  | Phạm Thị Thụy               |
| 90  | 90  | Đình Hồng        | Anh   | Nữ | 7  | 2  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 6A  | 8.3 | Tốt | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 91  | 91  | Hoàng Kiều       | Anh   | Nữ | 15 | 10 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ       | Ngữ văn   | 6D  | 7.6 | Khá | Tốt | 10.5  | Đoàn Thị Nhạn               |
| 92  | 92  | Lộc Thị Diệp     | Anh   | Nữ | 17 | 3  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6E  | 8.9 | T   | T   | 11.5  | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 93  | 93  | Nguyễn Thái Trâm | Anh   | Nữ | 09 | 9  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Tân An        | Ngữ văn   | 6A  | 8.6 | Tốt | Tốt | 12.25 | Vũ Bình Yên, Đặng Thị Huyền |
| 94  | 94  | Đỗ Thị Ngọc      | Anh   | Nữ | 6  | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Nam Hòa       | Ngữ văn   | 6A  | 7.8 | Khá | Tốt | Vắng  | Vũ Thị Luyến                |
| 95  | 95  | Vũ Thị Mai       | Anh   | Nữ | 30 | 9  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 66C | 8.2 | Tốt | Tốt | 9.75  | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 96  | 96  | Vũ Thuý          | Bằng  | Nữ | 30 | 1  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà      | Ngữ văn   | 6B  | 8.8 | Khá | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Duyên            |
| 97  | 97  | Nguyễn Thị Ngọc  | Bích  | Nữ | 13 | 7  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong | Ngữ văn   | 6A  | 8.9 | Tốt | Tốt | 10.5  | Phạm Thị Thanh Trúc         |
| 98  | 98  | Ngô Minh         | Châu  | Nữ | 8  | 1  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc  | Ngữ văn   | 6B  | 8.2 | Tốt | Tốt | 7.75  | Nguyễn Thị Huy Hoàng        |
| 99  | 99  | Nguyễn Ngọc Bảo  | Châu  | Nữ | 3  | 7  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai      | Ngữ văn   | 6A  | 8.6 | Tốt | Tốt | 7.75  | Nguyễn Thị Mỹ               |
| 100 | 100 | Nguyễn Kim       | Chi   | Nữ | 1  | 7  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6G  | 9.1 | T   | T   | 11    | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 101 | 101 | Nguyễn Thị Thủy  | Chi   | Nữ | 26 | 10 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai      | Ngữ văn   | 6A  | 9.1 | Tốt | Tốt | 12.75 | Nguyễn Thị Mỹ               |
| 102 | 102 | Tiêu Thị Trúc    | Diễm  | Nữ | 24 | 2  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 8.8 | Tốt | Tốt | 8.75  | Bùi Bích Hậu                |
| 103 | 103 | Nguyễn Thị Ngọc  | Diễm  | Nữ | 5  | 1  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà      | Ngữ văn   | 6B  | 8.6 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Duyên            |
| 104 | 104 | Đoàn Ngọc        | Diệp  | Nữ | 18 | 11 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An         | Ngữ văn   | 6A  | 8.5 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Hải Hưng         |
| 105 | 105 | Nguyễn Hương     | Giang | Nữ | 02 | 01 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | TH&THCS Cẩm La     | Ngữ văn   | 6A  | 8.2 | Tốt | Tốt | 13.5  | Lê Thị Thuý                 |
| 106 | 106 | Trần Thị Hà      | Giang | Nữ | 17 | 1  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 8.8 | Tốt | Tốt | 11    | Bùi Bích Hậu                |
| 107 | 107 | Nguyễn Quỳnh     | Giao  | Nữ | 12 | 12 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai    | Ngữ văn   | 6A  | 8.4 | Khá | Tốt | 7     | Trương Hương, Hoàng Yên     |
| 108 | 108 | Đinh Thị         | Hà    | Nữ | 18 | 7  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 6A  | 9   | Tốt | Tốt | 9.75  | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 109 | 109 | Lê Việt          | Hà    | Nữ | 26 | 08 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ       | Ngữ văn   | 6D  | 8.4 | Tốt | Tốt | 8.75  | Đoàn Thị Nhạn               |
| 110 | 110 | Bùi Gia          | Hân   | Nữ | 16 | 1  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An         | Ngữ văn   | 6A  | 9.0 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Hải Hưng         |
| 111 | 111 | Đinh Thị Ngọc    | Hân   | Nữ | 20 | 4  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 6A  | 8.9 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 112 | 112 | Nguyễn Ngọc      | Hân   | Nữ | 8  | 2  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà      | Ngữ văn   | 6B  | 8.4 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Duyên            |
| 113 | 113 | Nguyễn Ngọc      | Hân   | Nữ | 17 | 10 | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6E  | 8.1 | T   | T   | 9.75  | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 114 | 114 | Phạm Thị Minh    | Hằng  | Nữ | 15 | 7  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6E  | 9.0 | T   | T   | 8.75  | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 115 | 115 | Nguyễn Thị Minh  | Hằng  | Nữ | 10 | 03 | 2013 | Vĩnh Phúc              | THCS Yên Hải       | Ngữ văn   | 6B  | 8.2 | Khá | Tốt | 7     | Dương Thị Pho               |
| 116 | 116 | Nguyễn Thái      | Hiền  | Nữ | 7  | 9  | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | Ngữ văn   | 6A  | 8.4 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Khuyến           |
| 117 | 117 | Võ Ngọc          | Hiếu  | Nữ | 05 | 11 | 2012 | Chợ Mới, An Giang      | THCS Tiên An       | Ngữ văn   | 6A  | 8.8 | K   | T   | 9     | Đinh Thị Thu Hà             |
| 118 | 118 | Bùi Thanh        | Hoa   | Nữ | 30 | 1  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai | Ngữ văn   | 6B  | 7.2 | Khá | Tốt | 9.25  | Nguyễn Thị Thu Hiền         |
| 119 | 119 | Hồ Lê Khánh      | Huyền | Nữ | 19 | 12 | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6E  | 8.4 | T   | T   | 9.5   | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 120 | 120 | Lê Ngọc          | Huyền | Nữ | 6  | 5  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc  | Ngữ văn   | 6A  | 8.4 | Tốt | Tốt | 12    | Nguyễn Thị Huy Hoàng        |
| 121 | 121 | Nguyễn Khánh     | Huyền | Nữ | 22 | 07 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải       | Ngữ văn   | 6A  | 8.2 | Khá | Tốt | 11.5  | Phạm Thị Thụy               |
| 122 | 122 | Đặng Khánh       | Linh  | Nữ | 20 | 8  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo | Ngữ văn   | 6A  | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.75 | Trần Thị Doan               |
| 123 | 123 | Đặng Phương      | Linh  | Nữ | 09 | 03 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải       | Ngữ văn   | 6A  | 8.4 | Tốt | Tốt | 12.5  | Phạm Thị Thụy               |
| 124 | 124 | Đào Gia          | Linh  | Nữ | 09 | 01 | 2013 | Thái Bình              | THCS Yên Hải       | Ngữ văn   | 6B  | 8.1 | Tốt | Tốt | 7.25  | Dương Thị Pho               |
| 125 | 125 | Nguyễn Gia       | Linh  | Nữ | 23 | 3  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6A  | 8.5 | Tốt | Tốt | 9.5   | Bùi Bích Hậu                |
| 126 | 126 | Nguyễn Khánh     | Linh  | Nữ | 10 | 9  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An         | Ngữ văn   | 6A  | 8.7 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Hải Hưng         |
| 127 | 127 | Phạm Lê          | Linh  | Nữ | 2  | 2  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.25 | Bùi Bích Hậu                |
| 128 | 128 | Vũ Diệu          | Linh  | Nữ | 20 | 1  | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 9.1 | Tốt | Tốt | 8.25  | Bùi Bích Hậu                |
| 129 | 129 | Nguyễn Thị Kim   | Ngân  | Nữ | 18 | 02 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ       | Ngữ văn   | 6D  | 8.2 | Tốt | Tốt | 7     | Đoàn Thị Nhạn               |
| 130 | 130 | Vũ Kim           | Ngân  | Nữ | 5  | 3  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | Ngữ văn   | 6C  | 8.8 | Tốt | Tốt | 11    | Bùi Bích Hậu                |
| 131 | 131 | Đặng Bảo         | Ngọc  | Nữ | 2  | 9  | 2013 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Ngữ văn 6 | 6A  | 8.5 | T   | T   | 10.25 | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền     |
| 132 | 132 | Đỗ Thị Minh      | Ngọc  | Nữ | 14 | 08 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ       | Ngữ văn   | 6D  | 8.2 | Khá | Tốt | 6     | Đoàn Thị Nhạn               |

|     |     |                   |        |     |    |    |      |                        |                        |           |    |     |     |     |       |                          |
|-----|-----|-------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|------------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|--------------------------|
| 133 | 133 | Lưu Thị Hồng      | Ngọc   | Nữ  | 5  | 3  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành        | Ngữ văn 6 | 6A | 8.7 | T   | T   | 8     | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền  |
| 134 | 134 | Ngô Thị Quỳnh     | Ngọc   | Nữ  | 06 | 4  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân      | Ngữ văn   | 6A | 8.4 | Tốt | Tốt | 6.75  | Lê Thị Hồng Uyên         |
| 135 | 135 | Nguyễn Khánh      | Ngọc   | Nữ  | 2  | 8  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | Ngữ văn   | 6A | 9.0 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Hải Hưng      |
| 136 | 136 | Nguyễn Vũ Khánh   | Ngọc   | Nữ  | 26 | 4  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải         | Ngữ văn   | 6A | 8.5 | Tốt | Tốt | 8.25  | Lê Thị Hương             |
| 137 | 137 | Phạm Thị Bích     | Ngọc   | Nữ  | 14 | 03 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Tiễn An           | Ngữ văn   | 6A | 8.7 | K   | T   | 7.75  | Đinh Thị Thu Hà          |
| 138 | 138 | Nguyễn Thảo       | Nguyễn | Nữ  | 19 | 2  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6C | 8.4 | Tốt | Tốt | 8.75  | Bùi Bích Hậu             |
| 139 | 139 | Bùi Yến           | Nhi    | Nữ  | 23 | 4  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6C | 9   | Tốt | Tốt | 9.25  | Bùi Bích Hậu             |
| 140 | 140 | Mai Kim           | Oanh   | Nữ  | 13 | 11 | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Ngữ văn 6 | 6G | 9.2 | T   | T   | 12    | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền  |
| 141 | 141 | Phạm Thị Kim      | Oanh   | Nữ  | 29 | 3  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiễn Phong     | Ngữ văn   | 6A | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.5  | Phạm Thị Thanh Trúc      |
| 142 | 142 | Nguyễn Y          | Phụng  | Nữ  | 11 | 1  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6C | 9.4 | Tốt | Tốt | 12.25 | Bùi Bích Hậu             |
| 143 | 143 | Cù Thị Lan        | Phượng | Nữ  | 1  | 10 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Ngữ văn   | 6A | 8.6 | Khá | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Mỹ            |
| 144 | 144 | Lê Minh           | Quý    | Nữ  | 18 | 3  | 2013 | Uông Bí-Quảng Ninh     | THCS Hiệp Hòa          | Ngữ văn   | 6A | 9   | Tốt | Tốt | 11.25 | Nguyễn Thị Khuyến        |
| 145 | 145 | Đoàn Ngọc Tổ      | Quyên  | Nữ  | 3  | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | Ngữ văn   | 6B | 8.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Duyên         |
| 146 | 146 | Ngô Thị           | Quyên  | Nữ  | 20 | 1  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải         | Ngữ văn   | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.5  | Lê Thị Hương             |
| 147 | 147 | Bùi Thị Thảo      | Quỳnh  | Nữ  | 15 | 10 | 2013 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai        | Ngữ văn   | 6B | 8.6 | Tốt | Tốt | 9     | Trương Hương, Hoàng Yên  |
| 148 | 148 | Phạm Trần Diễm    | Quỳnh  | Nữ  | 27 | 12 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6A | 8.9 | Tốt | Tốt | 8.75  | Bùi Bích Hậu             |
| 149 | 149 | Nguyễn Trần Thanh | Tâm    | Nữ  | 22 | 10 | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | Ngữ văn   | 6A | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thị Khuyến        |
| 150 | 150 | Bùi Thanh         | Thảo   | Nữ  | 6  | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai        | Ngữ văn   | 6A | 8.6 | Tốt | Tốt | 10.5  | Trương Hương, Hoàng Yên  |
| 151 | 151 | Bùi Thị Ngọc      | Thảo   | Nữ  | 30 | 01 | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | TH&THCS Cẩm La         | Ngữ văn   | 6A | 8.0 | Khá | Tốt | 12    | Lê Thị Thuý              |
| 152 | 152 | Lưu Phương        | Thảo   | Nữ  | 28 | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Nam Hòa           | Ngữ văn   | 6A | 7.2 | Khá | Tốt | 10.75 | Vũ Thị Luyến             |
| 153 | 153 | Nguyễn Thị        | Thơm   | Nữ  | 11 | 3  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai     | Ngữ văn   | 6B | 7.8 | Khá | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thị Thu Hiền      |
| 154 | 154 | Bùi Vũ Minh       | Thư    | Nữ  | 20 | 9  | 2013 | Quảng Yên              | TH, THCS & THPT Yên Hư | Ngữ văn   | 6A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.75 | Lê Thùy Dương            |
| 155 | 155 | Đông Thị Hà       | Thư    | Nữ  | 8  | 1  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6C | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.5  | Bùi Bích Hậu             |
| 156 | 156 | Ngô Hoàng Anh     | Thư    | Nữ  | 16 | 10 | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | Ngữ văn   | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 12    | Nguyễn Thị Hải Hưng      |
| 157 | 157 | Nguyễn Minh       | Thư    | Nữ  | 12 | 4  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An             | Ngữ văn   | 6A | 8.7 | Tốt | Tốt | 11.25 | Nguyễn Thị Hải Hưng      |
| 158 | 158 | Phạm Minh         | Thư    | Nữ  | 15 | 4  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Ngữ văn   | 6A | 8.7 | Tốt | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Mỹ            |
| 159 | 159 | Lương Phương      | Thùy   | Nữ  | 18 | 10 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Ngữ văn   | 6A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Mỹ            |
| 160 | 160 | Nguyễn Thị Thảo   | Trang  | Nữ  | 9  | 1  | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc      | Ngữ văn   | 6B | 8.0 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Huy Hoàng     |
| 161 | 161 | Lưu Thanh         | Trúc   | Nữ  | 02 | 3  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | TH&THCS Hoàng Tân      | Ngữ văn   | 6B | 8.4 | Khá | Tốt | 7.25  | Lê Thị Hồng Uyên         |
| 162 | 162 | Nguyễn Hoàng Thị  | Trúc   | Nữ  | 3  | 2  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Ngữ văn 6 | 6G | 8.8 | T   | T   | 12.75 | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền  |
| 163 | 163 | Nguyễn Thị Thanh  | Trúc   | Nữ  | 6  | 6  | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành        | Ngữ văn 6 | 6E | 9.0 | T   | T   | 13.25 | Phạm Thuý, Nguyễn Huyền  |
| 164 | 164 | Nguyễn Khánh      | Uyên   | Nữ  | 09 | 12 | 2013 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vị           | Ngữ văn   | 6D | 7.8 | Khá | Tốt | 8.25  | Đoàn Thị Nhạn            |
| 165 | 165 | Vũ Khánh          | Vi     | Nữ  | 27 | 6  | 2013 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | Ngữ văn   | 6C | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.75 | Bùi Bích Hậu             |
| 166 | 166 | Nguyễn Hà         | Vy     | Nữ  | 18 | 2  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | Ngữ văn   | 6A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Duyên         |
| 167 | 167 | Nguyễn Hà         | Vy     | Nữ  | 7  | 3  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Ngữ văn   | 6A | 7.5 | Khá | Tốt | 8.25  | Nguyễn Thị Mỹ            |
| 168 | 168 | Vũ Ngọc Thảo      | Vy     | Nữ  | 20 | 11 | 2013 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai     | Ngữ văn   | 6A | 8.2 | Khá | Tốt | 13.5  | Nguyễn Thị Thu Hiền      |
| 169 | 169 | Đinh Hải          | Yến    | Nữ  | 11 | 12 | 2013 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | Ngữ văn   | 6B | 8.6 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Khuyến        |
| 170 | 170 | Nguyễn Thị Hải    | Yến    | Nữ  | 15 | 3  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Ngữ văn   | 6A | 7.4 | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Mỹ            |
| 171 | 171 | Đinh Hải          | An     | Nữ  | 09 | 3  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo     | Anh văn   | 6A | 9.1 | Tốt | Tốt | 10.7  | Phạm Thị Thu Hoài        |
| 172 | 172 | Trần Tâm          | An     | Nữ  | 12 | 4  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Anh văn   | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.6  | Phạm Thuý Dương          |
| 173 | 173 | Lê Phạm Việt      | Anh    | Nam | 25 | 10 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai          | Anh văn   | 6A | 8.5 | Tốt | Tốt | 5.9   | Phạm Thuý Dương          |
| 174 | 174 | Phạm Bảo Đức      | Anh    | Nam | 29 | 4  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn        | Anh văn   | 6E | 9.3 | Tốt | Tốt | 15.9  | Phí Thị Thanh Thủy       |
| 175 | 175 | Phạm Ngọc Bảo     | Anh    | Nữ  | 04 | 07 | 2013 | Quảng Yên              | THCS Liên Vị           | Anh văn   | 6D | 9.3 | T   | T   | 10.25 | H. Chiên, Đ. Lũy, V. Mai |
| 176 | 176 | Nguyễn Gia        | Bảo    | Nam | 18 | 04 | 2013 | Uông Bí                | THCS Liên Vị           | Anh văn   | 6D | 9.4 | K   | T   | 13.25 | H. Chiên, Đ. Lũy, V. Mai |
| 177 | 177 | Lê Đoàn Quế       | Chi    | Nữ  | 21 | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn        | Anh văn   | 6E | 9.0 | Tốt | Tốt | 14.5  | Phí Thị Thanh Thủy       |
| 178 | 178 | Nguyễn Khánh      | Chi    | Nữ  | 25 | 7  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Minh Thành        | Anh văn   | 6G | 87  | Tốt | Tốt | 8.85  | Phạm Bình, Ng. Linh      |

|     |     |                  |        |     |    |    |      |                     |                    |         |    |     |     |     |       |                      |
|-----|-----|------------------|--------|-----|----|----|------|---------------------|--------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|----------------------|
| 179 | 179 | Phạm Trần Kim    | Chi    | Nữ  | 4  | 7  | 2013 | Hạ Long, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 93  | Tốt | Tốt | 13.7  | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 180 | 180 | Vũ Quỳnh         | Chi    | Nữ  | 15 | 11 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.0 | Tốt | Tốt | 13.6  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 181 | 181 | Vũ Quốc          | Cường  | Nam | 29 | 8  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.5  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 182 | 182 | Tô Vũ Linh       | Đan    | Nữ  | 26 | 4  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Yên Hải       | Anh văn | 6B | 8.4 | Tốt | Tốt | 6.65  | Vũ Thị Duyên         |
| 183 | 183 | Vũ Đình          | Đạt    | Nam | 8  | 11 | 2013 | Quảng Yên           | TH&THCS Sông Khoai | Anh văn | 6B | 8.5 | Khá | Tốt | 8.65  | Đàm Thị Hợp          |
| 184 | 184 | Nguyễn Trí       | Đức    | Nam | 16 | 5  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Phong Hải     | Anh văn | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 13.45 | Bùi Thị Vân Hương    |
| 185 | 185 | Vũ Hồng          | Đức    | Nam | 19 | 10 | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 92  | Tốt | Tốt | 11.95 | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 186 | 186 | Đoàn Thùy        | Dương  | Nữ  | 16 | 10 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.1 | Tốt | Tốt | 13.2  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 187 | 187 | Nguyễn Hương     | Giang  | Nữ  | 27 | 12 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.3 | Tốt | Tốt | 16.45 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 188 | 188 | Vũ Thị Thu       | Giang  | Nữ  | 23 | 11 | 2013 | Quảng Yên           | TH&THCS Cẩm La     | Anh văn | 6B | 9.0 | T   | T   | 9.65  | Đinh Thị Thu Hà      |
| 189 | 189 | Bùi Nguyễn Minh  | Hải    | Nam | 2  | 3  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Sông Khoai    | Anh văn | 6B | 9.0 | Khá | Tốt | 6.9   | Nguyễn Thị Lan Anh   |
| 190 | 190 | Hoàng Ngọc       | Hân    | Nữ  | 28 | 2  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.4 | Tốt | Tốt | 16.6  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 191 | 191 | Nguyễn Mai Gia   | Hân    | Nữ  | 14 | 4  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6C | 9.4 | Khá | Tốt | 15.4  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 192 | 192 | Cao Việt         | Hùng   | Nam | 11 | 12 | 2013 | Hạ Long             | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 8.8 | Tốt | Tốt | 12.8  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 193 | 193 | Nguyễn Đức       | Hùng   | Nam | 14 | 3  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.1 | Tốt | Tốt | 15.2  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 194 | 194 | Dương Kim        | Khánh  | Nữ  | 27 | 11 | 2013 | Uông Bí             | TH&THCS Phong Cốc  | Anh văn | 6B | 9.7 | Tốt | Tốt | 14.65 | Lê Quang Vinh        |
| 195 | 195 | Trần Bảo         | Khánh  | Nam | 8  | 1  | 2013 | Hải Phòng           | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 90  | Tốt | Tốt | 10.15 | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 196 | 196 | Đỗ Đăng          | Khoa   | Nam | 25 | 6  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.1 | Tốt | Tốt | 13.25 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 197 | 197 | Đoàn Tùng        | Lâm    | Nam | 24 | 11 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.1 | Tốt | Tốt | 14.2  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 198 | 198 | Vũ Khánh         | Lan    | Nữ  | 4  | 4  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 97  | Tốt | Tốt | 15.2  | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 199 | 199 | Đinh Thị Diệu    | Linh   | Nữ  | 2  | 8  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Sông Khoai    | Anh văn | 6B | 9.1 | Khá | Tốt | 6.9   | Nguyễn Thị Lan Anh   |
| 200 | 200 | Nguyễn Lê Hà     | Linh   | Nữ  | 23 | 9  | 2013 | Uông Bí             | THCS Phong Hải     | Anh văn | 6A | 9.4 | Tốt | Tốt | 10.25 | Bùi Thị Vân Hương    |
| 201 | 201 | Nguyễn Ngọc      | Linh   | Nữ  | 1  | 9  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 95  | Tốt | Tốt | 16    | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 202 | 202 | Nguyễn Ngọc Bảo  | Linh   | Nữ  | 4  | 8  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Nam Hòa       | Anh văn | 6A | 8.8 | Tốt | Tốt | 9.7   | Nguyễn Thị Hiền      |
| 203 | 203 | Ôn Gia           | Minh   | Nam | 4  | 8  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6E | 84  | Tốt | Tốt | 8.2   | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 204 | 204 | Vũ Hoàng         | Minh   | Nam | 30 | 10 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.4 | Tốt | Tốt | 17.5  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 205 | 205 | Lê Hà            | My     | Nữ  | 24 | 7  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6E | 91  | Tốt | Tốt | 8.25  | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 206 | 206 | Nguyễn Thảo      | My     | Nữ  | 3  | 1  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Đông Mai      | Anh văn | 6A | 8.5 | Tốt | Tốt | 7.8   | Phạm Thuý Dương      |
| 207 | 207 | Nguyễn Thảo      | My     | Nữ  | 17 | 2  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Hà An         | Anh văn | 6A | 9.3 | Tốt | Tốt | 10.55 | Đinh Thị Huyền Trang |
| 208 | 208 | Nguyễn Thành     | Nam    | Nam | 23 | 11 | 2013 | Hạ Long             | THCS Tân An        | Anh văn | 6A | 7.3 | TỐT | TỐT | 8.6   | Nguyễn Thị Nhung     |
| 209 | 209 | Đoàn Thị Thanh   | Ngân   | Nữ  | 28 | 1  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.4 | Tốt | Tốt | 14.05 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 210 | 210 | Đinh Bảo         | Ngọc   | Nữ  | 7  | 11 | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6E | 98  | Tốt | Tốt | 12.55 | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 211 | 211 | Phạm Khánh       | Ngọc   | Nữ  | 15 | 5  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.3 | Tốt | Tốt | 15.75 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 212 | 212 | Nguyễn Trần Thục | Nguyễn | Nữ  | 6  | 8  | 2013 | Uông Bí, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6G | 95  | Tốt | Tốt | 13.25 | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 213 | 213 | Bùi Thị Thanh    | Nhi    | Nữ  | 24 | 3  | 2013 | Quảng Yên           | TH&THCS Sông Khoai | Anh văn | 6A | 8.6 | Khá | Tốt | 8.35  | Đàm Thị Hợp          |
| 214 | 214 | Phạm Thị Yên     | Nhi    | Nữ  | 26 | 2  | 2013 | Uông Bí- Quảng Ninh | TH&THCS Cẩm La     | Anh văn | 6A | 8.8 | T   | T   | 5.5   | Đinh Thị Thu Hà      |
| 215 | 215 | Trần Yên         | Nhi    | Nữ  | 2  | 1  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6C | 9.0 | Tốt | Tốt | 13    | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 216 | 216 | Trần Hoàng       | Phúc   | Nam | 23 | 4  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Tiên An       | Anh văn | 6A | 8.8 | K   | T   | 5.65  | Phạm Kiều My         |
| 217 | 217 | Nguyễn Minh      | Quang  | Nam | 16 | 2  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.5 | Tốt | Tốt | 16.65 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 218 | 218 | Hà Phạm Bảo      | Quỳnh  | Nữ  | 16 | 9  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Tiên An       | Anh văn | 6A | 8.8 | K   | T   | 7.5   | Phạm Kiều My         |
| 219 | 219 | Vũ Như           | Quỳnh  | Nữ  | 2  | 8  | 2013 | Quảng Yên           | TH&THCS Phong Cốc  | Anh văn | 6A | 8.0 | Tốt | Tốt | 9     | Lê Quang Vinh        |
| 220 | 220 | Nguyễn Hữu       | Sơn    | Nam | 27 | 10 | 2013 | Hạ Long, Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn | 6E | 87  | Tốt | Tốt | 8.3   | Phạm Bình, Ng. Linh  |
| 221 | 221 | Nguyễn Thế       | Sơn    | Nam | 19 | 10 | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.85 | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 222 | 222 | Lê Gia           | Thái   | Nam | 6  | 8  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6C | 8.9 | Khá | Tốt | Vắng  | Phí Thị Thanh Thủy   |
| 223 | 223 | Trần Nam         | Thành  | Nam | 27 | 2  | 2013 | Quảng Yên           | THCS Liên Hoà      | Anh văn | 6C | 8.8 | Tốt | Tốt | 12.9  | Ng. Quyết -Lê Hà     |
| 224 | 224 | Đỗ Nguyễn Phươn  | Thảo   | Nữ  | 26 | 01 | 2013 | Uông Bí             | THCS Trần Hưng Đạo | Anh văn | 6C | 9.1 | Khá | Tốt | 11.5  | Phạm Thị Thu Hoài    |

|     |     |              |       |     |    |    |      |           |                    |         |    |     |     |     |       |                    |
|-----|-----|--------------|-------|-----|----|----|------|-----------|--------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|--------------------|
| 225 | 225 | Nguyễn Minh  | Thư   | Nữ  | 7  | 9  | 2013 | Uông Bí   | THCS Cộng Hoà      | Anh văn | 6B | 9.1 | Tốt | Tốt | 7.5   | Lê Cúc - Ng. Triều |
| 226 | 226 | Nguyễn Quang | Tiến  | Nam | 19 | 8  | 2013 | Quảng Yên | THCS Cộng Hoà      | Anh văn | 6A | 9   | Khá | Tốt | 7.1   | Lê Cúc - Ng. Triều |
| 227 | 227 | Trần Bảo     | Trâm  | Nữ  | 19 | 5  | 2013 | Hạ Long   | THCS Trần Hưng Đạo | Anh văn | 6A | 8.7 | Tốt | Tốt | 7.5   | Phạm Thị Thu Hoài  |
| 228 | 228 | Bùi Ngọc Bảo | Trang | Nữ  | 25 | 8  | 2013 | Quảng Yên | THCS Hiệp Hòa      | Anh 6   | 6A | 9.6 | Tốt | Tốt | 14.25 | Nguyễn Minh Thùy   |
| 229 | 229 | Vũ Đức       | Trọng | Nam | 23 | 4  | 2013 | Quảng Yên | THCS Sông Khoai    | Anh văn | 6C | 9.4 | Tốt | Tốt | 11.5  | Nguyễn Thị Lan Anh |
| 230 | 230 | Vũ Minh      | Tú    | Nam | 21 | 10 | 2013 | Uông Bí   | THCS Phong Hải     | Anh văn | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 10.8  | Bùi Thị Vân Hương  |
| 231 | 231 | Phạm Hải     | Vi    | Nữ  | 7  | 8  | 2013 | Quảng Yên | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6A | 9.5 | Tốt | Tốt | 12    | Phí Thị Thanh Thủy |
| 232 | 232 | Lê Mã Hạo    | Vũ    | Nam | 18 | 6  | 2013 | Quảng Yên | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 6E | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.45 | Phí Thị Thanh Thủy |
| 233 | 233 | Đỗ Thị Hà    | Vy    | Nữ  | 15 | 6  | 2013 | Quảng Yên | TH&THCS Tiễn Phong | Anh văn | 6A | 8.3 | Khá | Tốt | 5.5   | Vũ Tiễn Hương      |
| 234 | 234 | Ngô Thị Hà   | Vy    | Nữ  | 13 | 4  | 2013 | Quảng Yên | THCS Nam Hòa       | Anh văn | 6A | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.15 | Nguyễn Thị Hiền    |
| 235 | 235 | Nguyễn Hồng  | Yên   | Nữ  | 25 | 10 | 2013 | Quảng Yên | THCS Hiệp Hòa      | Anh 6   | 6B | 8.8 | Tốt | Tốt | 9.6   | Nguyễn Minh Thùy   |

## KẾT QUẢ ĐIỂM GIAO LƯU HỌC SINH GIỎI LỚP 7, CẤP THỊ XÃ- NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công căn số 465/PGDDT-CMTHCS ngày 23/4/2025của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| TT | SBD | Họ đệm           | Tên    | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh |    |      | Nơi sinh            | Học sinh trường     | Dự thi môn | Lớp | Điểm TB MDT | Xếp loại GD |     | Điểm thi | Giáo viên dạy               |
|----|-----|------------------|--------|-----------|-----------------------|----|------|---------------------|---------------------|------------|-----|-------------|-------------|-----|----------|-----------------------------|
|    |     |                  |        |           |                       |    |      |                     |                     |            |     |             | HL          | HK  |          |                             |
| 1  | 236 | Bùi Lê Đức       | Anh    | Nam       | 28                    | 06 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.9         | Tốt         | Tốt | 8.25     | Lê Thị Thu Hà               |
| 2  | 237 | Vũ Hoàng         | Anh    | Nam       | 15                    | 5  | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Minh Thành     | Toán       | 7G  | 9.8         | T           | T   | 4.25     | Bùi Thị Vân Anh             |
| 3  | 238 | Lê Hoàng Thái    | Bảo    | Nam       | 10                    | 8  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Liên Hoà       | Toán       | 7A  | 8.9         | Tốt         | Tốt | 9.5      | Lâm Thị Hồng Thủy           |
| 4  | 239 | Nguyễn Gia       | Bảo    | Nam       | 1                     | 1  | 2012 | Hạ Long - QN        | THCS Minh Thành     | Toán       | 7G  | 9.4         | T           | T   | 2.75     | Bùi Thị Vân Anh             |
| 5  | 240 | Trần Nguyễn Gia  | Bảo    | Nam       | 1                     | 03 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 7.25     | Lê Thị Thu Hà               |
| 6  | 241 | Lăng Ngọc        | Bích   | Nữ        | 4                     | 4  | 2012 | Lạc Thủy - Hòa Bình | THCS Minh Thành     | Toán       | 7G  | 9.5         | T           | T   | 9        | Bùi Thị Vân Anh             |
| 7  | 242 | Đỗ Bảo           | Châu   | Nữ        | 03                    | 4  | 2012 | Việt Trì - Phú Thọ  | THCS Trần Hưng Đạo  | Toán       | 7A  | 9.5         | Tốt         | Tốt | 5        | Vũ Thị Ngọc Anh             |
| 8  | 243 | Lê Nguyễn Minh   | Châu   | Nữ        | 10                    | 12 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7E  | 9.6         | Tốt         | Tốt | 4.5      | Lê Hà, Ng' Hưng             |
| 9  | 244 | Lê Phương        | Chi    | Nữ        | 20                    | 12 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7E  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 11       | Lê Hà, Ng' Hưng             |
| 10 | 245 | Vũ Đức           | Đam    | Nam       | 25                    | 3  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Phong Hải      | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 8        | Lê Thị Huyền                |
| 11 | 246 | Nguyễn Minh      | Đăng   | Nam       | 30                    | 12 | 2012 | Uông Bí - QN        | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 9.25     | Lê Thị Thu Hà               |
| 12 | 247 | Vũ Hải           | Đăng   | Nam       | 18                    | 12 | 2012 | Hạ Long             | TH&THCS Cẩm La      | Toán       | 7A  | 9.0         | Tốt         | Tốt | 7.75     | Ngô Thị Lương               |
| 13 | 248 | Bùi Tuấn         | Đạt    | Nam       | 30                    | 7  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Phong Hải      | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 9.5      | Lê Thị Huyền                |
| 14 | 249 | Ngô Anh          | Đức    | Nam       | 22                    | 10 | 2012 | Quảng Yên           | TH&THCS Phong Cốc   | Toán       | 7B  | 8.3         | Khá         | Tốt | 3        | Ng.Oanh- Ngô Tiến           |
| 15 | 250 | Nguyễn Minh      | Đức    | Nam       | 29                    | 2  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Hiệp Hòa       | Toán       | 7E  | 8.5         | Tốt         | Tốt | 7.5      | Nguyễn Thị Vân              |
| 16 | 251 | Phạm Duy Anh     | Đức    | Nam       | 6                     | 1  | 2012 | Uông Bí- QN         | Trường THCS Tiên An | Toán       | 7   | 9.0         | T           | T   | 5        | Vũ An Hưng                  |
| 17 | 252 | Đặng Trường      | Giang  | Nam       | 02                    | 07 | 2012 | Uông Bí - QN        | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 13.25    | Lê Thị Thu Hà               |
| 18 | 253 | Hoàng Khánh      | Giang  | Nữ        | 30                    | 03 | 2012 | Uông Bí - QN        | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 14.5     | Lê Thị Thu Hà               |
| 19 | 254 | Nguyễn Tiến      | Hải    | Nam       | 08                    | 08 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 9.5      | Lê Thị Thu Hà               |
| 20 | 255 | Trần Đức         | Hải    | Nam       | 31                    | 10 | 2012 | Cao Lộc-Lang Sơn    | THCS Liên Hoà       | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Khá | 17       | Lâm Thị Hồng Thủy           |
| 21 | 256 | Vũ Đình          | Hải    | Nam       | 16                    | 11 | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Hiệp Hòa       | Toán       | 7G  | 8.9         | Tốt         | Tốt | 3.75     | Nguyễn Thị Vân              |
| 22 | 257 | Nguyễn Ngọc      | Hân    | Nữ        | 12                    | 11 | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Liên Vị        | Toán       | 7D  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 7.5      | Lê Thị Hồng Nhung           |
| 23 | 258 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền   | Nữ        | 24                    | 02 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 7.25     | Lê Thị Thu Hà               |
| 24 | 259 | Bùi Công Nhật    | Hoàn   | Nam       | 19                    | 11 | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Phong Hải      | Toán       | 7B  | 9.5         | Tốt         | Tốt | 11.25    | Lê Thị Huyền                |
| 25 | 260 | Vũ Huy           | Hoàng  | Nam       | 07                    | 6  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Yên Hải        | Toán       | 7   | 9.3         | Khá         | Tốt | 8.5      | Trần Thảo, P. Bằng, H. Thủy |
| 26 | 261 | Nguyễn Tuấn      | Hùng   | Nam       | 8                     | 3  | 2012 | Cẩm Phá             | THCS Cộng Hoà       | Toán       | 7E  | 9.1         | Khá         | Tốt | 10       | D.Hương - Ng.Chung          |
| 27 | 262 | Vũ Nguyên        | Hung   | Nam       | 07                    | 05 | 2012 | Quảng Yên           | THCS Trần Hưng Đạo  | Toán       | 7A  | 8.9         | Tốt         | Tốt | 3.25     | Vũ Thị Ngọc Anh             |
| 28 | 263 | Nguyễn Văn       | Huy    | Nam       | 19                    | 02 | 2012 | Uông Bí             | THCS Trần Hưng Đạo  | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 7.5      | Vũ Thị Ngọc Anh             |
| 29 | 264 | Lại Ngô Hải      | Huyền  | Nữ        | 21                    | 10 | 2012 | Uông Bí-QN          | THCS Đông Mai       | Toán       | 7A  | 9.2         | Khá         | Tốt | 6.5      | Trần Thị Thu Huyền          |
| 30 | 265 | Hồ Minh          | Khang  | Nam       | 29                    | 5  | 2012 | Hải Dương           | Trường THCS Tiên An | Toán       | 7   | 8.7         | T           | T   | 4        | Vũ An Hưng                  |
| 31 | 266 | Nguyễn Đăng      | Khánh  | Nam       | 24                    | 10 | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Phong Hải      | Toán       | 7A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 9        | Lê Thị Huyền                |
| 32 | 267 | Đỗ Khánh Phương  | Linh   | Nữ        | 1                     | 11 | 2012 | Quảng Yên,QN        | TH&THCS Sông Khoai  | Toán       | 7A  | 9.2         | Khá         | Tốt | 8.25     | Lương Thị Quỳnh Nga         |
| 33 | 268 | Nguyễn Ngọc      | Linh   | Nữ        | 20                    | 8  | 2012 | Quảng Yên           | TH&THCS Tiên Phong  | Toán       | 7   | 8.1         | Tốt         | Tốt | 2.75     | Tô Thị Kiều Oanh            |
| 34 | 269 | Phạm Ngọc        | Linh   | Nữ        | 01                    | 05 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.5         | Tốt         | Tốt | 7.75     | Lê Thị Thu Hà               |
| 35 | 270 | Lê Đình          | Long   | Nam       | 3                     | 6  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Hà An          | Toán       | 7D  | 8.7         | Khá         | Tốt | 5        | P. H. Anh - P. N. Anh       |
| 36 | 271 | Nguyễn Bảo       | Long   | Nam       | 21                    | 03 | 2012 | Quảng Yên - QN      | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 12.5     | Lê Thị Thu Hà               |
| 37 | 272 | Đình Đức         | Lương  | Nam       | 10                    | 6  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Hiệp Hòa       | Toán       | 7G  | 8.7         | Tốt         | Tốt | 4.5      | Nguyễn Thị Vân              |
| 38 | 273 | Nguyễn Đức       | Mạnh   | Nam       | 1                     | 5  | 2021 | Quảng Yên           | TH&THCS Tiên Phong  | Toán       | 7   | 9.3         | Khá         | Tốt | 8.25     | Tô Thị Kiều Oanh            |
| 39 | 274 | Đào Giang        | Minh   | Nam       | 14                    | 5  | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Liên Hoà       | Toán       | 7A  | 9           | Tốt         | Khá | 10       | Lâm Thị Hồng Thủy           |
| 40 | 275 | Lưu Quang        | Minh   | Nam       | 15                    | 05 | 2012 | Uông Bí - QN        | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 5.75     | Lê Thị Thu Hà               |
| 41 | 276 | Nguyễn Đăng      | Minh   | Nam       | 21                    | 06 | 2012 | Uông Bí - QN        | THCS Lê Quý Đôn     | Toán       | 7A  | 9.2         | Tốt         | Tốt | 7.75     | Lê Thị Thu Hà               |
| 42 | 277 | Nguyễn Quang     | Minh   | Nam       | 27                    | 7  | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Minh Thành     | Toán       | 7G  | 9.8         | T           | T   | 12       | Bùi Thị Vân Anh             |
| 43 | 278 | Nguyễn Tân       | Minh   | Nam       | 16                    | 3  | 2012 | Quảng Yên           | TH&THCS Sông Khoai  | Toán       | 7B  | 9.6         | Tốt         | Tốt | 6        | Đinh Thị Thu Thủy           |
| 44 | 279 | Nguyễn Tuệ       | Minh   | Nữ        | 07                    | 02 | 2012 | Quảng Yên,QN        | THCS Liên Vị        | Toán       | 7D  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 6        | Lê Thị Hồng Nhung           |
| 45 | 280 | Phùng Hải        | Nam    | Nam       | 27                    | 9  | 2012 | Đông Đa - Hà Nội    | THCS Trần Hưng Đạo  | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 7.25     | Vũ Thị Ngọc Anh             |
| 46 | 281 | Đỗ Nguyễn Bảo    | Ngọc   | Nữ        | 16                    | 10 | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Tân An         | Toán       | 7A  | 9.2         | Tốt         | Tốt | 11.5     | Hoàng Thị Khuyến            |
| 47 | 282 | Ngô Minh         | Nguyễn | Nam       | 25                    | 5  | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Nam Hòa        | Ngữ văn    | 7A  | 8.9         | Tốt         | Tốt | 4.5      | Lê Thị Hòa                  |
| 48 | 283 | Phạm Khôi        | Nguyễn | Nam       | 16                    | 3  | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Hà An          | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 6.75     | P. H. Anh - P. N. Anh       |
| 49 | 284 | Nguyễn Minh      | Nguyệt | Nữ        | 6                     | 10 | 2012 | Quảng Yên           | THCS Công Hoà       | Toán       | 7A  | 9.2         | Tốt         | Tốt | 8.25     | D.Hương - Ng.Chung          |
| 50 | 285 | Nguyễn Thị Thanh | Nhân   | Nữ        | 4                     | 8  | 2012 | Uông Bí- QN         | THCS Minh Thành     | Toán       | 7G  | 9.6         | T           | T   | 5.25     | Bùi Thị Vân Anh             |

|     |     |                   |        |     |    |    |      |                        |                          |         |    |     |     |     |       |                             |
|-----|-----|-------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|--------------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|-----------------------------|
| 51  | 286 | Bùi Minh          | Nhật   | Nam | 31 | 5  | 2012 | Uông Bí- QN            | THCS Minh Thành          | Toán    | 7E | 9.3 | T   | T   | 7.25  | Bùi Thị Vân Anh             |
| 52  | 287 | Lê Thị Quỳnh      | Như    | Nữ  | 31 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong       | Toán    | 7  | 9.1 | Tốt | Tốt | 3.5   | Tô Thị Kiều Oanh            |
| 53  | 288 | Nguyễn Cao        | Phong  | Nam | 12 | 5  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Hà An               | Toán    | 7A | 9.2 | Tốt | Tốt | 1.5   | P. H. Anh - P. N. Anh       |
| 54  | 289 | Nguyễn Hải        | Phong  | Nam | 16 | 11 | 2012 | Thủy Nguyên - HP       | THCS Lê Quý Đôn          | Toán    | 7A | 9.3 | Tốt | Tốt | 8.25  | Lê Thị Thu Hà               |
| 55  | 290 | Trần Vũ           | Phong  | Nam | 14 | 02 | 2012 | Uông Bí - QN           | THCS Lê Quý Đôn          | Toán    | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 11.5  | Lê Thị Thu Hà               |
| 56  | 291 | Vũ Nguyễn         | Phong  | Nam | 29 | 6  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo       | Toán    | 7B | 9.7 | Tốt | Tốt | 7     | Vũ Thị Ngọc Anh             |
| 57  | 292 | Bùi Trinh Minh    | Quân   | Nam | 5  | 1  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Hiệp Hòa            | Toán    | 7G | 9   | Tốt | Tốt | 4.5   | Nguyễn Thị Vân              |
| 58  | 293 | Đặng Thái         | Son    | Nam | 10 | 4  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Yên Hải             | Toán    | 7  | 9.2 | Khá | Tốt | 6     | Trần Thảo, P. Bằng, H. Thủy |
| 59  | 294 | Đàm Anh           | Tài    | Nam | 28 | 2  | 2012 | Uông Bí- QN            | Trường THCS Tiên An      | Toán    | 7  | 8.7 | K   | T   | 2.75  | Vũ An Hưng                  |
| 60  | 295 | Vũ Tiến           | Tâm    | Nam | 22 | 05 | 2012 | Quảng Yên - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Toán    | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 7     | Lê Thị Thu Hà               |
| 61  | 296 | Nguyễn Minh       | Thái   | Nam | 2  | 2  | 2012 | Hồng Bàng- HP          | THCS Sông Khoai          | Toán    | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 5.25  | Điệp Linh, Mai Anh          |
| 62  | 297 | Phạm Tiến         | Thành  | Nam | 19 | 5  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Hà An               | Toán    | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 5     | P. H. Anh - P. N. Anh       |
| 63  | 298 | Dương Văn         | Thìn   | Nam | 21 | 5  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Cẩm La           | Toán    | 7A | 8.7 | Khá | Tốt | 3.5   | Ngô Thị Lương               |
| 64  | 299 | Bùi Đức Tài       | Thịnh  | Nam | 09 | 02 | 2012 | Quảng Yên - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Toán    | 7A | 9.9 | Tốt | Tốt | 12.5  | Lê Thị Thu Hà               |
| 65  | 300 | Đàm Gia           | Thịnh  | Nam | 29 | 2  | 2012 | Uông Bí- QN            | THCS Tân An              | Toán    | 7A | 8.2 | Khá | Tốt | 13    | Hoàng Thị Khuyên            |
| 66  | 301 | Phạm Ngô Mạnh     | Toàn   | Nam | 7  | 1  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Tân An              | Toán    | 7A | 8.4 | Khá | Tốt | 10    | Hoàng Thị Khuyên            |
| 67  | 302 | Đoàn Mạnh         | Trường | Nam | 15 | 10 | 2012 | Uông Bí- QN            | THCS Minh Thành          | Toán    | 7G | 9.6 | T   | T   | 7     | Bùi Thị Vân Anh             |
| 68  | 303 | Bùi Anh           | Tuấn   | Nam | 6  | 4  | 2012 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai          | Toán    | 7A | 9.3 | Tốt | Tốt | 5.5   | Điệp Linh, Mai Anh          |
| 69  | 304 | Nguyễn Quang      | Vũ     | Nam | 16 | 6  | 2012 | Quảng Yên,QN           | THCS Hà An               | Toán    | 7B | 9.4 | Tốt | Tốt | 6.75  | P. H. Anh - P. N. Anh       |
| 70  | 305 | Đinh Ngọc An      | An     | Nữ  | 4  | 10 | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn | 7E | 9.3 | T   | T   | 11.5  | Vũ Thị Hiền                 |
| 71  | 306 | Bùi Mai           | Anh    | Nữ  | 25 | 7  | 2012 | Quảng Yên              | TH, THCS & THPT Yên Hưng | Ngữ văn | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 9     | Nguyễn Thị Hoa Mai          |
| 72  | 307 | Hoàng Diệp        | Anh    | Nữ  | 12 | 01 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ             | Ngữ văn | 7D | 7.5 | Khá | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Hằng             |
| 73  | 308 | Lê Vũ Quỳnh       | Anh    | Nữ  | 24 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | TH, THCS & THPT Yên Hưng | Ngữ văn | 7A | 9.2 | Tốt | Tốt | 8     | Nguyễn Thị Hoa Mai          |
| 74  | 309 | Ngô Quỳnh         | Anh    | Nữ  | 22 | 3  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Tiên An             | Ngữ văn | 7A | 8.5 | T   | T   | 14    | Hồ Thị Hồng Nhung           |
| 75  | 310 | Nguyễn Ngọc Huyền | Anh    | Nữ  | 17 | 12 | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Hà An               | Ngữ văn | 7A | 8.4 | Tốt | Tốt | 9     | Bùi Hương-Dương Thảo        |
| 76  | 311 | Nguyễn Thị Vân    | Anh    | Nữ  | 10 | 6  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà            | Ngữ Văn | 7A | 8.2 | Tốt | Khá | 10.5  | Nguyễn Thị Thủy             |
| 77  | 312 | Nguyễn Thị Vân    | Anh    | Nữ  | 17 | 2  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn | 7D | 8.9 | Tốt | Tốt | 11.5  | Mai Thủy Hà                 |
| 78  | 313 | Nguyễn Ngọc       | Bích   | Nữ  | 28 | 9  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Đông Mai            | Ngữ văn | 7A | 8.0 | Tốt | Tốt | 8     | Hà Thị Phong                |
| 79  | 314 | Phạm Thị Ngọc     | Bích   | Nữ  | 21 | 05 | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Liên Vĩ             | Ngữ văn | 7D | 9.0 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Hằng             |
| 80  | 315 | Nguyễn Khánh      | Chi    | Nữ  | 29 | 4  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7E | 8.9 | Tốt | Tốt | 12    | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 81  | 316 | Phạm Khánh        | Chi    | Nữ  | 21 | 8  | 2012 | Hà Long                | THCS Công Hoà            | Ngữ văn | 7E | 8.3 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Duyên            |
| 82  | 317 | Vũ Ngọc Mai       | Chi    | Nữ  | 31 | 5  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn | 7A | 8.2 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Huyền- Nguyễn Hà         |
| 83  | 318 | Nguyễn Thanh      | Chúc   | Nữ  | 21 | 1  | 2012 | Hải Phòng              | THCS Công Hoà            | Ngữ văn | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Thị Lê                   |
| 84  | 319 | Bùi Ngọc          | Diệp   | Nữ  | 3  | 1  | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7C | 9.2 | Tốt | Tốt | 12    | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 85  | 320 | Nguyễn Thùy       | Dung   | Nữ  | 02 | 07 | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | TH&THCS Cẩm La           | Ngữ văn | 7A | 8.1 | Tốt | Tốt | 10.5  | Tăng Thị Thơm               |
| 86  | 321 | Đào Việt          | Dũng   | Nam | 12 | 6  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7C | 9   | Tốt | Tốt | 11.5  | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 87  | 322 | Đỗ Thủy           | Dương  | Nữ  | 6  | 12 | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong       | Ngữ văn | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 8.5   | Phạm Thị Thanh Trúc         |
| 88  | 323 | Tô Ánh            | Dương  | Nữ  | 18 | 11 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân        | Ngữ văn | 7B | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Thị Chính                |
| 89  | 324 | Trần Anh          | Dương  | Nữ  | 7  | 9  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7C | 9   | Tốt | Tốt | 12.5  | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 90  | 325 | Lăng Lam          | Giang  | Nữ  | 21 | 9  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn | 7E | 9.2 | T   | T   | 11    | Vũ Thị Hiền                 |
| 91  | 326 | Lê Thị Thu        | Giang  | Nữ  | 15 | 10 | 2012 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải           | Ngữ văn | 7A | 8.2 | Tốt | Tốt | 10.25 | Đỗ Thị Thu Hương            |
| 92  | 327 | Nguyễn Hương      | Giang  | Nữ  | 29 | 2  | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7C | 8.1 | Tốt | Tốt | 11    | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 93  | 328 | Nguyễn Hương      | Giang  | Nữ  | 04 | 11 | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải             | Ngữ văn | 7A | 8.5 | Tốt | Tốt | 11.75 | PhạmThủy, Lê Ninh           |
| 94  | 329 | Nguyễn Ngân       | Giang  | Nữ  | 16 | 6  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7E | 8.9 | Tốt | Tốt | 10.75 | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 95  | 330 | Vũ Hương          | Giang  | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà            | Ngữ Văn | 7A | 8.3 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Thủy             |
| 96  | 331 | Vũ Hương          | Giang  | Nữ  | 16 | 8  | 2012 | Uông Bí-Quảng Ninh     | THCS Tân An              | Ngữ văn | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 12.25 | Vũ Bình Yên                 |
| 97  | 332 | Lại Diệp          | Hà     | Nữ  | 10 | 9  | 2012 | Thái Bình              | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7E | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.25 | Trần Hoa, Ng. Loan          |
| 98  | 333 | Nguyễn Đông       | Hải    | Nam | 27 | 11 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân        | Ngữ văn | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Thị Chính                |
| 99  | 334 | Phạm Thị Trường   | Hải    | Nữ  | 05 | 03 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Vĩ             | Ngữ văn | 7D | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Hằng             |
| 100 | 335 | Dương Bảo         | Hân    | Nữ  | 16 | 5  | 2012 | Uông Bí-Quảng Ninh     | TH&THCS Phong Cốc        | Ngữ văn | 7B | 8.6 | Tốt | Tốt | 10    | Ngô Yên - Phạm Liên         |
| 101 | 336 | Phạm Quỳnh        | Hoa    | Nữ  | 20 | 03 | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải             | Ngữ văn | 7A | 8.4 | Tốt | Tốt | 13.5  | PhạmThủy, Lê Ninh           |
| 102 | 337 | Nguyễn Thị Minh   | Hương  | Nữ  | 1  | 2  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà            | Ngữ Văn | 7B | 8.4 | Tốt | Tốt | 11.5  | Nguyễn Thị Thủy             |
| 103 | 338 | Đinh Thị Khánh    | Huyền  | Nữ  | 6  | 6  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai       | Ngữ văn | 7B | 8.4 | Khá | Tốt | 12.75 | Thái Lệ Hằng                |
| 104 | 339 | Nguyễn Thị Ánh    | Huyền  | Nữ  | 30 | 4  | 2012 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai          | Ngữ Văn | 7D | 8.7 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thủy, Trần Thảo      |
| 105 | 340 | Bùi Lương Minh    | Khánh  | Nữ  | 27 | 7  | 2012 | Biển Hoà-Đông Nai      | THCS Trần Hưng Đạo       | Ngữ văn | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.5  | Bach Thủy + Trần Doan       |
| 106 | 341 | Nguyễn Văn        | Kiên   | Nam | 27 | 7  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Phong Cốc        | Ngữ văn | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.5  | Ngô Yên - Phạm Liên         |
| 107 | 342 | Bui Minh          | Kiệt   | Nam | 23 | 7  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn | 7C | 8.6 | Tốt | Tốt | 11.5  | Trần Hoa, Ng. Loan          |

|     |     |                  |        |     |    |    |      |                        |                          |           |    |     |     |     |       |                        |
|-----|-----|------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|--------------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|------------------------|
| 108 | 343 | Bùi Thị Ngọc     | Linh   | Nữ  | 7  | 12 | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai       | Ngữ văn   | 7A | 8.8 | Khá | Tốt | 9.5   | Thái Lệ Hằng           |
| 109 | 344 | Đinh Bảo         | Linh   | Nữ  | 1  | 4  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7G | 8.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 110 | 345 | Đinh Thị Thuý    | Linh   | Nữ  | 7  | 8  | 2012 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà            | Ngữ văn   | 7A | 7.8 | Khá | Tốt | 10.5  | Vũ Thị Lệ              |
| 111 | 346 | Đổng Diệu        | Linh   | Nữ  | 23 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Tiên An             | Ngữ văn   | 7A | 8.3 | K   | T   | 11.5  | Hồ Thị Hồng Nhung      |
| 112 | 347 | Hoàng Khánh      | Linh   | Nữ  | 14 | 7  | 2012 | Uông Bí                | THCS Đông Mai            | Ngữ văn   | 7A | 8.5 | Tốt | Tốt | 12.75 | Hà Thị Phong           |
| 113 | 348 | Phạm Thị Thuý    | Linh   | Nữ  | 2  | 12 | 2012 | Quảng Yên              | THCS Tiên An             | Ngữ văn   | 7A | 8.6 | T   | T   | 12.5  | Hồ Thị Hồng Nhung      |
| 114 | 349 | Đặng Thị Bảo     | Loan   | Nữ  | 14 | 9  | 2012 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai          | Ngữ Văn   | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.25 | Nguyễn Thuý, Trần Thảo |
| 115 | 350 | Bùi Thị Tuyết    | Mai    | Nữ  | 14 | 7  | 2012 | Uông Bí                | THCS Đông Mai            | Ngữ văn   | 7A | 8.2 | Tốt | Tốt | 8     | Hà Thị Phong           |
| 116 | 351 | Bùi Tuyết        | Mai    | Nữ  | 9  | 11 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7E | 8   | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 117 | 352 | Bùi Quang        | Minh   | Nam | 20 | 9  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Phong Cốc        | Ngữ văn   | 7A | 7.9 | Khá | Tốt | 9     | Ngô Yến - Phạm Liên    |
| 118 | 353 | Nguyễn Phạm Trà  | My     | Nữ  | 14 | 2  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà            | Ngữ văn   | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Vũ Thị Lệ              |
| 119 | 354 | Nguyễn Tuyết     | Nga    | Nữ  | 14 | 2  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7C | 8.2 | Tốt | Tốt | 10    | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 120 | 355 | Lăng Bảo         | Ngân   | Nữ  | 5  | 9  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn   | 7E | 9   | T   | T   | 10.75 | Vũ Thị Hiền            |
| 121 | 356 | Lê Thị Thu       | Ngân   | Nữ  | 4  | 1  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Phong Cốc        | Ngữ văn   | 7B | 8.7 | Tốt | Tốt | 8     | Ngô Yến - Phạm Liên    |
| 122 | 357 | Ngô Nguyễn Như   | Ngọc   | Nữ  | 18 | 9  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7C | 8.9 | Tốt | Tốt | 13.25 | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 123 | 358 | Lê Thị Khánh     | Nhi    | Nữ  | 14 | 02 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân        | Ngữ văn   | 7A | 8.7 | Khá | Tốt | 9     | Vũ Thị Chính           |
| 124 | 359 | Nguyễn Thị Yên   | Nhi    | Nữ  | 3  | 11 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7E | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.75 | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 125 | 360 | Bùi Như          | Phúc   | Nữ  | 2  | 1  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7C | 8.2 | Khá | Tốt | 8.5   | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 126 | 361 | Nguyễn Nhi       | Phụng  | Nữ  | 10 | 2  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn   | 7G | 9   | Tốt | Tốt | 11.5  | Mai Thuý Hà            |
| 127 | 362 | Vũ Thị Mai       | Phượng | Nữ  | 3  | 10 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7B | 8.5 | Khá | Tốt | 9     | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 128 | 363 | Vũ Thị Thu       | Phượng | Nữ  | 16 | 4  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà            | Ngữ văn   | 7A | 8.5 | Tốt | Tốt | 9     | Vũ Thị Lệ              |
| 129 | 364 | Ngô Thị Tú       | Quyên  | Nữ  | 28 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai       | Ngữ văn   | 7B | 7.4 | Khá | Tốt | 12    | Thái Lệ Hằng           |
| 130 | 365 | Ngô Thị Như      | Quỳnh  | Nữ  | 30 | 8  | 2012 | Hà Long- Quảng Ninh    | THCS Tân An              | Ngữ văn   | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 13    | Vũ Bình Yên            |
| 131 | 366 | Nguyễn Như       | Quỳnh  | Nữ  | 1  | 6  | 2012 | Dĩ An - Bình Dương     | THCS Liên Hoà            | Ngữ Văn   | 7C | 9   | Tốt | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Thuý        |
| 132 | 367 | Phạm Thị Như     | Quỳnh  | Nữ  | 13 | 09 | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | TH&THCS Cẩm La           | Ngữ văn   | 7A | 8.1 | Khá | Tốt | 8     | Tăng Thị Thơm          |
| 133 | 368 | Trịnh Trúc       | Quỳnh  | Nữ  | 22 | 8  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành          | Ngữ văn   | 7G | 9.4 | Tốt | Tốt | 12.5  | Mai Thuý Hà            |
| 134 | 369 | Nguyễn Thanh     | Thảo   | Nữ  | 17 | 11 | 2012 | Uông Bí                | THCS Đông Mai            | Ngữ văn   | 7A | 8.2 | Tốt | Tốt | 9.5   | Hà Thị Phong           |
| 135 | 370 | Bùi Minh         | Thư    | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7E | 9.2 | Tốt | Tốt | 10.25 | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 136 | 371 | Đoàn Minh        | Thư    | Nữ  | 29 | 7  | 2012 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà            | Ngữ văn   | 7E | 8.3 | Khá | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thị Duyên       |
| 137 | 372 | Lê Mai           | Thúy   | Nữ  | 17 | 6  | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7E | 9.2 | Tốt | Tốt | 9.5   | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 138 | 373 | Phạm Văn         | Thúy   | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7C | 8.3 | Tốt | Tốt | 11.5  | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 139 | 374 | Vũ Bích          | Thúy   | Nữ  | 8  | 6  | 2012 | Quảng Yên- Quảng Ninh  | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7E | 9.0 | Tốt | Tốt | 10.5  | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 140 | 375 | Đinh Thị Huyền   | Trang  | Nữ  | 17 | 12 | 2012 | Incheon- Hàn Quốc      | THCS Minh Thành          | Ngữ văn   | 7C | 9.2 | Tốt | Tốt | 11    | Hà Thị Ngát            |
| 141 | 376 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | Nữ  | 18 | 1  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa            | Ngữ văn   | 7G | 8.7 | Khá | Tốt | 9.5   | Vũ Huyền- Nguyễn Hà    |
| 142 | 377 | Nguyễn Thu       | Trang  | Nữ  | 27 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai          | Ngữ Văn   | 7A | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thuý, Trần Thảo |
| 143 | 378 | Vũ Uyên          | Trang  | Nữ  | 19 | 6  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo       | Ngữ văn   | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 7     | Bạch Thuý + Trần Doan  |
| 144 | 379 | Hoàng Minh       | Trí    | Nam | 12 | 12 | 2012 | Quảng Yên              | TH, THCS & THPT Yên Hưng | Ngữ văn   | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Hoa Mai     |
| 145 | 380 | Nguyễn Bảo       | Trình  | Nữ  | 24 | 8  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong       | Ngữ văn   | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 12    | Phạm Thị Thanh Trúc    |
| 146 | 381 | Đinh Thị Thanh   | Trúc   | Nữ  | 30 | 9  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai       | Ngữ văn   | 7B | 8.3 | Khá | Tốt | 12.5  | Thái Lệ Hằng           |
| 147 | 382 | Ngô Thanh        | Trúc   | Nữ  | 27 | 2  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải           | Ngữ văn   | 7B | 8.2 | Khá | Tốt | 12.5  | Đỗ Thị Thu Hương       |
| 148 | 383 | Nguyễn Thị       | Vân    | Nữ  | 2  | 9  | 2012 | Uông Bí                | THCS Phong Hải           | Ngữ văn   | 7B | 8.1 | Tốt | Tốt | 10    | Đỗ Thị Thu Hương       |
| 149 | 384 | Vũ Hải           | Vân    | Nữ  | 21 | 9  | 2012 | Hà Long- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7C | 8.7 | Tốt | Tốt | 12    | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 150 | 385 | Bùi Văn Triệu    | Vũ     | Nam | 22 | 8  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7C | 8.5 | Tốt | Tốt | 11    | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 151 | 386 | Bùi Khánh        | Vy     | Nữ  | 16 | 9  | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Hà An               | Ngữ văn   | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 10    | Bùi Hương-Dương Thảo   |
| 152 | 387 | Hoàng Ngọc Thảo  | Vy     | Nữ  | 13 | 10 | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong       | Ngữ văn   | 7A | 9.2 | Tốt | Tốt | 8.5   | Phạm Thị Thanh Trúc    |
| 153 | 388 | Lương Nguyễn Hà  | Vy     | Nữ  | 30 | 12 | 2012 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà            | Ngữ văn   | 7A | 8.6 | Tốt | Tốt | 8     | Vũ Thị Lệ              |
| 154 | 389 | Ngô Phương       | Vy     | Nữ  | 3  | 3  | 2012 | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Hà An               | Ngữ văn   | 7B | 9   | Tốt | Tốt | 10    | Bùi Hương-Dương Thảo   |
| 155 | 390 | Phạm Ngọc Na     | Vy     | Nữ  | 6  | 10 | 2012 | Hà Long                | THCS Tiên An             | Ngữ văn   | 7A | 8.2 | T   | T   | 10.5  | Hồ Thị Hồng Nhung      |
| 156 | 391 | Phạm Thuý        | Y      | Nữ  | 11 | 11 | 2012 | Hà Long, Quảng Yên     | THCS Hà An               | Ngữ văn   | 7B | 8.8 | Tốt | Tốt | 12    | Bùi Hương-Dương Thảo   |
| 157 | 392 | Phạm Như         | Yến    | Nữ  | 19 | 9  | 2012 | Hà Long- Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn          | Ngữ văn   | 7C | 8.7 | Tốt | Tốt | 12.75 | Trần Hoa, Ng. Loan     |
| 158 | 393 | Lê Anh           | Thư    | Nữ  | 30 | 9  | 2012 | Cẩm Lũy- Cẩm La        | TH&THCS Cẩm La           | Anh văn   | 7B | 8.6 | T   | T   | 7.7   | Vũ Thị Phú             |
| 159 | 394 | Đặng Ngọc Bảo    | Anh    | Nữ  | 16 | 12 | 2012 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà            | Anh văn   | 7A | 9   | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Hải Triều       |
| 160 | 395 | Đỗ Nguyễn Thiên  | Anh    | Nam | 04 | 01 | 2012 | Quảng Yên - QN         | TH&THCS Hoàng Tân        | Tiếng Anh | 7A | 9.0 | Tốt | Tốt | 5.3   | Ng. Linh; Đ.Mùng       |
| 161 | 396 | Vũ Thế           | Anh    | Nam | 21 | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN         | THCS Hiệp Hòa            | Anh văn   | 7G | 8.4 | Tốt | Tốt | 8     | Đỗ Thị Hải Yến         |
| 162 | 397 | Bùi Ngọc         | Anh    | Nữ  | 22 | 12 | 2012 | Quảng Yên - QN         | THCS Nam Hòa             | Anh văn   | 7C | 8.8 | Tốt | Tốt | 7.95  | Nguyễn Thị Lưu         |
| 163 | 398 | Nguyễn Gia       | Bảo    | Nam | 4  | 11 | 2012 | Uông Bí - QN           | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 12.9  | Nguyễn Thị Như Nga     |
| 164 | 399 | Nguyễn Ngọc Minh | Châu   | Nữ  | 19 | 8  | 2012 | Hà Long - Quảng Ninh   | TH&THCS Hoàng Tân        | Tiếng Anh | 7B | 9.3 | Tốt | Tốt | 10.3  | Ng. Linh; Đ.Mùng       |

|     |     |                  |        |     |    |    |      |                      |                          |           |    |     |     |     |       |                     |
|-----|-----|------------------|--------|-----|----|----|------|----------------------|--------------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|---------------------|
| 165 | 400 | Cao Quỳnh        | Chi    | Nữ  | 29 | 11 | 2012 | Hải Phòng            | THCS Liên Vĩ             | Anh văn   | 7D | 8.8 | T   | T   | 7.55  | Vũ Thị Thanh Mai    |
| 166 | 401 | Cao Thùy         | Chi    | Nữ  | 15 | 09 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Liên Vĩ             | Anh văn   | 7D | 8.9 | K   | T   | 8.15  | Vũ Thị Thanh Mai    |
| 167 | 402 | Vũ Thùy          | Chi    | Nữ  | 11 | 11 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Nam Hòa             | Anh văn   | 7A | 8.3 | Tốt | Tốt | 6.75  | Nguyễn Thị Lưu      |
| 168 | 403 | Trần             | Chức   | Nam | 18 | 2  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 15.05 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 169 | 404 | Bùi Tiến         | Đạt    | Nam | 23 | 2  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Hiệp Hòa            | Anh văn   | 7B | 8.5 | Tốt | Tốt | 6.2   | Đỗ Thị Hải Yến      |
| 170 | 405 | Cần Trúc         | Diệp   | Nữ  | 13 | 1  | 2012 | Bà Đình - Hà Nội     | THCS Minh Thành          | Anh văn   | 7  | 9.7 | T   | Tốt | 14.15 | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 171 | 406 | Lê Trí           | Dũng   | Nam | 13 | 10 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Liên Hoà            | Anh văn   | 7A | 8.1 | Tốt | Khá | 6.2   | Lê Thu Hà           |
| 172 | 407 | Vũ Trung         | Dũng   | Nam | 22 | 12 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Yên Hải             | Anh Văn   | 7A | 8.4 | Tốt | Tốt | 6.95  | Nguyễn Cảnh Tuấn    |
| 173 | 408 | Nguyễn Quang     | Duy    | Nam | 26 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Yên Hải             | Anh Văn   | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 8.25  | Nguyễn Cảnh Tuấn    |
| 174 | 409 | Lê Hoàng         | Hà     | Nữ  | 13 | 1  | 2012 | Uông Bí              | THCS Cộng Hoà            | Anh văn   | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 8.3   | Nguyễn Hải Triều    |
| 175 | 410 | Lê Hoàng         | Hải    | Nam | 23 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 13.4  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 176 | 411 | Vũ Ngọc Gia      | Hân    | nữ  | 13 | 6  | 2012 | Uông Bí, Quảng Ninh  | THCS Hà An               | Anh       | 7A | 9.3 | tốt | Tốt | 5.7   | Vũ Hữu Phương       |
| 177 | 412 | Nguyễn Minh      | Hằng   | Nữ  | 18 | 12 | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.4 | Tốt | Tốt | 11.05 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 178 | 413 | Đoàn Hồng        | Hạnh   | Nữ  | 21 | 3  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Tiên An             | Anh văn   | 7B | 7.7 | K   | T   | 4.4   | Phạm Kiều My        |
| 179 | 414 | Nguyễn Ngọc      | Hiền   | Nữ  | 13 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 11.05 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 180 | 415 | Bùi Văn Đức      | Hoàn   | Nam | 22 | 12 | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 181 | 416 | Ngô Thị Quỳnh    | Hương  | Nữ  | 25 | 2  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Phong Hải           | Anh văn   | 7B | 8.0 | Tốt | Tốt | 4.8   | Vũ Thị Ngọc Anh     |
| 182 | 417 | Bùi Thị Ngọc     | Khánh  | Nữ  | 31 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Trần Hưng Đạo       | Anh văn   | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 7.7   | Ngô Lan Phương      |
| 183 | 418 | Nguyễn Nam       | Khánh  | Nam | 26 | 4  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 7.9   | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 184 | 419 | Lê Thị Thùy      | Linh   | Nữ  | 8  | 9  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Đông Mai            | Anh văn   | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 8.75  | Nguyễn Thị Hải Yến  |
| 185 | 420 | Trần Duy         | Long   | Nam | 24 | 8  | 2012 | Nam Định             | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.7 | Tốt | Tốt | 14.25 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 186 | 421 | Nguyễn Lê Nhật   | Mai    | Nữ  | 13 | 8  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Hiệp Hòa            | Anh văn   | 7A | 8.4 | Khá | Tốt | 9.1   | Đỗ Thị Hải Yến      |
| 187 | 422 | Nguyễn Ngọc Tuệ  | Minh   | Nữ  | 11 | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 12.7  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 188 | 423 | Vũ Duy           | Minh   | Nam | 17 | 3  | 2012 | Uông Bí              | THCS Trần Hưng Đạo       | Anh văn   | 7A | 8.4 | Tốt | Tốt | 4.75  | Ngô Lan Phương      |
| 189 | 424 | Vũ Thị Hằng      | Nga    | Nữ  | 1  | 10 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Yên Hải             | Anh Văn   | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 6.65  | Nguyễn Cảnh Tuấn    |
| 190 | 425 | Hoàng Ngọc Khánh | Ngân   | Nữ  | 6  | 7  | 2012 | Uông Bí              | THCS Phong Hải           | Anh văn   | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 15.35 | Vũ Thị Ngọc Anh     |
| 191 | 426 | Hà Hải           | Ngọc   | Nữ  | 22 | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN       | TH. THCS & THPT Yên Hưng | Anh văn   | 7A | 9.3 | Tốt | Tốt | 10.5  | Vũ Thị Thanh Hoa    |
| 192 | 427 | Nguyễn Khánh     | Ngọc   | Nữ  | 3  | 5  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.7 | Tốt | Tốt | 16.8  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 193 | 428 | Nguyễn Thị Bảo   | Ngọc   | Nữ  | 29 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.4 | Tốt | Tốt | 12    | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 194 | 429 | Trịnh Thị Bích   | Ngọc   | Nữ  | 6  | 11 | 2012 | Nam Định             | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 10.6  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 195 | 430 | Vũ Lê Khánh      | Ngọc   | Nữ  | 21 | 7  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.05  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 196 | 431 | Bùi Thảo         | Nguyễn | Nữ  | 30 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Anh văn   | 7E | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.35 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 197 | 432 | Nguyễn Thảo      | Nguyễn | Nữ  | 7  | 12 | 2012 | Hạ Long - Quảng Ninh | THCS Minh Thành          | Anh văn   | 7  | 9.5 | T   | Tốt | 10.4  | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 198 | 433 | Hoàng Thị Thanh  | Nhà    | Nữ  | 3  | 9  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Hiệp Hòa            | Anh văn   | 7G | 8.5 | Tốt | Tốt | 9.6   | Đỗ Thị Hải Yến      |
| 199 | 434 | Vũ Thị Vân       | Nhi    | Nữ  | 15 | 1  | 2012 | Cẩm Thành - Cẩm La   | TH&THCS Cẩm La           | Anh văn   | 7B | 8.8 | T   | T   | 6.25  | Vũ Thị Phú          |
| 200 | 435 | Bùi Hải          | Phong  | Nam | 1  | 7  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành          | Anh văn   | 7  | 9.0 | K   | Tốt | 9.45  | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 201 | 436 | Nguyễn Minh      | Phú    | nam | 28 | 1  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Hà An               | Tiếng Anh | 7A | 9.2 | tốt | Tốt | 4.95  | Vũ Hữu Phương       |
| 202 | 437 | Đinh Hữu         | Phúc   | Nam | 31 | 5  | 2012 | Uông Bí              | THCS Trần Hưng Đạo       | Tiếng Anh | 7A | 8.7 | Khá | Tốt | 5.35  | Ngô Lan Phương      |
| 203 | 438 | Nguyễn Quang     | Phúc   | Nam | 22 | 12 | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7E | 8.1 | Tốt | Tốt | 8.45  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 204 | 439 | Bùi Thị Thu      | Phương | Nữ  | 13 | 6  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Sông Khoai          | Tiếng Anh | 7C | 9.5 | Tốt | Tốt | 6.6   | Vũ Thị Thủy         |
| 205 | 440 | Hoàng Minh       | Phương | Nữ  | 18 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Đông Mai            | Tiếng Anh | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 6.65  | Nguyễn Thị Hải Yến  |
| 206 | 441 | Nguyễn Hoàng Anh | Phương | Nữ  | 25 | 3  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Minh Thành          | Tiếng Anh | 7  | 9.6 | T   | Tốt | 12.85 | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 207 | 442 | Nguyễn Minh      | Tâm    | Nữ  | 16 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Tân An              | Tiếng Anh | 7A | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.1  | Đồng Thị Thu Hiền   |
| 208 | 443 | Phạm Hưng        | Thịnh  | Nam | 25 | 4  | 2012 | Tuyên Quang          | THCS Cộng Hoà            | Tiếng Anh | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 7.25  | Nguyễn Hải Triều    |
| 209 | 444 | Tô Anh           | Thư    | Nữ  | 1  | 2  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7A | 9.7 | Tốt | Tốt | 12.45 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 210 | 445 | Nguyễn Thành     | Thượn  | Nam | 25 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN       | TH&THCS Phong Cốc        | Tiếng Anh | 7B | 7.7 | Khá | Khá | 6     | Lê Quang Vinh       |
| 211 | 446 | Bùi Đức          | Tiến   | nam | 23 | 4  | 2012 | Uông Bí, Quảng Ninh  | THCS Hà An               | Tiếng Anh | 7A | 9   | tốt | Tốt | 3.9   | Vũ Hữu Phương       |
| 212 | 447 | Vũ Ngọc Bảo      | Trần   | Nữ  | 29 | 7  | 2012 | Uông Bí              | THCS Trần Hưng Đạo       | Tiếng Anh | 7A | 9.3 | Khá | Tốt | 4.65  | Ngô Lan Phương      |
| 213 | 448 | Bùi Mai          | Trang  | Nữ  | 10 | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7E | 9.3 | Tốt | Tốt | 9.65  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 214 | 449 | Nguyễn Lê Quỳnh  | Trang  | Nữ  | 15 | 2  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành          | Tiếng Anh | 7  | 9.0 | T   | Tốt | 10.9  | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 215 | 450 | Đặng Tuấn        | Tú     | Nam | 10 | 8  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Yên Hải             | Tiếng Anh | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 6.4   | Nguyễn Cảnh Tuấn    |
| 216 | 451 | Hà Anh           | Tuấn   | Nam | 30 | 7  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7E | 9.1 | Tốt | Tốt | 12.15 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 217 | 452 | Lê Ánh           | Tuyết  | Nữ  | 17 | 10 | 2012 | Uông Bí              | THCS Trần Hưng Đạo       | Tiếng Anh | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 10.5  | Ngô Lan Phương      |
| 218 | 453 | Phạm Hoàng       | Vũ     | Nam | 26 | 3  | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Minh Thành          | Tiếng Anh | 7  | 9.6 | K   | Tốt | 11.7  | Nguyễn Thị Thu Hoàn |
| 219 | 454 | Phạm Gia         | Vương  | Nam | 2  | 7  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.9  | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 220 | 455 | Nguyễn Bảo       | Vy     | Nữ  | 2  | 9  | 2012 | Uông Bí - QN         | THCS Lê Quý Đôn          | Tiếng Anh | 7A | 9.8 | Tốt | Tốt | 14.25 | Nguyễn Thị Như Nga  |
| 221 | 456 | Trương Hà        | Vy     | Nữ  | 19 | 12 | 2012 | Quảng Yên - QN       | THCS Trần Hưng Đạo       | Tiếng Anh | 7A | 9   | Tốt | Tốt | 8.85  | Ngô Lan Phương      |

**KẾT QUẢ ĐIỂM GIAO LƯU HỌC SINH GIỚI LỚP 8, CẤP THỊ XÃ- NĂM HỌC 2024-2025**  
(Kèm theo Công căn số 465/PGDDĐT-CMTHCS ngày 23/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| TT | SBD | Họ đệm          | Tên   | Giới tính | Ngày, tháng, năm sinh |    |      | Nơi sinh                | Học sinh trường    | Dự thi môn | Lớp | Điểm TB MDT | Xếp loại GD |     | Điểm thi | Giáo viên dạy           |
|----|-----|-----------------|-------|-----------|-----------------------|----|------|-------------------------|--------------------|------------|-----|-------------|-------------|-----|----------|-------------------------|
|    |     |                 |       |           |                       |    |      |                         |                    |            |     |             | HL          | HK  |          |                         |
| 1  | 1   | Bùi Lê Đức      | Anh   | Nam       | 28                    | 6  | 2012 | Quảng Yên - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.9         | Tốt         | Tốt | 9.75     | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 2  | 2   | Bùi Quang       | Bình  | Nam       | 14                    | 2  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh    | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 8A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 9.5      | Nguyễn Thị Tĩnh         |
| 3  | 3   | Mac Hải         | Châu  | Nam       | 11                    | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Minh Thành    | Toán       | 8D  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 12       | Bùi Linh, Nguyễn Hưng   |
| 4  | 4   | Vũ Chí          | Công  | Nam       | 16                    | 12 | 2011 | Uông Bí                 | THCS Đông Mai      | Toán       | 8A  | 9           | Khá         | Tốt | 8.5      | V.Hoài- Ng. Nguyệt      |
| 5  | 5   | Bùi Tiến        | Đạt   | Nam       | 14                    | 3  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | TH&THCS Hoàng Tân  | Toán       | 8B  | 8.4         | Tốt         | Tốt | 3.75     | Ng. Hà; Bùi Hà          |
| 6  | 6   | Bùi Tuấn        | Dũng  | Nam       | 4                     | 10 | 2011 | Quảng Yên               | THCS Đông Mai      | Toán       | 8A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 12.25    | V.Hoài- Ng. Nguyệt      |
| 7  | 7   | Ngô Mạnh        | Dũng  | Nam       | 16                    | 03 | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh    | TH&THCS Cẩm La     | Toán       | 8A  | 9.3         | K           | T   | 4.75     | Ngô Thị Lương           |
| 8  | 8   | Phạm Thuý       | Dương | Nữ        | 4                     | 4  | 2011 | Liên Vĩ - Quảng Yên     | THCS Liên Vĩ       | Toán       | 8A  | 9.4         | Khá         | Tốt | 7.75     | Vũ Thị Thu              |
| 9  | 9   | Trần Quý        | Dương | Nam       | 14                    | 10 | 2011 | Quảng Yên               | THCS Cộng Hoà      | Toán       | 8A  | 8.6         | Khá         | Tốt | 6.5      | Bùi Thị Hồng Hải        |
| 10 | 10  | Trần Lê         | Duy   | Nam       | 11                    | 7  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Minh Thành    | Toán       | 8D  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 12.5     | Bùi Linh, Nguyễn Hưng   |
| 11 | 11  | Đặng Trường     | Giang | Nam       | 2                     | 7  | 2012 | Uông Bí - QN            | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 8.5      | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 12 | 12  | Hoàng Khánh     | Giang | Nữ        | 30                    | 3  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 6.25     | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 13 | 13  | Nguyễn Tiến     | Hải   | Nam       | 8                     | 8  | 2012 | Quảng Yên - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 6.5      | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 14 | 14  | Nguyễn Gia      | Hân   | Nữ        | 24                    | 9  | 2011 | Uông Bí                 | THCS Trần Hưng Đạo | Toán       | 8A  | 9.0         | Tốt         | Tốt | 11.75    | Đỗ Thị Tuyết            |
| 15 | 15  | Trương Mĩ       | Hào   | Nữ        | 02                    | 02 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh  | TH&THCS Hoàng Tân  | Toán       | 8A  | 9.2         | Tốt         | Tốt | 3        | Ng. Hà; Bùi Hà          |
| 16 | 16  | Nguyễn Tuấn     | Hiệp  | Nam       | 21                    | 04 | 2011 | Uông Bí                 | THCS Đông Mai      | Toán       | 8A  | 9.2         | Khá         | Tốt | 4        | V.Hoài- Ng. Nguyệt      |
| 17 | 17  | Phạm Trung      | Hiếu  | Nam       | 1                     | 7  | 2011 | Bãi Cháy, HL            | THCS Cộng Hoà      | Toán       | 8A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 7.5      | Bùi Thị Hồng Hải        |
| 18 | 18  | Lê Thanh        | Hoàn  | Nam       | 20                    | 3  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh  | THCS Liên Hoà      | Toán       | 8A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 4        | Dương Thị Hiền          |
| 19 | 19  | Đàm Việt        | Hung  | Nam       | 28                    | 6  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Hà An         | Toán       | 8A  | 9.4         | T           | T   | 10       | Ngô Thị Nga             |
| 20 | 20  | Đình Nguyễn Phú | Hung  | Nam       | 16                    | 1  | 2011 | Hà Long- Quảng Ninh     | THCS Minh Thành    | Toán       | 8D  | 9.6         | Tốt         | Tốt | 8.25     | Bùi Linh, Nguyễn Hưng   |
| 21 | 21  | Lê Vũ Thái      | Hung  | Nam       | 11                    | 7  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh    | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 8A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 14.75    | Nguyễn Thị Tĩnh         |
| 22 | 22  | Trần Liên       | Hương | Nữ        | 9                     | 10 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh  | THCS Liên Hoà      | Toán       | 8A  | 9.1         | Tốt         | Tốt | 5.75     | Dương Thị Hiền          |
| 23 | 23  | Hồ Vĩnh Gia     | Huy   | Nam       | 28                    | 5  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 9.25     | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 24 | 24  | Ngô Đức         | Huy   | Nam       | 28                    | 7  | 2011 | Uông Bí - QN            | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 9.1         | Khá         | Tốt | 5        | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 25 | 25  | Hoàng Trung     | Khoa  | Nam       | 2                     | 6  | 2022 | Quảng Yên-Quảng Ninh    | TH&THCS Tiên Phong | Toán       | 8   | 8.6         | Khá         | Tốt | 3.75     | Tô Thị Kiều Oanh        |
| 26 | 26  | Lê Đức          | Kiên  | Nam       | 23                    | 3  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Phong Hải     | Toán       | 8B  | 8.8         | Khá         | Tốt | 5.25     | Phạm Thị Sen            |
| 27 | 27  | Phạm Ngọc       | Linh  | Nữ        | 1                     | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.5         | Tốt         | Tốt | 7.75     | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 28 | 28  | Nguyễn Bảo      | Long  | Nam       | 21                    | 3  | 2012 | Quảng Yên - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 4.75     | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 29 | 29  | Lê Ngọc         | Mai   | Nữ        | 25                    | 7  | 2011 | Thị xã Hóa - Thanh Hóa  | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 10       | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 30 | 30  | Vũ Thị Quỳnh    | Mai   | Nữ        | 3                     | 7  | 2011 | Uông Bí                 | THCS Cộng Hoà      | Toán       | 8A  | 9           | Tốt         | Tốt | 5.75     | Bùi Thị Hồng Hải        |
| 31 | 31  | Bùi Huy         | Minh  | Nam       | 11                    | 11 | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh   | THCS Hà An         | Toán       | 8A  | 9.3         | T           | T   | 5.25     | Ngô Thị Nga             |
| 32 | 32  | Đào Tuệ         | Minh  | Nam       | 26                    | 2  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 9.8         | Tốt         | Tốt | 16       | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 33 | 33  | Nguyễn Đăng     | Minh  | Nam       | 21                    | 6  | 2012 | Uông Bí - QN            | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.2         | Tốt         | Tốt | 7.5      | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 34 | 34  | Vũ Quang        | Minh  | Nam       | 5                     | 7  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 8.2         | Tốt         | Tốt | 4        | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 35 | 35  | Phạm Thê        | Ngọc  | Nam       | 24                    | 5  | 2011 | Hà Long, Quảng Ninh     | THCS Tân An        | Toán       | 8A  | 9.0         | Khá         | Tốt | 16       | Nguyễn Thị Hồng Phượng  |
| 36 | 36  | Nguyễn Hải      | Phong | Nam       | 16                    | 11 | 2012 | Thủy Nguyên - Hải Phòng | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 4.5      | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 37 | 37  | Phạm Duy        | Phong | Nam       | 13                    | 12 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Hà An         | Toán       | 8A  | 8.9         | T           | T   | 5.75     | Ngô Thị Nga             |
| 38 | 38  | Trần Vũ         | Phong | Nam       | 14                    | 2  | 2012 | Uông Bí - QN            | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.6         | Tốt         | Tốt | 8.25     | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 39 | 39  | Vũ Đức          | Phong | Nam       | 1                     | 4  | 2011 | Thái Bình               | THCS Hà An         | Toán       | 8C  | 9.5         | K           | T   | 4.5      | Ngô Thị Nga             |
| 40 | 40  | Hoàng Đình      | Phú   | Nam       | 20                    | 8  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 8A  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 5.75     | Ng. Tuấn, Phạm Thảo     |
| 41 | 41  | Đỗ Văn          | Phúc  | Nam       | 28                    | 6  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh    | TH&THCS Tiên Phong | Toán       | 8   | 9.2         | Tốt         | Tốt | 12.25    | Tô Thị Kiều Oanh        |
| 42 | 42  | Lê Hồng Thiên   | Phúc  | Nữ        | 12                    | 11 | 2011 | Liên Vĩ - Quảng Yên     | THCS Liên Vĩ       | Toán       | 8A  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 5        | Vũ Thị Thu              |
| 43 | 43  | Ngô Gia         | Phúc  | Nam       | 5                     | 2  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Minh Thành    | Toán       | 8D  | 9.3         | Tốt         | Tốt | 11       | Bùi Linh, Nguyễn Hưng   |
| 44 | 44  | Bùi Thái        | Son   | Nam       | 22                    | 12 | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh    | TH&THCS Cẩm La     | Toán       | 8A  | 9.4         | K           | T   | 4.5      | Ngô Thị Lương           |
| 45 | 45  | Nguyễn Bảo      | Son   | Nam       | 10                    | 3  | 2011 | Quảng Yên               | TH&THCS Phong Cốc  | Toán       | 8B  | 9.4         | XS          | Tốt | 11.75    | Vũ Trọng Thêm - Ng.Oanh |
| 46 | 46  | Đình Đức        | Tân   | Nam       | 5                     | 8  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh    | THCS Hiệp Hòa      | Toán       | 8A  | 8.8         | Tốt         | Tốt | 5        | Nguyễn Thị Tĩnh         |
| 47 | 47  | Bùi Đức Tài     | Thịnh | Nam       | 9                     | 2  | 2012 | Quảng Yên - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Toán       | 7A  | 9.9         | Tốt         | Tốt | 8        | Lê Hà, Nguyễn Hưng      |
| 48 | 48  | Vũ Minh         | Thư   | Nữ        | 29                    | 12 | 2011 | Uông Bí                 | THCS Đông Mai      | Toán       | 8A  | 9.4         | Tốt         | Tốt | 10       | V.Hoài- Ng. Nguyệt      |
| 49 | 49  | Vũ Anh          | Tuấn  | Nam       | 15                    | 1  | 2011 | Quảng Yên               | THCS Sông Khoai    | Toán       | 8D  | 8.8         | Tốt         | Tốt | 5        | Vũ Thị Liên             |
| 50 | 50  | Nguyễn Sơn      | Tùng  | Nam       | 23                    | 12 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh    | THCS Minh Thành    | Toán       | 8D  | 9.7         | Tốt         | Tốt | 7.25     | Bùi Linh, Nguyễn Hưng   |

|     |     |                    |        |     |    |    |      |                        |                         |         |    |     |     |     |       |                      |
|-----|-----|--------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|-------------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|----------------------|
| 51  | 51  | Nguyễn Phúc        | Tường  | Nam | 18 | 9  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | TH,THCS & THPT Yên Hưng | Toán    | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 7.75  | Bùi Thị Ly           |
| 52  | 52  | Vũ Bảo             | An     | Nữ  | 16 | 12 | 2011 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà           | Ngữ văn | 8A | 8.5 | Tốt | Tốt | 9.5   | Phạm Thị Trang       |
| 53  | 53  | Bùi Hồng           | Ấn     | Nữ  | 24 | 12 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa           | Ngữ văn | 8A | 8.6 | Tốt | Tốt | 10    | Phạm Thị Hải         |
| 54  | 54  | Bùi Phương         | Anh    | Nữ  | 26 | 1  | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 9.0 | T   | T   | 11.5  | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 55  | 55  | Hoàng Thị Ngọc     | Anh    | Nữ  | 23 | 10 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vĩ            | Ngữ văn | 8A | 8.1 | K   | T   | 7.5   | Đặng Thị Diệu Huyền  |
| 56  | 56  | Nguyễn Đăng Nguyệt | Anh    | Nữ  | 4  | 9  | 2011 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo      | Ngữ văn | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 12    | Nguyễn Thị Mẫn       |
| 57  | 57  | Nguyễn Nguyệt      | Anh    | Nữ  | 11 | 2  | 2011 | Uông Bí                | THCS Phong Hải          | Ngữ văn | 8C | 9   | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Ngoan     |
| 58  | 58  | Nguyễn Thị Hồng    | Anh    | Nữ  | 21 | 8  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà           | Ngữ văn | 8A | 9.6 | Tốt | Tốt | 11    | Phạm Thị Trang       |
| 59  | 59  | Lê Ngọc            | Bích   | Nữ  | 3  | 6  | 2011 | uông Bí                | TH&THCS Sông Khoai      | Ngữ văn | 8B | 8.1 | Khá | Tốt | 11.25 | Thái Lệ Hằng         |
| 60  | 60  | Hoàng Thị Kim      | Chi    | Nữ  | 15 | 11 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vĩ            | Ngữ văn | 8A | 8.0 | T   | T   | 9.75  | Đặng Thị Diệu Huyền  |
| 61  | 61  | Trần Thị Linh      | Chi    | Nữ  | 18 | 8  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà           | Ngữ văn | 8B | 8.1 | Tốt | Tốt | 8.5   | Bùi Hà- Dương Nhài   |
| 62  | 62  | Bùi Ngọc           | Diệp   | Nữ  | 3  | 1  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn         | Ngữ văn | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.5  | Hoàng Thị Hải        |
| 63  | 63  | Bùi Ngọc           | Diệp   | Nữ  | 30 | 1  | 2011 | Hải Phòng              | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 8.5 | T   | T   | 8.5   | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 64  | 64  | Phạm Ngọc          | Diệp   | Nữ  | 15 | 11 | 2011 | Uông Bí                | THCS Đông Mai           | Ngữ văn | 8A | 8.5 | Tốt | Tốt | 11.5  | Nguyễn Thị Loan      |
| 65  | 65  | Nguyễn Thị         | Dung   | Nữ  | 22 | 6  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Nam Hòa            | Ngữ văn | 8A | 8.3 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Kim Dung  |
| 66  | 66  | Bùi Kỳ             | Duyên  | Nữ  | 5  | 1  | 2011 | Uông Bí, QN            | THCS Tiên An            | Ngữ văn | 8B | 8.4 | Tốt | Tốt | 10    | Lại Thị Phương Trà   |
| 67  | 67  | Nguyễn Ngọc        | Hà     | Nữ  | 31 | 3  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8E | 8.0 | Tốt | Tốt | 9     | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 68  | 68  | Phạm Thị Trường    | Hải    | Nữ  | 05 | 03 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vĩ            | Ngữ văn | 7D | 9.0 | T   | T   | 8.25  | Nguyễn Thị Hằng      |
| 69  | 69  | Lê Hải             | Hậu    | Nữ  | 28 | 4  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Phong Cốc          | Ngữ văn | 8B | 8.9 | XS  | Tốt | 10    | V. Hà- Ng. Hoàng     |
| 70  | 70  | Lương Thị Dung     | Hòa    | Nữ  | 29 | 10 | 2011 | Hà Nội                 | THCS Lê Quý Đôn         | Ngữ văn | 8C | 8.9 | Tốt | Tốt | 11    | Hoàng Thị Hải        |
| 71  | 71  | Vũ Thị             | Huệ    | Nữ  | 7  | 11 | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 8.9 | T   | T   | 11.75 | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 72  | 72  | Trịnh Khánh        | Huyền  | Nữ  | 14 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8D | 9.0 | Tốt | Tốt | 9.25  | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 73  | 73  | Đỗ Gia             | Khánh  | Nam | 20 | 1  | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 8.5 | T   | T   | 11.25 | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 74  | 74  | Bùi Phương         | Linh   | Nữ  | 2  | 9  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa           | Ngữ văn | 8A | 8.3 | Khá | Tốt | 9     | Phạm Thị Hải         |
| 75  | 75  | Đổng Ngọc Mai      | Linh   | Nữ  | 11 | 8  | 2011 | Hà Long - Quảng Ninh   | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 8.7 | T   | T   | 12.25 | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 76  | 76  | Nguyễn Đào Phương  | Linh   | Nữ  | 8  | 6  | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 9.1 | T   | T   | 10    | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 77  | 77  | Phạm Thị Hà        | Linh   | Nữ  | 15 | 2  | 2011 | Yên Hưng, QN           | THCS Tiên An            | Ngữ văn | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.5  | Lại Thị Phương Trà   |
| 78  | 78  | Vũ Thảo            | Linh   | Nữ  | 9  | 2  | 2011 | Uông Bí                | THCS Lê Quý Đôn         | Ngữ văn | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 7.75  | Hoàng Thị Hải        |
| 79  | 79  | Vũ Thị Trúc        | Linh   | Nữ  | 20 | 9  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa           | Ngữ văn | 8B | 8.6 | Tốt | Tốt | 8.75  | Phạm Thị Hải         |
| 80  | 80  | Nguyễn Khánh       | Ly     | Nữ  | 21 | 10 | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Sông Khoai      | Ngữ văn | 8B | 8.7 | Tốt | Tốt | 10    | Thái Lệ Hằng         |
| 81  | 81  | Vũ Thị Trà         | My     | Nữ  | 9  | 9  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La          | Ngữ văn | 8A | 8.3 | Khá | Tốt | 8     | Nguyễn Thị Anh Hồng  |
| 82  | 82  | Vũ Nguyễn Thanh    | Nga    | Nữ  | 24 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8D | 8.3 | Tốt | Tốt | 7.5   | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 83  | 83  | Hà Thị Bảo         | Ngọc   | Nữ  | 16 | 4  | 2011 | Uông Bí                | THCS Đông Mai           | Ngữ văn | 8A | 8.5 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Loan      |
| 84  | 84  | Đỗ Như             | Ngọc   | Nữ  | 30 | 4  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Tiên Phong      | Ngữ văn | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 8.5   | Phạm Thị Thanh Trúc  |
| 85  | 85  | Dương Thị Ánh      | Nguyệt | Nữ  | 20 | 10 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La          | Ngữ văn | 8A | 8.1 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Anh Hồng  |
| 86  | 86  | Lê Thanh           | Nhân   | Nữ  | 9  | 6  | 2011 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8E | 7.7 | Khá | Tốt | 7.5   | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 87  | 87  | Bùi Thị Thu        | Nhật   | Nữ  | 24 | 8  | 2011 | Yên Hưng, Quảng Ninh   | THCS Tân An             | Ngữ văn | 8B | 8.3 | Tốt | Tốt | 7.75  | Đinh Thị Phương      |
| 88  | 88  | Đặng Triệu Ánh     | Nhi    | Nữ  | 21 | 4  | 2011 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải            | Ngữ văn | 8C | 8.9 | Khá | Tốt | 7.25  | Cao Thị Mai Phương   |
| 89  | 89  | Dương Phương       | Nhi    | Nữ  | 29 | 9  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc       | Ngữ văn | 8B | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.75 | V. Hà- Ng. Hoàng     |
| 90  | 90  | Lê Hà              | Nhi    | Nữ  | 26 | 6  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc       | Ngữ văn | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 9.75  | V. Hà- Ng. Hoàng     |
| 91  | 91  | Nguyễn Thị Tuyết   | Nhi    | Nữ  | 27 | 7  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà           | Ngữ văn | 8B | 8.7 | Tốt | Tốt | 11    | Bùi Hà- Dương Nhài   |
| 92  | 92  | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | Nữ  | 9  | 8  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 9.0 | T   | T   | 11.75 | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 93  | 93  | Nguyễn Quỳnh       | Như    | Nữ  | 19 | 1  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An              | Ngữ văn | 8A | 9.0 | T   | T   | 11.75 | Vũ Thị Thúy Mùi      |
| 94  | 94  | Nguyễn Thu         | Phương | Nữ  | 17 | 11 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8E | 8.1 | Tốt | Tốt | 10.5  | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 95  | 95  | Nguyễn Thị Bích    | Quyên  | Nữ  | 4  | 10 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 8E | 8.4 | Tốt | Tốt | 9.5   | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm |
| 96  | 96  | Trần Tô            | Quyên  | Nữ  | 7  | 7  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà           | Ngữ văn | 8C | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.25 | Bùi Hà- Dương Nhài   |
| 97  | 97  | Trịnh Trúc         | Quỳnh  | Nữ  | 22 | 8  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành         | Ngữ văn | 7G | 9.4 | Tốt | Tốt | 8     | Mai Thúy Hà          |
| 98  | 98  | Bùi Thị Minh       | Tâm    | Nữ  | 21 | 3  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa           | Ngữ văn | 8A | 8.9 | Tốt | Tốt | 11.25 | Phạm Thị Hải         |
| 99  | 99  | Đặng Thị Phương    | Thảo   | Nữ  | 7  | 11 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Nam Hòa            | Ngữ văn | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 8.75  | Nguyễn Thị Kim Dung  |
| 100 | 100 | Đỗ Thị Vân         | Thảo   | Nữ  | 19 | 10 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà           | Ngữ văn | 8C | 9   | Tốt | Tốt | 10.25 | Bùi Hà- Dương Nhài   |
| 101 | 101 | Nguyễn Thị         | Thảo   | Nữ  | 27 | 8  | 2011 | Uông Bí                | TH&THCS Sông Khoai      | Ngữ văn | 8B | 8.3 | Khá | Tốt | 9     | Thái Lệ Hằng         |
| 102 | 102 | Vũ Phương          | Thảo   | Nữ  | 1  | 9  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải          | Ngữ văn | 8B | 8.8 | Tốt | Tốt | 8     | Nguyễn Thị Ngoan     |
| 103 | 103 | Vũ Trần Phương     | Thảo   | Nữ  | 13 | 6  | 2011 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà           | Ngữ văn | 8A | 9.5 | Tốt | Tốt | 9.25  | Phạm Thị Trang       |
| 104 | 104 | Ngô Thị Huyền      | Thư    | Nữ  | 19 | 8  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn         | Ngữ văn | 8C | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.5   | Hoàng Thị Hải        |
| 105 | 105 | Phạm Anh           | Thư    | Nữ  | 27 | 1  | 2011 | Yên Hưng, QN           | THCS Tiên An            | Ngữ văn | 8A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.75 | Lại T Phương Trà     |
| 106 | 106 | Bùi Thị            | Thúy   | Nữ  | 19 | 1  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc       | Ngữ văn | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 10    | V. Hà- Ng. Hoàng     |
| 107 | 107 | Lê Thị Thanh       | Tú     | Nữ  | 26 | 8  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa           | Ngữ văn | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 15    | Phạm Thị Hải         |

|     |     |                   |       |     |    |    |      |                        |                        |         |    |     |     |     |       |                       |
|-----|-----|-------------------|-------|-----|----|----|------|------------------------|------------------------|---------|----|-----|-----|-----|-------|-----------------------|
| 108 | 108 | Vũ Thị Cẩm        | Tú    | Nữ  | 22 | 2  | 2011 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà          | Ngữ văn | 8B | 9   | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Mai        |
| 109 | 109 | Nguyễn Lê Minh    | Tuệ   | Nữ  | 25 | 3  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | Ngữ văn | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 7.25  | Lê Thị Quyên          |
| 110 | 110 | Nguyễn Thị Anh    | Tuyết | Nữ  | 11 | 3  | 2011 | Uông Bí                | THCS Sông Khoai        | Ngữ Văn | 8D | 9.2 | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Như Trang  |
| 111 | 111 | Hoàng Thị Thu     | Uyên  | Nữ  | 19 | 7  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | Ngữ văn | 8D | 9.0 | Tốt | Tốt | 12.25 | Phạm Cúc, Nguyễn Tâm  |
| 112 | 112 | Trần Thị Kiều     | Vi    | Nữ  | 30 | 9  | 2011 | Hải Hà - Quảng Ninh    | TH&THCS Hoàng Tân      | Ngữ văn | 8A | 9.2 | Tốt | Tốt | 12.5  | Hoàng Kim Nguyệt      |
| 113 | 113 | Ngô Hà            | Vy    | Nữ  | 20 | 12 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An             | Ngữ văn | 8A | 9.0 | T   | T   | 12    | Vũ Thị Thúy Mùi       |
| 114 | 114 | Nguyễn Ngọc       | Xuyến | Nữ  | 17 | 3  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vị           | Ngữ văn | 8A | 8.7 | T   | T   | 9.5   | Đặng Thị Diệu Huyền   |
| 115 | 115 | Lê Thị            | An    | Nữ  | 27 | 11 | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | TH&THCS Hoàng Tân      | GDCD    | 7B | 9.1 | Khá | Tốt | 5     | Nguyễn Thị Thủy       |
| 116 | 116 | Bùi Phương        | Anh   | Nữ  | 23 | 10 | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An             | GDCD    | 8A | 8.3 | K   | T   | 3.75  | Phạm Kim Oanh         |
| 117 | 117 | Đào Lê Quỳnh      | Anh   | Nữ  | 9  | 9  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | GDCD    | 7A | 8.5 | Tốt | Khá | 6.5   | Nguyễn Thị Thủy       |
| 118 | 118 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Anh   | Nữ  | 21 | 3  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | GDCD    | 8B | 8.0 | K   | T   | 5     | Phạm Kim Oanh         |
| 119 | 119 | Phạm Thị Ngọc     | Anh   | Nữ  | 16 | 9  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | GDCD    | 8D | 9.3 | Tốt | Tốt | 6     | Bùi Thị Thanh         |
| 120 | 120 | Vũ Thị Ngọc       | Anh   | Nữ  | 10 | 7  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | GDCD    | 8B | 8.5 | Tốt | Khá | 7.25  | Bùi Thị Thu Hà        |
| 121 | 121 | Nguyễn Ngọc       | Bảo   | Nữ  | 16 | 12 | 2011 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | GDCD    | 8A | 8.2 | Khá | Tốt | 6.25  | Ng. Thủy . H. Giang   |
| 122 | 122 | Hoàng Thị Thủy    | Chi   | Nữ  | 9  | 5  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vị           | GDCD    | 8C | 8.5 | Khá | Tốt | 8     | Nguyễn Hoa, Lê Thơm   |
| 123 | 123 | Nguyễn Đức Linh   | Chi   | Nữ  | 23 | 5  | 2011 | Đồng Đa - Hà Nội       | THCS Lê Quý Đôn        | GDCD    | 8C | 9.6 | Khá | Tốt | 10.25 | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 124 | 124 | Trần Lê Linh      | Chi   | Nữ  | 25 | 02 | 2012 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 7B | 8.3 | Tốt | Tốt | 7.75  | Bach Thủy + Trần Doan |
| 125 | 125 | Vũ Thị Thủy       | Chi   | Nữ  | 10 | 3  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | GDCD    | 8A | 8.3 | K   | T   | 7.25  | Phạm Kim Oanh         |
| 126 | 126 | Bùi Ngọc          | Diệp  | Nữ  | 3  | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | GDCD    | 7C | 9.2 | Tốt | Tốt | 10.75 | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 127 | 127 | Nguyễn Ngọc       | Diệp  | Nữ  | 06 | 02 | 2011 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 8A | 9.4 | Khá | Tốt | 6.5   | Lưu Thị Vân           |
| 128 | 128 | Đỗ Hương          | Dung  | Nữ  | 13 | 12 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vị           | GDCD    | 7D | 8.2 | Khá | Tốt | 7.5   | Nguyễn Hoa, Lê Thơm   |
| 129 | 129 | Đỗ Thị Thùy       | Dương | Nữ  | 3  | 4  | 2012 | Hạ Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | GDCD    | 7E | 8.9 | Khá | Tốt | 6.5   | Ng. Thủy . H. Giang   |
| 130 | 130 | Nguyễn Thủy       | Dương | Nữ  | 25 | 11 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | GDCD    | 8D | 9.3 | Tốt | Tốt | 12.25 | Ng. Thủy . H. Giang   |
| 131 | 131 | Bùi Hương         | Giang | Nữ  | 30 | 3  | 2012 | Hạ Long                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 7B | 8.4 | Tốt | Tốt | 9     | Bach Thủy + Trần Doan |
| 132 | 132 | Đặng Huyền Châu   | Giang | Nữ  | 9  | 8  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | GDCD    | 7E | 9.3 | Tốt | Tốt | 9     | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 133 | 133 | Hoàng Thị Nhu     | Giang | Nữ  | 11 | 6  | 2011 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 8A | 8.9 | Khá | Tốt | 10.25 | Lưu Thị Vân           |
| 134 | 134 | Vũ Hà             | Giang | Nữ  | 27 | 10 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Phong Cốc      | GDCD    | 7B | 9.0 | Tốt | Tốt | 11    | Vũ Thị Thu Yên        |
| 135 | 135 | Vũ Hương          | Giang | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | GDCD    | 7A | 9   | Tốt | Tốt | 12    | Nguyễn Thị Thủy       |
| 136 | 136 | Đinh Thị Ngọc     | Hà    | Nữ  | 5  | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | GDCD    | 8D | 9.5 | Tốt | Tốt | 11    | Ng. Thủy . H. Giang   |
| 137 | 137 | Nguyễn Ngọc       | Hàn   | Nữ  | 25 | 10 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vị           | GDCD    | 7D | 7.0 | Khá | Tốt | 6.75  | Nguyễn Hoa, Lê Thơm   |
| 138 | 138 | Bùi Văn           | Hằng  | Nữ  | 12 | 5  | 2012 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 7C | 8.1 | Tốt | Tốt | 8.75  | Bach Thủy + Trần Doan |
| 139 | 139 | Bùi Đăng Khánh    | Hòa   | Nữ  | 25 | 4  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Đồng Mai          | GDCD    | 8A | 8.6 | Khá | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Loan       |
| 140 | 140 | Đinh Thị Anh      | Hồng  | Nữ  | 13 | 6  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | GDCD    | 7C | 8.3 | Khá | Tốt | 10.75 | Bùi Thị Xiêm          |
| 141 | 141 | Bùi Thu           | Huế   | Nữ  | 14 | 6  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân      | GDCD    | 8B | 8.4 | Khá | Tốt | 12.25 | Nguyễn Thị Thủy       |
| 142 | 142 | Nguyễn Thế        | Hưng  | Nam | 5  | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | GDCD    | 8A | 7.1 | K   | T   | 4     | Phạm Kim Oanh         |
| 143 | 143 | Đinh Ngọc Khánh   | Huyền | Nữ  | 14 | 2  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành        | GDCD    | 8D | 9.3 | Tốt | Tốt | 11.25 | Ng. Thủy . H. Giang   |
| 144 | 144 | Hoàng Khánh       | Huyền | Nữ  | 27 | 1  | 2011 | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Yên Hải           | GDCD    | 8B | 8.4 | Khá | Tốt | 7.25  | Lê Thị Ninh           |
| 145 | 145 | Nguyễn Thị Khánh  | Huyền | Nữ  | 15 | 10 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vị           | GDCD    | 7D | 7.3 | Khá | Tốt | 4.25  | Nguyễn Hoa, Lê Thơm   |
| 146 | 146 | Lê Minh           | Khánh | Nam | 11 | 6  | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh  | THCS Hà An             | GDCD    | 8A | 8.3 | K   | T   | 5.5   | Phạm Kim Oanh         |
| 147 | 147 | Trần Ngọc Vân     | Khánh | Nữ  | 09 | 10 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | TH&THCS Hoàng Tân      | GDCD    | 7B | 9.3 | Khá | Tốt | 7.5   | Nguyễn Thị Thủy       |
| 148 | 148 | Nguyễn Ngọc       | Khuê  | Nữ  | 18 | 10 | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn        | GDCD    | 7E | 9.4 | Tốt | Tốt | 9.5   | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 149 | 149 | Nguyễn Thị        | Lan   | Nữ  | 22 | 12 | 2011 | Quảng Yên              | TH,THCS &THPT Yên Hưng | GDCD    | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 4.75  | Nguyễn Thị Hoa Mai    |
| 150 | 150 | Bùi Khánh         | Linh  | Nữ  | 9  | 6  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | GDCD    | 7C | 8.9 | Khá | Tốt | 10    | Bùi Thị Xiêm          |
| 151 | 151 | Bùi Thị Mai       | Linh  | Nữ  | 19 | 6  | 2011 | Yên Hưng-Quảng Ninh    | THCS Tiên An           | GDCD    | 8A | 8.1 | K   | K   | 8.25  | Nguyễn Thị Thu Hiền   |
| 152 | 152 | Nguyễn Ngọc Khánh | Linh  | Nữ  | 14 | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà          | GDCD    | 7C | 8.7 | Tốt | Khá | 9     | Nguyễn Thị Thủy       |
| 153 | 153 | Vũ Ngọc           | Linh  | Nữ  | 1  | 1  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải         | GDCD    | 8B | 9.2 | Khá | Tốt | 7     | Nguyễn Thị Ngoan      |
| 154 | 154 | Phan Thị Ngọc     | Ly    | Nữ  | 22 | 9  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 7B | 7.5 | Tốt | Tốt | 9.25  | Bach Thủy + Trần Doan |
| 155 | 155 | Đoàn Tuệ          | Minh  | Nam | 27 | 6  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An             | GDCD    | 8A | 8.1 | K   | T   | 4.75  | Phạm Kim Oanh         |
| 156 | 156 | Bùi Thanh         | Nga   | Nữ  | 20 | 3  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | GDCD    | 7D | 8.9 | Tốt | Tốt | 7.5   | Bùi Thị Xiêm          |
| 157 | 157 | Nguyễn Thị Kim    | Ngân  | Nữ  | 19 | 5  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà          | GDCD    | 8A | 9.6 | Tốt | Tốt | 8.5   | Bùi Thị Thanh         |
| 158 | 158 | Đông Diệu         | Ngọc  | Nữ  | 14 | 9  | 2012 | Hạ Long                | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 7C | 7.9 | Khá | Tốt | 8.5   | Bach Thủy + Trần Doan |
| 159 | 159 | Ngô Bảo           | Ngọc  | Nữ  | 05 | 02 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La         | GDCD    | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 11    | Đào Liên+ Nguyễn Hồng |
| 160 | 160 | Nguyễn Khánh      | Ngọc  | Nữ  | 04 | 3  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo     | GDCD    | 8A | 9.0 | Khá | Tốt | 9.5   | Lưu Thị Vân           |
| 161 | 161 | Trần Hồng         | Ngọc  | Nữ  | 29 | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn        | GDCD    | 7C | 9.4 | Tốt | Tốt | 9     | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 162 | 162 | Dương Tuyết       | Nhi   | Nữ  | 5  | 11 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa          | GDCD    | 7B | 8.5 | Khá | Tốt | 9.5   | Bùi Thị Xiêm          |
| 163 | 163 | Nguyễn Lê Ngọc    | Nhi   | Nữ  | 20 | 9  | 2011 | Quảng Yên              | TH,THCS &THPT Yên Hưng | GDCD    | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 3.75  | Nguyễn Thị Hoa Mai    |
| 164 | 164 | Vũ Khánh          | Như   | Nữ  | 11 | 8  | 2012 | Hạ Long - Quảng Ninh   | TH&THCS Phong Cốc      | GDCD    | 7A | 8.6 | Khá | Tốt | 9.5   | Vũ Thị Thu Yên        |

|     |      |                   |        |     |    |    |      |                        |                      |          |    |     |     |     |       |                       |
|-----|------|-------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|----------------------|----------|----|-----|-----|-----|-------|-----------------------|
| 165 | 165  | Nguyễn Thái       | Ninh   | Nữ  | 16 | 3  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà        | GDCD     | 8B | 8.9 | Tốt | Khá | 9     | Bùi Thị Thu Hà        |
| 166 | 166  | Nguyễn Hạnh       | Phúc   | Nữ  | 8  | 10 | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa        | GDCD     | 7G | 8.5 | Tốt | Tốt | 6     | Bùi Thị Xiêm          |
| 167 | 167  | Đặng Huyền        | Phương | Nữ  | 25 | 9  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn      | GDCD     | 8D | 9.3 | Khá | Tốt | 8     | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 168 | 168  | Đinh Thị Hoàng    | Phương | Nữ  | 19 | 12 | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn      | GDCD     | 7C | 9.7 | Tốt | Tốt | 9.5   | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 169 | 169  | Ngô Thị Lan       | Phương | Nữ  | 30 | 01 | 2011 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo   | GDCD     | 8A | 9.0 | Khá | Tốt | 5     | Lưu Thị Vân           |
| 170 | 170  | Bùi Như           | Quỳnh  | Nữ  | 26 | 1  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Tân An          | GDCD     | 8A | 9.0 | Tốt | Tốt | 7     | Đinh Thị Phương       |
| 171 | 171  | Nguyễn Như        | Quỳnh  | Nữ  | 28 | 4  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn      | GDCD     | 7C | 9.6 | Tốt | Tốt | 11.5  | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 172 | 172  | Nguyễn Như        | Quỳnh  | Nữ  | 1  | 6  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà        | GDCD     | 7C | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.75 | Nguyễn Thị Thuý       |
| 173 | 173  | Lê Thanh          | Thảo   | Nữ  | 24 | 2  | 2011 | Quảng Yên              | THCS & THPT Yên Hưng | GDCD     | 8A | 9.4 | Tốt | Tốt | 5.5   | Nguyễn Thị Hoa Mai    |
| 174 | 174  | Lê Thị            | Thảo   | Nữ  | 16 | 07 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La       | GDCD     | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 13    | Đào Liên+ Nguyễn Hồng |
| 175 | 175  | Phạm Thị Phương   | Thảo   | Nữ  | 09 | 5  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo   | GDCD     | 7B | 7.6 | Khá | Tốt | 8.25  | Bách Thuý + Trần Doan |
| 176 | 176  | Trần Thị Khánh    | Thị    | Nữ  | 11 | 10 | 2011 | Kiến Xương - Thái Bình | TH&THCS Hoàng Tân    | GDCD     | 8A | 8.4 | Khá | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Thuý       |
| 177 | 176a | Vũ Minh           | Thư    | Nữ  |    |    |      |                        | THCS Yên Hải         |          |    |     |     |     | 10.75 | Lê Thị Ninh           |
| 178 | 177  | Đỗ Lâm            | Thư    | Nữ  | 30 | 4  | 2011 | Ba Đình - Hà Nội       | THCS Liên Hoà        | GDCD     | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 11.25 | Bùi Thị Thu Hà        |
| 179 | 178  | Vũ Thị            | Thư    | Nữ  | 10 | 5  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An           | GDCD     | 8B | 7.2 | K   | T   | 4.5   | Phạm Kim Oanh         |
| 180 | 179  | Bùi Thị Hải       | Thúy   | Nữ  | 21 | 6  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Cộng Hoà        | GDCD     | 8D | 9   | Tốt | Tốt | 8.25  | Bùi Thị Thanh         |
| 181 | 180  | Phạm Văn          | Thúy   | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn      | GDCD     | 7C | 9.7 | Tốt | Tốt | 11.75 | Bùi Hậu, Trần Hoa     |
| 182 | 181  | Đinh Thị Bảo      | Trâm   | Nữ  | 5  | 12 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An           | GDCD     | 8C | 8.1 | K   | T   | 5     | Phạm Kim Oanh         |
| 183 | 182  | Vũ Thị Doan       | Trang  | Nữ  | 27 | 3  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải       | GDCD     | 7B | 8.8 | Khá | Tốt | 10.75 | Đỗ Thị Thu Hương      |
| 184 | 183  | Vũ Uyên           | Trang  | Nữ  | 19 | 6  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo   | GDCD     | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.5  | Bách Thuý + Trần Doan |
| 185 | 184  | Dương Lê          | Trúc   | Nữ  | 06 | 01 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La       | GDCD     | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 9.75  | Đào Liên+ Nguyễn Hồng |
| 186 | 185  | Lê Thị Thanh      | Trúc   | Nữ  | 19 | 10 | 2011 | Quảng Yên              | THCS Phong Hải       | GDCD     | 8B | 9.2 | Tốt | Tốt | 9.25  | Nguyễn Thị Ngoan      |
| 187 | 186  | Dương Thị         | Tú     | Nữ  | 22 | 09 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La       | GDCD     | 8B | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.5  | Đào Liên+ Nguyễn Hồng |
| 188 | 187  | Nguyễn Thuý       | Vân    | Nữ  | 26 | 7  | 2012 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa        | GDCD     | 7B | 9.2 | Khá | Tốt | 7.75  | Bùi Thị Xiêm          |
| 189 | 188  | Nguyễn Ngọc Tường | Vy     | Nữ  | 8  | 5  | 2011 | Hà Long - Quảng Ninh   | THCS Hà An           | GDCD     | 8A | 8.5 | K   | T   | 3.5   | Phạm Kim Oanh         |
| 190 | 189  | Lê Như            | Y      | Nữ  | 12 | 10 | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Liên Vĩ         | GDCD     | 8B | 8.1 | Khá | Tốt | 6.5   | Nguyễn Hoa, Lê Thơm   |
| 191 | 190  | Bùi Thị Hải       | Yên    | Nữ  | 15 | 1  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai      | GDCD     | 8D | 8.6 | Tốt | Tốt | 10.25 | Nguyễn Thị Thềm       |
| 192 | 191  | Đinh Thị Hải      | Yên    | Nữ  | 6  | 5  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa        | GDCD     | 8C | 8.8 | Khá | Tốt | 10.5  | Bùi Thị Xiêm          |
| 193 | 192  | Lê Mai Gia        | Anh    | Nam | 21 | 1  | 2011 | Quảng Yên-QN           | THCS Hiệp Hòa        | S-ĐL (LS | 8C | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.75 | Nguyễn Thị Văn Anh    |
| 194 | 193  | Hà Kiều           | Anh    | Nữ  | 31 | 10 | 2011 | Quảng Yên-QN           | THCS Hà An           | S-ĐL (LS | 8A | 8.7 | T   | T   | 12.25 | Ngô Thị Duyên         |
| 195 | 194  | Lê Hoài           | Anh    | Nữ  | 28 | 2  | 2012 | Quảng Yên-QN           | TH&THCS Tiên Phong   | S-ĐL (LS | 7  | 8.1 | Tốt | Tốt | 11.75 | Nguyễn Thị Quyền      |
| 196 | 195  | Ngô Hoàng Diệu    | Anh    | Nữ  | 06 | 02 | 2011 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn      | S-ĐL (LS | 8A | 9.2 | Tốt | Tốt | 15.5  | Nga, Hồng, Hằng       |
| 197 | 196  | Nguyễn Ngô Ngọc   | Anh    | Nữ  | 5  | 7  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc    | S-ĐL (LS | 8A | 8.9 | Khá | Tốt | Vắng  | Đinh Thị Thanh Thuý   |
| 198 | 197  | Nguyễn Thế        | Anh    | Nam | 3  | 5  | 2011 | Quảng Yên-QN           | THCS Liên Hoà        | S-ĐL (LS | 8C | 8.7 | Tốt | Khá | 8.75  | Ngô Thị Lan           |
| 199 | 198  | Vũ Ngọc Minh      | Anh    | Nữ  | 27 | 03 | 2012 | Uông Bí- Quảng Ninh    | THCS Tiên An         | S-ĐL (LS | 7A | 8.7 | K   | T   | 12.25 | Đinh Thị Thu Hà       |
| 200 | 199  | Vũ Thị Phương     | Anh    | Nữ  | 17 | 10 | 2011 | Quảng Yên-QN           | TH&THCS Cẩm La       | S-ĐL (LS | 8A | 8.4 | Khá | Tốt | 10.75 | Lê Thị Thuý           |
| 201 | 200  | Đàm Hồng          | Anh    | Nữ  | 04 | 08 | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh   | THCS Tiên An         | S-ĐL (LS | 8B | 8.2 | K   | T   | 12.25 | Đinh Thị Thu Hà       |
| 202 | 201  | Lê Ngọc           | Anh    | Nữ  | 02 | 10 | 2012 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn      | S-ĐL (LS | 7D | 8.5 | Khá | Tốt | 9.25  | Nga, Hồng, Hằng       |
| 203 | 202  | Vũ Ngọc           | Anh    | Nữ  | 18 | 11 | 2012 | Quảng Yên-QN           | TH&THCS Hoàng Tân    | S&ĐL (LS | 7A | 9.6 | Khá | Tốt | 11    | Phạm Thị Kim Anh      |
| 204 | 203  | Nguyễn Minh       | Châu   | Nữ  | 26 | 1  | 2012 | Quảng Yên-QN           | THCS Liên Hoà        | S-ĐL (LS | 7A | 8.1 | Tốt | Khá | Vắng  | Ngô Thị Lan           |
| 205 | 204  | Bùi Mai           | Chi    | Nữ  | 22 | 1  | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh   | THCS Tiên An         | S-ĐL (LS | 8B | 8.5 | K   | T   | 14.25 | Đinh Thị Thu Hà       |
| 206 | 205  | Nguyễn Thị Quỳnh  | Chi    | Nữ  | 20 | 3  | 2012 | Quảng Yên-QN           | THCS Liên Hoà        | S-ĐL (LS | 7A | 8.1 | Tốt | Khá | 4     | Ngô Thị Lan           |
| 207 | 206  | Phạm Văn          | Dũng   | Nam | 12 | 2  | 2012 | Quảng Yên-QN           | THCS Liên Vĩ         | S-ĐL (LS | 7D | 8.2 | K   | T   | 6     | Đỗ Thị Ngọc Yên       |
| 208 | 207  | Đinh Thị Thuý     | Dương  | Nữ  | 2  | 11 | 2012 | Quảng Yên              | THCS Sông Khoai      | S-ĐL (LS | 7B | 8.4 | Tốt | Tốt | 10    | Bùi Thị Phúc          |
| 209 | 208  | Ngô Anh           | Dương  | Nữ  | 14 | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An           | S-ĐL (LS | 8A | 8.6 | T   | T   | 10.5  | Bùi Minh Hương        |
| 210 | 209  | Lê Nguyễn Hương   | Giang  | Nữ  | 19 | 07 | 2011 | Hà Long                | THCS Lê Quý Đôn      | S-ĐL (LS | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 14    | Nga, Hồng, Hằng       |
| 211 | 210  | Nguyễn Hùng       | Giang  | Nam | 24 | 06 | 2011 | Uông Bí                | THCS Lê Quý Đôn      | S-ĐL (LS | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 16.75 | Nga, Hồng, Hằng       |
| 212 | 211  | Phạm Thị Thanh    | Hà     | Nữ  | 02 | 08 | 2012 | Yên Hưng- Quảng Ninh   | THCS Tiên An         | S-ĐL (LS | 7A | 8.9 | K   | T   | 14.25 | Đinh Thị Thu Hà       |
| 213 | 212  | Đặng Gia          | Hân    | Nữ  | 23 | 09 | 2012 | Quảng Yên-QN           | Trường THCS Yên Hải  | S-ĐL (LS | 7A | 8.2 | Khá | Tốt | 9     | Phạm Thị Thuý         |
| 214 | 213  | Ngô Trinh Gia     | Hân    | Nữ  | 12 | 6  | 2011 | Hà Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành      | S-ĐL (LS | 8A | 7.8 | Khá | Tốt | 10.25 | Nguyễn Thanh Hương    |
| 215 | 214  | Đinh Khánh        | Huyền  | Nữ  | 21 | 10 | 2011 | Quảng Yên-QN           | TH&THCS Hoàng Tân    | S&ĐL (LS | 8B | 9.2 | Tốt | Tốt | 12.5  | Phạm Thị Kim Anh      |
| 216 | 215  | Đoàn Thị Khánh    | Huyền  | Nữ  | 5  | 11 | 2011 | Quảng Yên-QN           | THCS Hiệp Hòa        | S-ĐL (LS | 8C | 7.6 | Khá | Tốt | 9.25  | Nguyễn Thị Văn Anh    |
| 217 | 216  | Bùi Thị Ngọc      | Khánh  | Nữ  | 31 | 7  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo   | S-ĐL (LS | 7A | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.75 | Trần Quang Sáng       |
| 218 | 217  | Tô Thị Ngân       | Khánh  | Nữ  | 17 | 7  | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc    | S-ĐL (LS | 7B | 8.9 | Khá | Tốt | 9.25  | Đinh Thị Thanh Thuý   |
| 219 | 218  | Vũ Ngọc           | Khánh  | Nữ  | 21 | 4  | 2011 | Quảng Yên-QN           | Trường THCS Yên Hải  | S-ĐL (LS | 8B | 8.1 | Khá | Tốt | 10.75 | Lê Thị Cẩm Thơ        |
| 220 | 219  | Đinh Vũ Đăng      | Khoa   | Nam | 03 | 9  | 2012 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo   | S-ĐL (LS | 7A | 8.6 | Khá | Tốt | 4.75  | Trần Quang Sáng       |
| 221 | 220  | Bùi Thị Ninh      | Kiều   | Nữ  | 11 | 12 | 2012 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc    | S-ĐL (LS | 7B | 8.0 | Khá | Tốt | 8.25  | Đinh Thị Thanh Thuý   |

|     |      |                  |        |     |    |    |      |                       |                     |            |    |     |     |     |       |                        |
|-----|------|------------------|--------|-----|----|----|------|-----------------------|---------------------|------------|----|-----|-----|-----|-------|------------------------|
| 222 | 221  | Lê Thị Mai       | Lan    | Nữ  | 28 | 4  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Hà An          | S-DL (LS   | 8A | 9.0 | T   | T   | 9.75  | Bùi Minh Hường         |
| 223 | 222  | Bùi Diệu         | Linh   | Nữ  | 10 | 1  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Tân An         | S-DL (LS   | 8A | 8.6 | Tốt | Tốt | 9.5   | Yến, Thủy              |
| 224 | 223  | Hoàng Ngọc       | Linh   | Nữ  | 04 | 12 | 2012 | Quảng Yên             | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 7E | 9.3 | Tốt | Tốt | 13.5  | Nga, Hồng, Hằng        |
| 225 | 224  | Nguyễn Hà        | Linh   | Nữ  | 18 | 07 | 2011 | Uông Bí               | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 14.75 | Nga, Hồng, Hằng        |
| 226 | 225  | Nguyễn Thảo      | Linh   | Nữ  | 26 | 12 | 2012 | Quảng Yên-QN          | THCS Phong Hải      | LS-DL      | 7A | 8.6 | Khá | Tốt | 13.75 | Ngô Thị Lan            |
| 227 | 226  | Vũ Hà            | Linh   | Nữ  | 26 | 12 | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Đông Mai       | S-DL (LS   | 8A | 8.1 | Khá | Tốt | 6.75  | Bùi Thị Nga            |
| 228 | 227  | Vũ Khánh         | Linh   | Nữ  | 14 | 2  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Đông Mai       | S-DL (LS   | 8A | 7.8 | Khá | Tốt | 6.25  | Bùi Thị Nga            |
| 229 | 228  | Vũ Trang         | Linh   | Nữ  | 26 | 12 | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Đông Mai       | S-DL (LS   | 8A | 7.4 | Khá | Tốt | 4.5   | Bùi Thị Nga            |
| 230 | 229  | Nguyễn Thanh     | Lương  | Nữ  | 19 | 9  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Minh Thành     | S-DL (LS   | 8E | 9.0 | Khá | Tốt | 12.25 | Nguyễn Thanh Hương     |
| 231 | 230  | Nguyễn Thị Hương | Ly     | Nữ  | 13 | 01 | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Hoàng Tân   | S&DL(LS    | 8B | 9.1 | Khá | Tốt | 14.25 | Phạm Thị Kim Anh       |
| 232 | 231  | Vũ Ngọc          | Ly     | Nữ  | 25 | 7  | 2011 | Uông Bí               | THCS Trần Hưng Đạo  | S-DL (LS   | 8A | 9.1 | Khá | Tốt | 12.75 | Trần Quang Sáng        |
| 233 | 232  | Trần Chi         | Mai    | Nữ  | 05 | 6  | 2011 | Nam Định              | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8B | 8.1 | Khá | Tốt | 11.25 | Nga, Hồng, Hằng        |
| 234 | 233  | Đỗ Văn           | Minh   | Nam | 3  | 10 | 2012 | Quảng Yên-QN          | THCS Liên Vĩ        | S-DL (LS   | 7D | 9.0 | T   | T   | 10.25 | Đỗ Thị Ngọc Yến        |
| 235 | 234  | Dương Anh        | Minh   | Nam | 20 | 12 | 2011 | Hạ Long               | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8D | 8.4 | Khá | Tốt | 12.75 | Nga, Hồng, Hằng        |
| 236 | 235  | Vũ Ngọc          | Minh   | Nam | 14 | 9  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8D | 8.4 | Khá | Tốt | 13.75 | Nga, Hồng, Hằng        |
| 237 | 236  | Đoàn Thị Như     | Mơ     | Nữ  | 2  | 2  | 2012 | Quảng Yên-QN          | THCS Liên Hoà       | S-DL (LS   | 7A | 8.1 | Tốt | Khá | 7.25  | Ngô Thị Lan            |
| 238 | 237  | Bùi Thị          | My     | Nữ  | 30 | 6  | 2011 | Uông Bí               | THCS Phong Hải      | LS-DL      | 8B | 8.4 | Khá | Tốt | 7     | Dương Thị Hoà          |
| 239 | 238  | Bùi Thị Trà      | My     | Nữ  | 8  | 10 | 2011 | Quảng Yên-QN          | Trường THCS Yên Hải | S-DL (LS   | 8B | 7.7 | Khá | Tốt | 8.25  | Lê Thị Cẩm Thơ         |
| 240 | 239  | Nguyễn Trà       | My     | Nữ  | 20 | 04 | 2012 | Quảng Yên             | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 7E | 8.9 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nga, Hồng, Hằng        |
| 241 | 240  | Vũ Nguyễn Trà    | My     | Nữ  | 6  | 6  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Hà An          | S-DL (LS   | 8A | 8.8 | K   | T   | 7.5   | Ngô Thị Duyên          |
| 242 | 241  | Nguyễn Ngân      | Nga    | Nữ  | 21 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Minh Thành     | S-DL (LS   | 8E | 8.8 | Tốt | Tốt | 11    | Nguyễn Thanh Hương     |
| 243 | 242  | Đoàn Thị         | Ngân   | Nữ  | 1  | 2  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Tân An         | S-DL (LS   | 8A | 7.7 | Khá | Tốt | 11.25 | Yến-Ngô Thị Thanh Thủy |
| 244 | 243  | Đồng Thị         | Ngân   | Nữ  | 24 | 6  | 2011 | Quảng Yên             | TH&THCS Phong Cốc   | S-DL (LS   | 8B | 7.8 | Khá | Tốt | 11.25 | Nguyễn Thị Vân Thanh   |
| 245 | 244  | Lê Khánh         | Ngọc   | Nữ  | 17 | 07 | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh  | THCS Tiên An        | S-DL (LS   | 8B | 8.2 | G   | T   | 14.25 | Đinh Thị Thu Hà        |
| 246 | 245  | Nguyễn Bích      | Ngọc   | Nữ  | 1  | 8  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Hà An          | S-DL (LS   | 8A | 8.8 | T   | T   | 8.5   | Ngô Thị Duyên          |
| 247 | 246  | Nguyễn Hoài      | Ngọc   | Nữ  | 24 | 11 | 2012 | Nam Định              | THCS Phong Hải      | LS-DL      | 7A | 8.3 | Tốt | Tốt | 14.25 | Ngô Thị Lan            |
| 248 | 247  | Phạm Thị Bích    | Ngọc   | Nữ  | 25 | 12 | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Hà An          | S-DL (LS   | 8A | 8.3 | T   | T   | 9     | Bùi Minh Hường         |
| 249 | 248  | Lê Bảo           | Nguyễn | Nữ  | 23 | 11 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Phong Hải      | LS-DL      | 8B | 7.4 | Khá | Tốt | 7.5   | Dương Thị Hoà          |
| 250 | 249  | Nguyễn Thị Yến   | Nhi    | Nữ  | 8  | 11 | 2011 | Uông Bí               | THCS Cộng Hoà       | S-DL (LS   | 8B | 8.6 | Khá | Tốt | 6.25  | Lê Thị Minh Tâm        |
| 251 | 250  | Phùng Thị Yến    | Nhi    | Nữ  | 11 | 6  | 2011 | Quảng Yên-QN          | Trường THCS Yên Hải | S-DL (LS   | 8B | 8.3 | Khá | Tốt | 10    | Lê Thị Cẩm Thơ         |
| 252 | 251  | Vũ Thị Vân       | Nhi    | Nữ  | 22 | 4  | 2011 | Quảng Yên             | TH&THCS Phong Cốc   | S-DL (LS   | 8B | 8.7 | Khá | Tốt | 11.25 | Nguyễn Thị Vân Thanh   |
| 253 | 252  | Lê Đăng          | Phúc   | Nam | 28 | 11 | 2012 | Uông Bí               | THCS Trần Hưng Đạo  | S-DL (LS   | 7A | 9.0 | Tốt | Tốt | 6     | Trần Quang Sáng        |
| 254 | 253  | Lê Hà            | Phượng | Nữ  | 13 | 8  | 2011 | Khoái Châu - Hưng Yên | THCS Minh Thành     | S-DL (LS   | 8E | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.75  | Nguyễn Thanh Hương     |
| 255 | 254  | Nguyễn Hồng      | Phượng | Nữ  | 5  | 7  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Cộng Hoà       | S-DL (LS   | 8C | 8.2 | Tốt | Tốt | 7.75  | Lê Thị Minh Tâm        |
| 256 | 255  | Bùi Thị          | Quyên  | Nữ  | 10 | 01 | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh  | THCS Tiên An        | S-DL (LS   | 8C | 8.5 | K   | T   | 10.25 | Đinh Thị Thu Hà        |
| 257 | 256  | Lê Ngọc Trường   | Sơn    | Nam | 05 | 11 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8A | 8.7 | Tốt | Tốt | 11.75 | Nga, Hằng, Hồng        |
| 258 | 257  | Phạm Đức         | Tài    | Nam | 03 | 10 | 2011 | Hạ Long               | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8A | 9.5 | Tốt | Tốt | 15.25 | Nga, Hằng, Hồng        |
| 259 | 258  | Phạm Hồng        | Thắm   | Nữ  | 17 | 7  | 2012 | Quảng Yên-QN          | Trường THCS Yên Hải | S-DL (LS   | 7B | 8.0 | Khá | Tốt | 7.5   | Phạm Thị Thủy          |
| 260 | 259  | Vũ Phương        | Thanh  | Nữ  | 30 | 08 | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Cẩm La      | S-DL (LS   | 8A | 8.1 | Khá | Tốt | 9.5   | Lê Thị Thủy            |
| 261 | 260  | Nguyễn Phong     | Thành  | Nam | 15 | 06 | 2011 | Uông Bí               | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 8A | 8.7 | Tốt | Tốt | 13.5  | Nga, Hằng, Hồng        |
| 262 | 261  | Nguyễn Thanh     | Thảo   | Nữ  | 9  | 8  | 2011 | Quảng Yên-QN          | THCS Hà An          | S-DL (LS   | 8A | 8.9 | T   | T   | 6.25  | Bùi Minh Hường         |
| 263 | 262  | Vũ Thị Anh       | Thơ    | Nữ  | 7  | 6  | 2011 | Quảng Yên-QN          | Trường THCS Yên Hải | S-DL (LS   | 8C | 8.4 | Khá | Tốt | 12    | Lê Thị Cẩm Thơ         |
| 264 | 263  | Trương Anh       | Thư    | Nữ  | 15 | 3  | 2012 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Hoàng Tân   | S&DL(LS    | 7B | 6.6 | Khá | Tốt | 12.25 | Phạm Thị Kim Anh       |
| 265 | 264  | Lê Thủy          | Tiên   | Nữ  | 15 | 5  | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Tiên Phong  | S-DL (LS   | 8  | 7.8 | Khá | Tốt | 10.25 | Nguyễn Thị Quyên       |
| 266 | 265  | Nguyễn Thủy      | Tiên   | Nữ  | 13 | 09 | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Cẩm La      | S-DL (LS   | 8A | 8.2 | Khá | Tốt | 13.25 | Lê Thị Thủy            |
| 267 | 266  | Đỗ Bảo           | Trâm   | Nữ  | 13 | 04 | 2012 | Quảng Yên             | THCS Lê Quý Đôn     | S-DL (LS   | 7D | 8.6 | Tốt | Tốt | 12.75 | Nga, Hằng, Hồng        |
| 268 | 267  | Đỗ Thị Yến       | Trang  | Nữ  | 2  | 4  | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Tiên Phong  | S-DL (LS   | 8  | 7.2 | Khá | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Quyên       |
| 269 | 268  | Phạm Thị Quỳnh   | Trang  | Nữ  | 18 | 2  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Cộng Hoà       | S-DL (LS   | 8B | 7.8 | Khá | Tốt | 7.5   | Lê Thị Minh Tâm        |
| 270 | 269  | Vũ Huyền         | Trang  | Nữ  | 22 | 4  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Sông Khoai     | S-DL (LS   | 8D | 8.1 | Khá | Tốt | 12.75 | Bùi Thị Phúc           |
| 271 | 270  | Lê Hoàng         | Triệu  | Nam | 31 | 7  | 2011 | Chi Linh - Hải Dương  | THCS Liên Hoà       | S-DL (LS   | 8C | 8.3 | Tốt | Khá | 9.5   | Ngô Thị Lan            |
| 272 | 271  | Nguyễn Hiểu      | Vân    | Nữ  | 5  | 12 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Sông Khoai     | S-DL (LS   | 8D | 8.7 | Khá | Tốt | 12.75 | Bùi Thị Phúc           |
| 273 | 272  | Phạm Vũ Hà       | Vy     | Nữ  | 13 | 11 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Minh Thành     | S-DL (LS   | 8D | 9.4 | Tốt | Tốt | 9.25  | Nguyễn Thanh Hương     |
| 274 | 273  | Trần Vũ Hà       | Vy     | Nữ  | 21 | 5  | 2011 | Quảng Yên-QN          | TH&THCS Hoàng Tân   | S&DL(LS    | 8B | 9.1 | Tốt | Tốt | 14.25 | Phạm Thị Kim Anh       |
| 275 | 274  | Vũ Phương        | Vy     | Nữ  | 5  | 8  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Minh Thành     | S-DL (LS   | 8D | 9.2 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thanh Hương     |
| 276 | 274a | Ngô Nguyễn Ngọc  | Anh    |     |    |    |      |                       | TH&THCS Phong Cốc   |            |    |     |     |     | 8.5   |                        |
| 277 | 275  | Bùi Bảo Trâm     | Anh    | Nữ  | 29 | 7  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Sông Khoai     | S-DL (Đĩa) | 8A | 8.3 | Tốt | Tốt | 12.5  | Dương Thị Hiền         |
| 278 | 276  | Bùi Lê Hồng      | Anh    | Nữ  | 2  | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc   | S-DL (Đĩa) | 7A | 8.6 | Khá | Tốt | 13.25 | Ngô Yến - Mạc Thủy     |

|     |     |                  |        |     |    |    |      |                       |                    |           |    |     |     |     |       |                     |
|-----|-----|------------------|--------|-----|----|----|------|-----------------------|--------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|---------------------|
| 279 | 277 | Bùi Văn          | Anh    | Nữ  | 13 | 2  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hiệp Hòa      | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.7 | Khá | Tốt | 8.75  | Trần Hương          |
| 280 | 278 | Đàm Thị Mai      | Anh    | Nữ  | 10 | 8  | 2011 | Yên Hưng- Quảng Ninh  | THCS Tiên An       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.3 | Khá | T   | 6.75  | Trần Thị Hoa        |
| 281 | 279 | Đỗ Hoàng         | Anh    | Nam | 24 | 2  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.6 | Tốt | Tốt | 10.2  | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 282 | 280 | Lê Đức           | Anh    | Nam | 9  | 11 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.3 | K   | T   | 11    | Bùi Hải Duyên       |
| 283 | 281 | Lê Nguyễn Tùng   | Anh    | Nam | 30 | 6  | 2011 | Uông Bí               | THCS Trần Hưng Đạo | S-ĐL (ĐL) | 8A | 6.9 | Khá | Tốt | 11.25 | Nguyễn Thị Thu Thảo |
| 284 | 282 | Lê Thị Kim       | Anh    | Nữ  | 14 | 9  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Cẩm La     | S-ĐL (ĐL) | 8B | 7.7 | Khá | Tốt | 9     | Ngô Thị Sáu         |
| 285 | 283 | Lê Tuấn          | Anh    | Nam | 20 | 12 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.4 | K   | T   | 9.75  | Hà Thị Hồng Nhung   |
| 286 | 284 | Nguyễn Phương    | Anh    | Nữ  | 16 | 8  | 2012 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 7E | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.25 | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 287 | 285 | Nguyễn Tuấn      | Anh    | Nam | 17 | 2  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.4 | Tốt | Tốt | 6.5   | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 288 | 286 | Vũ Thị Quỳnh     | Anh    | Nữ  | 20 | 1  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.2 | T   | T   | 9.75  | Bùi Hải Duyên       |
| 289 | 287 | Nguyễn Ngọc      | Anh    | Nữ  | 04 | 11 | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Hoàng Tân  | S-ĐL (ĐL) | 8A | 7.7 | Khá | Tốt | 5.25  | Phạm Thị Thanh Vân  |
| 290 | 288 | Nguyễn Ngọc      | Anh    | Nữ  | 10 | 9  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.4 | Khá | Tốt | 14.8  | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 291 | 289 | Phạm Trần Thiện  | Di     | Nữ  | 7  | 4  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Tân An        | S-ĐL (ĐL) | 8A | 7.9 | Khá | Tốt | 15.75 | Phạm Thị Bích Thủy  |
| 292 | 290 | Nguyễn Bùi Ngọc  | Diệp   | Nữ  | 23 | 11 | 2012 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 7C | 9.5 | Tốt | Tốt | 15    | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 293 | 291 | Nguyễn Hà        | Giang  | Nữ  | 22 | 11 | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7B | 8.7 | Khá | Tốt | 13.5  | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 294 | 292 | Nguyễn Quang     | Hải    | Nam | 14 | 2  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Cộng Hoà      | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.5 | Khá | Tốt | 13.5  | Đậu Thị Hiền        |
| 295 | 293 | Ngô Thị Ngọc     | Hân    | Nữ  | 21 | 12 | 2012 | Tiên Yên - Quảng Ninh | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 7D | 8.6 | T   | T   | 13.5  | Bùi Hải Duyên       |
| 296 | 294 | Ngô Thị Bích     | Hiền   | Nữ  | 28 | 5  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.8 | Tốt | Tốt | 15.75 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 297 | 295 | Đàm Thị Quỳnh    | Hương  | Nữ  | 15 | 9  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.8 | Tốt | Tốt | 15.25 | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 298 | 296 | Lê Thị           | Hương  | Nữ  | 24 | 9  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.5  | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 299 | 297 | Vũ Thị           | Hương  | Nữ  | 2  | 5  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.3 | Khá | Tốt | 15.75 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 300 | 298 | Nguyễn Văn       | Kiên   | Nam | 27 | 2  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 14.25 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 301 | 299 | Nguyễn Thị       | Lan    | Nữ  | 27 | 05 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Liên Vị       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.3 | K   | T   | 8.5   | Đoàn Thị Nhan       |
| 302 | 300 | Đinh Ái          | Liên   | Nữ  | 10 | 12 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hiệp Hòa      | S-ĐL (ĐL) | 8D | 8.8 | Khá | Tốt | 9     | Trần Hương          |
| 303 | 301 | Bùi Khánh        | Linh   | Nữ  | 7  | 8  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.4 | Khá | Tốt | 14.25 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 304 | 302 | Dương Thị Thùy   | Linh   | Nữ  | 6  | 5  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Cẩm La     | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.0 | Khá | Tốt | 10.75 | Ngô Thị Sáu         |
| 305 | 303 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh   | Nữ  | 17 | 04 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Liên Vị       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.4 | T   | T   | 12.5  | Đoàn Thị Nhan       |
| 306 | 304 | Vũ Thị           | Loan   | Nữ  | 13 | 7  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Yên Hải       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 7.8 | Khá | Tốt | 10.5  | Bùi Thị Huệ         |
| 307 | 305 | Nguyễn Thành     | Lương  | Nam | 31 | 12 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hiệp Hòa      | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.9 | Tốt | Tốt | 10    | Trần Hương          |
| 308 | 306 | Bùi Khánh        | Ly     | Nữ  | 24 | 12 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Phong Hải     | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.5 | Khá | Tốt | 13    | Đào Thị Hương       |
| 309 | 307 | Bùi Nguyễn Quỳnh | Ly     | Nữ  | 7  | 9  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hiệp Hòa      | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.6 | Khá | Tốt | 10    | Trần Hương          |
| 310 | 308 | Nguyễn Thị       | Lý     | Nữ  | 14 | 3  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Sông Khoai | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.3 | Khá | Tốt | 15    | Nguyễn Thị Lê       |
| 311 | 309 | Đỗ Ngọc          | Mai    | Nữ  | 24 | 08 | 2012 | Quảng Yên - QN        | THCS Liên Vị       | S-ĐL (ĐL) | 7D | 8.5 | K   | T   | 11    | Nguyễn Thị Hằng     |
| 312 | 310 | Ngô Phương       | Mai    | Nữ  | 6  | 9  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Yên Hải       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.1 | Khá | Tốt | 9.5   | Bùi Thị Huệ         |
| 313 | 311 | Lê Thị           | Mão    | Nữ  | 11 | 02 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Liên Vị       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 9.3 | T   | T   | 15.5  | Đoàn Thị Nhan       |
| 314 | 312 | Lê Thị Hòa       | Mi     | Nữ  | 28 | 10 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 315 | 313 | Nguyễn Đức       | Minh   | Nam | 9  | 10 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Liên Hoà      | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.2 | Tốt | Khá | 11    | Lê Thị Quỳnh        |
| 316 | 314 | Vũ Thị           | Mừng   | Nữ  | 8  | 9  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.8 | Khá | Tốt | 13.25 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 317 | 315 | Đặng Thị Trà     | My     | Nữ  | 24 | 8  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.8 | T   | T   | 12    | Hà Thị Hồng Nhung   |
| 318 | 316 | Nguyễn Thị Hoàng | Ngân   | Nữ  | 2  | 8  | 2011 | Uông Bí- QN           | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.0 | Tốt | Tốt | 16.5  | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 319 | 317 | Vũ Khánh         | Ngân   | Nữ  | 23 | 10 | 2011 | Uông Bí- QN           | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.8 | Tốt | Tốt | 15.25 | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 320 | 318 | Dương Thái Bảo   | Ngọc   | Nữ  | 01 | 4  | 2011 | Uông Bí               | THCS Trần Hưng Đạo | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.1 | Khá | Tốt | 12.5  | Nguyễn Thị Thu Thảo |
| 321 | 319 | Hoàng Bảo        | Ngọc   | Nữ  | 19 | 02 | 2012 | Quảng Yên             | THCS Trần Hưng Đạo | S-ĐL (ĐL) | 7C | 8.1 | Tốt | Tốt | 8     | Nguyễn Thị Thu Thảo |
| 322 | 320 | Nguyễn Thị Thanh | Ngọc   | Nữ  | 21 | 7  | 2011 | Uông Bí- QN           | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.3 | Tốt | Tốt | 16.25 | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 323 | 321 | Vũ Thị Hồng      | Ngọc   | Nữ  | 11 | 11 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.2 | Tốt | Tốt | 9.75  | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 324 | 322 | Bùi Ngọc Hải     | Nguyễn | Nữ  | 11 | 5  | 2011 | Uông Bí- Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | S-ĐL (ĐL) | 8D | 9.5 | T   | T   | 10.5  | Vũ Hiền, Hà Huyền   |
| 325 | 323 | Ngô Yên          | Nhi    | Nữ  | 19 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.7 | Khá | Tốt | 12.25 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 326 | 324 | Tạ Vũ Yên        | Nhi    | Nữ  | 21 | 3  | 2013 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 6A | 9.4 | Tốt | Tốt | 10.75 | Ng. Thu- Ng. Tâm    |
| 327 | 325 | Vũ Thị Yên       | Nhi    | Nữ  | 17 | 11 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Tiên An       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.0 | Khá | T   | 11    | Trần Thị Hoa        |
| 328 | 326 | Vũ Hoàng Quỳnh   | Như    | Nữ  | 25 | 3  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Hà An         | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.2 | T   | T   | 11    | Bùi Hải Duyên       |
| 329 | 327 | Vũ Ngọc          | Oanh   | Nữ  | 28 | 7  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.3 | Tốt | Tốt | 9.5   | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 330 | 328 | Ngô Thảo         | Phượng | Nữ  | 1  | 1  | 2012 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Phong Cốc  | S-ĐL (ĐL) | 7A | 8.3 | Khá | Tốt | 14.25 | Ngô Yên - Mạc Thuý  |
| 331 | 329 | Trần Thu         | Phượng | Nữ  | 07 | 4  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Hoàng Tân  | S-ĐL (ĐL) | 8A | 6.8 | Khá | Tốt | 3.25  | Phạm Thị Thanh Vân  |
| 332 | 330 | Vũ Hồng          | Quân   | Nam | 2  | 3  | 2011 | Quảng Yên - QN        | TH&THCS Sông Khoai | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.3 | Khá | Tốt | 13.75 | Nguyễn Thị Lê       |
| 333 | 331 | Lê Đức           | Quyển  | Nam | 9  | 8  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 7     | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 334 | 332 | Trần Xuân        | Thành  | Nam | 19 | 10 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Cộng Hoà      | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.1 | Khá | Tốt | 8     | Đậu Thị Hiền        |
| 335 | 333 | Lê Hoàng Hương   | Thảo   | Nữ  | 01 | 01 | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Liên Vị       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.1 | K   | T   | 8.5   | Đoàn Thị Nhan       |

|     |     |                |       |     |    |    |      |                      |                    |           |    |     |     |     |       |                     |
|-----|-----|----------------|-------|-----|----|----|------|----------------------|--------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|---------------------|
| 336 | 334 | Vũ Thị Bích    | Thảo  | Nữ  | 16 | 8  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Sông Khoai    | ĐL (Đia)  | 8D | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.5  | Dương Thị Hiền      |
| 337 | 335 | Lê Đình        | Thiện | Nam | 26 | 8  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Cộng Hoà      | S-ĐL (ĐL) | 8C | 8.4 | Khá | Tốt | 10.5  | Đậu Thị Hiền        |
| 338 | 336 | Lê Thanh       | Trà   | Nữ  | 3  | 3  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 9.25  | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 339 | 337 | Trần Ngọc Bảo  | Trần  | Nữ  | 25 | 3  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.8 | Tốt | Tốt | 12.25 | Ng. Thu- Ng. Tầm    |
| 340 | 338 | Bùi Thị Thu    | Trang | Nữ  | 1  | 2  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Tân An        | S-ĐL (ĐL) | 8A | 7.7 | Khá | Tốt | 13.5  | Phạm Thị Bích Thủy  |
| 341 | 339 | Trần Lan       | Trinh | Nữ  | 19 | 3  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.2 | Tốt | Tốt | 13.25 | Ng. Thu- Ng. Tầm    |
| 342 | 340 | Đoàn Thanh     | Trúc  | Nữ  | 18 | 11 | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Hiệp Hòa      | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.6 | Tốt | Tốt | 9.25  | Trần Hương          |
| 343 | 341 | Đinh Hoàng     | Tùng  | Nam | 25 | 8  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Lê Quý Đôn    | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.0 | Khá | Tốt | 10.5  | Ng. Thu- Ng. Tầm    |
| 344 | 342 | Đinh Thị Ánh   | Tuyết | Nữ  | 12 | 1  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 9.0 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 345 | 343 | Dương Tường    | Vì    |     | 21 | 11 | 2011 | Quảng Yên - QN       | TH&THCS Cẩm La     | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.2 | Tốt | Tốt | 6.5   | Ngô Thị Sáu         |
| 346 | 344 | Lê Phương      | Vì    | Nữ  | 29 | 9  | 2011 | Quảng Yên - QN       | THCS Liên Hoà      | S-ĐL (ĐL) | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.25 | Lê Thị Quyên        |
| 347 | 345 | Đỗ Tiến        | Viết  | Nam | 19 | 1  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Nam Hòa       | S-ĐL (ĐL) | 8B | 8.4 | Tốt | Tốt | 11.5  | Nguyễn Thị Kim Dung |
| 348 | 346 | Bùi Kim Tuấn   | Anh   | Nam | 21 | 1  | 2011 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (NL) | 8A | 8.3 | Tốt | Tốt | 6     | Lê Hậu - Ngô Tiến   |
| 349 | 347 | Trần Hải       | Đặng  | Nam | 29 | 2  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 9.9 | Tốt | Tốt | 10.25 | Đào Đình Thái       |
| 350 | 348 | Nguyễn Thành   | Đạt   | Nam | 19 | 7  | 2011 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 8.5   | Đào Đình Thái       |
| 351 | 349 | Lê Mạnh        | Dũng  | Nam | 21 | 3  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 9.8 | Tốt | Tốt | 3.25  | Đào Đình Thái       |
| 352 | 350 | Nguyễn Trí     | Dũng  | Nam | 24 | 5  | 2011 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 8A | 7.9 | Tốt | Tốt | 13.25 | Đào Đình Thái       |
| 353 | 351 | Phan Bảo       | Dương | Nữ  | 24 | 9  | 2012 | Quảng Yên            | THCS Tân An        | KHTN (NL) | 7A | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.25 | Lê Thị Thu Trang    |
| 354 | 352 | Phạm Gia       | Huy   | Nam | 19 | 4  | 2011 | Uông Bí              | THCS Đông Mai      | KHTN (NL) | 8C | 8.6 | Tốt | Tốt | 4.25  | Tổng Thị Hiền       |
| 355 | 353 | Phạm Bảo       | Khánh | Nam | 22 | 10 | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7B | 9   | Tốt | Tốt | 5.5   | Đào Đình Thái       |
| 356 | 354 | Phạm Hữu Quốc  | Khánh | Nam | 2  | 7  | 2011 | Liên Vĩ - Quảng Yên  | THCS Liên Vĩ       | KHTN (NL) | 8A | 8.1 | Khá | Tốt | 9.5   | Trần Thanh Tùng     |
| 357 | 355 | Bùi Huy        | Long  | Nam | 14 | 8  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 5     | Đào Đình Thái       |
| 358 | 356 | Đàm Quang      | Minh  | Nam | 02 | 05 | 2011 | Quảng Yên            | THCS Trần Hưng Đạo | KHTN (NL) | 8B | 8.0 | Khá | Khá | 9.75  | Lê Thị Thu Hà       |
| 359 | 357 | Vũ Quang       | Minh  | Nam | 3  | 1  | 2011 | Uông Bí              | THCS Cộng Hoà      | KHTN (NL) | 8A | 8.8 | Khá | Tốt | 4     | Lê Văn Long         |
| 360 | 358 | Vũ Tiến        | Minh  | Nam | 4  | 6  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 9.7 | Tốt | Tốt | 4     | Đào Đình Thái       |
| 361 | 359 | Nguyễn Văn     | Mừng  | Nam | 10 | 4  | 2011 | Liên Vĩ - Quảng Yên  | THCS Liên Vĩ       | KHTN (NL) | 8A | 8.1 | Khá | Tốt | 12.5  | Trần Thanh Tùng     |
| 362 | 360 | Nguyễn Hoàng   | Nam   | Nam | 20 | 12 | 2011 | Uông Bí              | THCS Cộng Hoà      | KHTN (NL) | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 10    | Lê Văn Long         |
| 363 | 361 | Dương Hồng     | Ngọc  | Nữ  | 7  | 1  | 2011 | Uông Bí              | THCS Đông Mai      | KHTN (NL) | 8C | 8.2 | Tốt | Tốt | 6     | Tổng Thị Hiền       |
| 364 | 362 | Lê Đức Nam     | Phong | Nam | 30 | 1  | 2011 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (NL) | 8B | 7.3 | Tốt | Tốt | 6     | Lê Hậu - Ngô Tiến   |
| 365 | 363 | Phạm Đức       | Phong | Nam | 8  | 11 | 2011 | Uông Bí-Quảng Ninh   | THCS Hiệp Hòa      | KHTN (NL) | 8D | 8.8 | Tốt | Tốt | 5     | Nguyễn Thị Lan      |
| 366 | 364 | Phạm Thanh     | Phong | Nam | 12 | 11 | 2011 | Quảng Yên            | THCS Hiệp Hòa      | KHTN (NL) | 8D | 9.2 | Khá | Tốt | 4.75  | Nguyễn Thị Lan      |
| 367 | 365 | Trần Hải       | Phong | Nam | 22 | 8  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 9.7 | Tốt | Tốt | 5     | Đào Đình Thái       |
| 368 | 366 | Phạm Quang     | Thái  | Nam | 22 | 9  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7C | 9.6 | Tốt | Tốt | 7     | Đào Đình Thái       |
| 369 | 367 | Đinh Đức       | Thắng | Nam | 21 | 9  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Hiệp Hòa      | KHTN (NL) | 8D | 9.1 | Khá | Tốt | 5.75  | Nguyễn Thị Lan      |
| 370 | 368 | Trần Minh      | Tú    | Nam | 6  | 9  | 2011 | Uông Bí              | THCS Đông Mai      | KHTN (NL) | 8C | 8.6 | Tốt | Tốt | 4.5   | Tổng Thị Hiền       |
| 371 | 369 | Phạm Thanh     | Tùng  | Nam | 22 | 2  | 2011 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 8A | 8.3 | Tốt | Tốt | 10    | Đào Đình Thái       |
| 372 | 370 | Đoàn Quốc      | Viết  | Nam | 12 | 8  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Sông Khoai    | KHTN (NL) | 8D | 9.2 | Tốt | Tốt | 10.5  | Mai Thị Hoàn        |
| 373 | 371 | Vũ Song        | Vũ    | Nam | 5  | 5  | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 7.25  | Đào Đình Thái       |
| 374 | 372 | Hoàng Minh     | Vương | Nam | 11 | 10 | 2012 | Quảng yên            | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (NL) | 7B | 9.5 | Tốt | Tốt | 4     | Đào Đình Thái       |
| 375 | 373 | Vũ Thị Hà      | Vy    | Nữ  | 2  | 12 | 2011 | Quảng Yên            | THCS Đông Mai      | KHTN (NL) | 8C | 8.5 | Tốt | Tốt | 5.25  | Tổng Thị Hiền       |
| 376 | 374 | Nguyễn Nhật    | An    | Nam | 3  | 9  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Sông Khoai    | KHTN (VS) | 8A | 9.2 | Tốt | Tốt | 13.5  | Vũ Thị Hà           |
| 377 | 375 | Bùi Đỗ Lan     | Anh   | Nữ  | 16 | 4  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Cộng Hoà      | KHTN (VS) | 8A | 8.6 | Tốt | Tốt | 10.5  | Lê Quyên - Vũ Anh   |
| 378 | 376 | Bùi Tuyết      | Anh   | Nữ  | 20 | 10 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa      | KHTN (VS) | 8C | 9   | Tốt | Tốt | 13    | Đinh Thị Thanh      |
| 379 | 377 | Lê Tuấn        | Anh   | Nam | 22 | 7  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà      | KHTN (VS) | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 12.25 | Nguyễn Thị Hương    |
| 380 | 378 | Nguyễn Đoàn Hà | Anh   | Nữ  | 14 | 5  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | KHTN (VS) | 7G | 8.5 | T   | T   | 10.25 | Bùi Dung, Vũ Yến    |
| 381 | 379 | Nguyễn Quỳnh   | Anh   | Nữ  | 27 | 10 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Minh Thành    | KHTN (VS) | 8D | 8   | T   | T   | 13.5  | Bùi Dung, Vũ Yến    |
| 382 | 380 | Phạm Duy       | Anh   | Nam | 3  | 11 | 2011 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (VS) | 8A | 7.0 | Khá | Tốt | 12.75 | Vũ Thị Luyện        |
| 383 | 381 | Dương Thị Ngọc | Anh   | Nữ  | 1  | 10 | 2011 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (VS) | 8C | 7.5 | Khá | Tốt | 13.5  | Vũ Thị Luyện        |
| 384 | 382 | Nguyễn Thái    | Bảo   | Nữ  | 10 | 7  | 2011 | Uông Bí              | THCS Lê Quý Đôn    | KHTN (VS) | 8A | 7.2 | Khá | Tốt | 9.25  | Lê Thị Thu Hương    |
| 385 | 383 | Bùi Bảo        | Bình  | Nam | 14 | 7  | 2011 | Uông Bí              | THCS Sông Khoai    | KHTN (VS) | 8A | 8.9 | Khá | Tốt | 12.75 | Vũ Thị Hà           |
| 386 | 384 | Lương Thành    | Đạt   | Nam | 8  | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Tân An        | KHTN (VS) | 8A | 7.5 | Khá | Tốt | 10    | Nguyễn Thị Hào      |
| 387 | 385 | Vũ Thị Liên    | Doanh | Nữ  | 28 | 1  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Sông Khoai    | KHTN (VS) | 8A | 7.1 | Khá | Tốt | 12.75 | Vũ Thị Hà           |
| 388 | 386 | Lê Thế         | Đông  | Nam | 4  | 11 | 2011 | Móng Cái             | THCS Cộng Hoà      | KHTN (VS) | 8D | 8.7 | Khá | Tốt | 13.25 | Lê Quyên - Vũ Anh   |
| 389 | 387 | Bùi Huy        | Đức   | Nam | 27 | 6  | 2011 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (VS) | 8A | 7.7 | Khá | Tốt | 14.25 | Vũ Thị Luyện        |
| 390 | 388 | Nguyễn Thuý    | Dung  | Nữ  | 21 | 3  | 2011 | Uông Bí              | THCS Đông Mai      | KHTN (VS) | 8A | 8.4 | Tốt | Tốt | 9.75  | Hoàng Thị Luyện     |
| 391 | 389 | Ngô Minh       | Dũng  | Nam | 21 | 1  | 2012 | Quảng Yên            | TH&THCS Phong Cốc  | KHTN (VS) | 7A | 8.7 | Khá | Tốt | 12.5  | Vũ Thị Văn          |
| 392 | 390 | Nguyễn Đình    | Dũng  | Nam | 15 | 12 | 2011 | Uông Bí              | THCS Đông Mai      | KHTN (VS) | 8A | 8.5 | Khá | Tốt | 8.25  | Hoàng Thị Luyện     |

|     |     |                   |        |     |    |    |      |                      |                     |          |    |     |     |     |        |                      |
|-----|-----|-------------------|--------|-----|----|----|------|----------------------|---------------------|----------|----|-----|-----|-----|--------|----------------------|
| 393 | 391 | Lê Thuý           | Dương  | Nữ  | 6  | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà       | KHTN (VS | 8A | 8.5 | Tốt | Tốt | 13.25  | Nguyễn Thị Hương     |
| 394 | 392 | Lê Thu            | Hiền   | Nữ  | 22 | 8  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Trần Hưng Đạo  | KHTN (VS | 8C | 7.3 | Khá | Tốt | 14.25  | Lê Thị Ngọc Anh      |
| 395 | 393 | Lê Minh           | Hoàng  | Nam | 26 | 7  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà       | KHTN (VS | 8A | 8.3 | Tốt | Khá | 14     | Nguyễn Thị Hương     |
| 396 | 394 | Phạm Đỗ Quang     | Huy    | Nam | 5  | 12 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 8A | 7.2 | Khá | Tốt | 8.5    | Lê Thị Thu Hương     |
| 397 | 395 | Phạm Gia          | Huy    | Nam | 20 | 5  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Tiên An        | KHTN (VS | 8C | 8.5 | Tốt | Tốt | 12     | Nguyễn Thị Hào       |
| 398 | 396 | Đỗ Ngọc           | Huyền  | Nữ  | 25 | 3  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Nam Hòa        | KHTN (VS | 8B | 8.1 | Tốt | Tốt | 10     | Trần Thị Kim Chi     |
| 399 | 397 | Đặng Thị Kim      | Khánh  | Nữ  | 20 | 8  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 8B | 7.4 | Khá | Tốt | 10.75  | Lê Thị Thu Hương     |
| 400 | 398 | Ngô Văn           | Khánh  | Nam | 4  | 3  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Nam Hòa        | KHTN (VS | 8B | 7.8 | Khá | Tốt | 8.25   | Trần Thị Kim Chi     |
| 401 | 399 | Phạm Vũ Văn       | Khánh  | Nữ  | 19 | 9  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành     | KHTN (VS | 8D | 8.3 | T   | T   | 11.5   | Bùi Dung, Vũ Yến     |
| 402 | 400 | Triệu Quốc        | Khánh  | Nam | 20 | 11 | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 7G | 8.9 | Tốt | Tốt | 15.75  | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 403 | 401 | Nguyễn Thị Vân    | Lai    | Nữ  | 2  | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành     | KHTN (VS | 8E | 7.8 | K   | T   | 13.75  | Bùi Dung, Vũ Yến     |
| 404 | 402 | Nguyễn Lê Mỹ      | Linh   | Nữ  | 20 | 5  | 2011 | Hà Long - QN         | THCS Minh Thành     | KHTN (VS | 8E | 7.2 | T   | T   | 10.75  | Bùi Dung, Vũ Yến     |
| 405 | 403 | Lê Thành          | Luân   | Nam | 3  | 9  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Vị        | KHTN (VS | 8C | 9.0 | Khá | Tốt | 14     | Ngô Thị H. Trang     |
| 406 | 404 | Lương Quang       | Minh   | Nam | 5  | 9  | 2011 | Uông Bí, QN          | THCS Tiên An        | KHTN (VS | 8C | 7.7 | Khá | Tốt | 11.25  | Nguyễn Thị Hào       |
| 407 | 405 | Nguyễn Thị Thủy   | Ngân   | Nữ  | 10 | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hà An          | KHTN (VS | 8A | 8.9 | T   | T   | 13.25  | Vũ Thị Loan          |
| 408 | 406 | Phạm Tạ Bảo       | Ngọc   | Nữ  | 10 | 9  | 2012 | Quảng Yên            | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7A | 9.5 | Khá | Tốt | 8.25   | Lê Thị Thu Hương     |
| 409 | 407 | Phạm Thị Hồng     | Ngọc   | Nữ  | 19 | 9  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Tiên An        | KHTN (VS | 7A | 7.9 | Khá | Tốt | 12.5   | Nguyễn Thị Hào       |
| 410 | 408 | Vũ Bảo            | Ngọc   | Nữ  | 25 | 8  | 2012 | Thái Bình            | THCS Đông Mai       | KHTN (VS | 7D | 8.9 | Tốt | Tốt | 9.25   | Hoàng Thị Luyến      |
| 411 | 409 | Bùi Minh          | Nguyệt | Nữ  | 24 | 5  | 2012 | Uông Bí              | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7A | 9.6 | Khá | Tốt | 11.5   | Lê Thị Thu Hương     |
| 412 | 410 | Lê Minh           | Nguyệt | Nữ  | 4  | 1  | 2011 | Quảng Ninh           | THCS Hà An          | KHTN (VS | 8A | 8.2 | T   | T   | 12.5   | Vũ Thị Loan          |
| 413 | 411 | Đinh Yên          | Nhi    | Nữ  | 30 | 12 | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8C | 7.3 | Khá | Tốt | 11     | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 414 | 412 | Đoàn Ngọc         | Nhi    | Nữ  | 17 | 6  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Tiên An        | KHTN (VS | 8C | 7.8 | Khá | Tốt | 11.5   | Nguyễn Thị Hào       |
| 415 | 413 | Vũ Thị Yên        | Nhi    | Nữ  | 6  | 12 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8D | 8.6 | Tốt | Tốt | 8      | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 416 | 414 | Vũ Đình           | Phong  | Nam | 9  | 12 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 8B | 7.7 | Khá | Tốt | 8      | Lê Thị Thu Hương     |
| 417 | 415 | Bùi Hữu           | Phúc   | Nam | 15 | 12 | 2012 | Tiên Lãng - HP       | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7A | 9.1 | Khá | Tốt | 10.25  | Lê Thị Thu Hương     |
| 418 | 416 | Đỗ Hồng           | Phúc   | Nam | 26 | 4  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà       | KHTN (VS | 8A | 8.9 | Tốt | Tốt | 13     | Nguyễn Thị Hương     |
| 419 | 417 | Lê Văn            | Phúc   | Nam | 5  | 4  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Nam Hòa        | KHTN (VS | 8B | 8.8 | Tốt | Tốt | 7      | Trần Thị Kim Chi     |
| 420 | 418 | Tổng Huy          | Phúc   | Nam | 27 | 8  | 2011 | Uông Bí              | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 8A | 6.6 | Khá | Tốt | 12.25  | Lê Thị Thu Hương     |
| 421 | 419 | Đỗ Như            | Quỳnh  | Nữ  | 2  | 11 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà       | KHTN (VS | 8A | 8.9 | Tốt | Tốt | 15.25  | Nguyễn Thị Hương     |
| 422 | 420 | Đinh Khắc         | Thái   | Nam | 14 | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8B | 8.8 | Khá | Tốt | 14.25  | Đinh Thị Thanh       |
| 423 | 421 | Đàm Đức           | Thắng  | Nam | 22 | 10 | 2012 | Uông Bí              | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7B | 9.2 | Khá | Tốt | 12.5   | Lê Thị Thu Hương     |
| 424 | 422 | Bùi Phương        | Thảo   | Nữ  | 20 | 2  | 2011 | Uông Bí, QN          | THCS Yên Hải        | KHTN (VS | 8A | 7.9 | Khá | Tốt | 8.5    | Vũ Thị Hương         |
| 425 | 423 | Đinh Thanh        | Thảo   | Nữ  | 7  | 7  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8C | 7.4 | Khá | Tốt | 10.5   | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 426 | 424 | Nguyễn Hồng       | Thảo   | Nữ  | 20 | 8  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Hoà       | KHTN (VS | 8A | 7.7 | Tốt | Khá | 12     | Nguyễn Thị Hương     |
| 427 | 425 | Phạm Phương       | Thảo   | Nữ  | 4  | 5  | 2012 | Quảng Yên            | THCS Tân An         | KHTN (VS | 7A | 8.1 | Khá | Tốt | 12.25  | Lê Thị Thu Trang     |
| 428 | 426 | Phạm Anh          | Thư    | Nữ  | 1  | 12 | 2011 | Quảng Yên            | THCS Phong Hải      | KHTN (VS | 8A | 8.4 | Khá | Tốt | 6.25   | Chu Thị Thơ          |
| 429 | 427 | Vũ Thị Huyền      | Trang  | Nữ  | 9  | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Yên Hải        | KHTN (VS | 8A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.75  | Vũ Thị Hương         |
| 430 | 428 | Nguyễn Văn        | Trắng  | Nam | 24 | 2  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8D | 9   | Tốt | Tốt | 13.25  | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 431 | 429 | Đoàn Anh          | Tuấn   | Nam | 6  | 4  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7A | 8.5 | Khá | Tốt | 9.75   | Lê Thị Thu Hương     |
| 432 | 430 | Nguyễn Hải        | Tùng   | Nam | 21 | 1  | 2011 | Hà Long              | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 8A | 9.0 | Khá | Tốt | 9.25   | Lê Thị Thu Hương     |
| 433 | 431 | Lưu Mai Thanh     | Vân    | Nữ  | 26 | 8  | 2011 | Đông Nai             | THCS Hiệp Hòa       | KHTN (VS | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 11.25  | Đỗ Thị Hồng Hải      |
| 434 | 432 | Phạm Hồng         | Vân    | Nữ  | 4  | 5  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | KHTN (VS | 7B | 9.1 | Khá | Tốt | 8.5    | Lê Thị Thu Hương     |
| 435 | 433 | Vũ Thanh          | Vân    | Nữ  | 16 | 4  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Cộng Hoà       | KHTN (VS | 8A | 9.2 | Khá | Tốt | 14     | Lê Quyên - Vũ Anh    |
| 436 | 434 | Nguyễn Đức        | Viết   | Nam | 28 | 5  | 2011 | Quảng Yên, QN        | TH& THCS Tiên Phong | KHTN (VS | 88 | 8.6 | Khá | Tốt | 12.75  | Đặng Thùy Linh       |
| 437 | 435 | Hoàng Tuệ         | Nhi    | Nữ  | 19 | 9  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Vị        | HTN (Chấ | 8A | 8.1 | T   | T   | 10.1   | Nguyễn Thị Thu Hà    |
| 438 | 436 | Nguyễn Đăng       | Bảng   | Nam | 1  | 11 | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Lê Quý Đôn     | HTN (Chấ | 7A | 8.8 | Tốt | Tốt | 11.05  | Trần Nga + Ngọc Linh |
| 439 | 437 | Nguyễn Duy        | Bảo    | Nam | 25 | 2  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Hà An          | HTN (Chấ | 7A | 8.5 | K   | T   | 3      | Vũ Thị Thái Hường    |
| 440 | 438 | Nguyễn Quốc       | Bảo    | Nam | 22 | 4  | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Liên Vị        | HTN (Chấ | 8A | 8.1 | K   | T   | 14.1   | Nguyễn Thị Thu Hà    |
| 441 | 439 | Trần Ngọc         | Bích   | Nữ  | 17 | 2  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | HTN (Chấ | 7E | 9.8 | Tốt | Tốt | 9.05   | Trần Nga + Ngọc Linh |
| 442 | 440 | Vũ Đức            | Chiến  | Nam | 29 | 8  | 2011 | Quảng Yên            | THCS Sông Khoai     | HTN (Chấ | 8A | 8.9 | Tốt | Tốt | 15.35  | Ng. Thị Quỳnh Hương  |
| 443 | 441 | Nguyễn Duy        | Chinh  | Nam | 13 | 5  | 2011 | Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc  | THCS Minh Thành     | HTN (Chấ | 8D | 8.7 | T   | T   | 7.525  | Khúc Thị Mai Hương   |
| 444 | 442 | Nguyễn Đăng Thành | Đạt    | Nam | 25 | 11 | 2011 | Quảng Yên, QN        | THCS Lê Quý Đôn     | HTN (Chấ | 8B | 7.3 | Khá | Tốt | 8.725  | Trần Nga + Ngọc Linh |
| 445 | 443 | Đàm Khánh         | Dương  | Nữ  | 13 | 9  | 2012 | Quảng Yên, QN        | THCS Hà An          | HTN (Chấ | 7A | 8.8 | T   | T   | 5      | Vũ Thị Thái Hường    |
| 446 | 444 | Trần Thị Thủy     | Dương  | Nữ  | 16 | 7  | 2011 | Uông Bí              | THCS Tân An         | HTN (Chấ | 8A | 8.0 | Tốt | Tốt | 10.675 | Mạc Thị Hồng Hạnh    |
| 447 | 445 | Nguyễn Thị Hương  | Giang  | Nữ  | 31 | 5  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh | THCS Minh Thành     | HTN (Chấ | 8D | 9.0 | T   | T   | 9.675  | Khúc Thị Mai Hương   |
| 448 | 446 | Trần Thị Thu      | Hà     | Nữ  | 8  | 10 | 2011 | Quảng Yên, QN        | TH&THCS Hoàng Tân   | HTN (Chấ | 8A | 8.0 | Tốt | Tốt | 4.25   | Đoàn Văn Khiên       |
| 449 | 447 | Nguyễn Phúc       | Lâm    | Nam | 11 | 1  | 2011 | TP Hồ Chí Minh       | THCS Hiệp Hòa       | HTN (Chấ | 8C | 9.2 | Tốt | Tốt | 16.25  | Lương Thị Loan       |

|     |     |                  |        |     |    |    |      |                        |                    |         |    |     |     |     |        |                        |
|-----|-----|------------------|--------|-----|----|----|------|------------------------|--------------------|---------|----|-----|-----|-----|--------|------------------------|
| 450 | 448 | Đỗ Thị Ngọc      | Lan    | Nữ  | 3  | 3  | 2011 | Quảng Yên, QN          | TH&THCS Tiên Phong | HTN (Ch | 8  | 8.9 | Tốt | Tốt | 11.125 | Bùi Thị Hương Loan     |
| 451 | 449 | Nguyễn Linh      | Lan    | Nữ  | 28 | 2  | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 7A | 9.8 | Tốt | Tốt | 10.75  | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 452 | 450 | Nguyễn Hồng      | Liên   | Nữ  | 20 | 11 | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Hiệp Hòa      | HTN (Ch | 7B | 9.2 | Tốt | Tốt | 13     | Lương Thị Loan         |
| 453 | 451 | Đỗ Diệu          | Linh   | Nữ  | 6  | 11 | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Liên Vĩ       | HTN (Ch | 8A | 8.8 | K   | T   | 3      | Nguyễn Thị Thu Hà      |
| 454 | 452 | Lê Diệu          | Linh   | nữ  | 15 | 07 | 2011 | Quảng Yên, QN          | TH&THCS Cẩm La     | HTN (Ch | 8  | 8.6 | Tốt | T   | 9.5    | N.Thuý + Vũ Tinh       |
| 455 | 453 | Lê Phương        | Linh   | Nữ  | 13 | 10 | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Liên Vĩ       | HTN (Ch | 8C | 8.7 | T   | T   | 9      | Nguyễn Thị Thu Hà      |
| 456 | 454 | Nguyễn Thị Mai   | Linh   | Nữ  | 28 | 12 | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 12     | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 457 | 455 | Phạm Hoàng       | Linh   | Nữ  | 02 | 7  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo | HTN (Ch | 8A | 8.6 | Khá | Tốt | 10.725 | Lê Thị Thuý Dương      |
| 458 | 456 | Trịnh Phương     | Linh   | Nữ  | 8  | 12 | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 8.475  | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 459 | 457 | Nguyễn Văn Hoàng | Long   | Nam | 10 | 10 | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Phong Hải     | HTN (Ch | 7A | 7.7 | Khá | Tốt | 7.25   | Vũ Thị Hải             |
| 460 | 458 | Đỗ Duy           | Minh   | Nam | 8  | 5  | 2012 | Hồng Bàng - Hải Phòng  | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 11.05  | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 461 | 459 | Ngô Thị          | Ngọc   | nữ  | 18 | 01 | 2011 | Quảng Yên, QN          | TH&THCS Cẩm La     | HTN (Ch | 8  | 8.7 | Tốt | Tốt | 11.775 | N.Thuý + Vũ Tinh       |
| 462 | 460 | Đào Trung        | Nguyễn | Nam | 13 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | HTN (Ch | 8E | 9.1 | T   | T   | 10.35  | Khúc Thị Mai Hương     |
| 463 | 461 | Vũ Khôi          | Nguyễn | Nam | 8  | 11 | 2011 | Uông Bí                | THCS Cộng Hoà      | HTN (Ch | 8A | 8.9 | Tốt | Tốt | 6.025  | Đào Nhật Anh           |
| 464 | 462 | Nguyễn Thị Minh  | Nguyệt | Nữ  | 24 | 4  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 10.25  | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 465 | 463 | Phạm Thị Phương  | Nhi    | Nữ  | 22 | 11 | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Tiên An       | HTN (Ch | 7B | 8.6 | Tốt | Tốt | 4.775  | Ng. Huệ, Ng. Giang     |
| 466 | 464 | Vũ Hà Kiều       | Oanh   | Nữ  | 13 | 12 | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Đông Mai      | HTN (Ch | 7B | 8.7 | Tốt | Tốt | 8.375  | Nguyễn Thị Thanh       |
| 467 | 465 | Đoàn Minh        | Phương | Nam | 10 | 7  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 8B | 7.6 | Tốt | Tốt | 6.525  | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 468 | 466 | Vũ Huyền         | Phương | Nữ  | 16 | 2  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | HTN (Ch | 8D | 9.4 | T   | T   | 10.75  | Khúc Thị Mai Hương     |
| 469 | 467 | Lê Thị           | Phượng | nữ  | 29 | 10 | 2011 | Quảng Yên, QN          | TH&THCS Cẩm La     | HTN (Ch | 8  | 9.0 | Tốt | Tốt | 14.8   | N.Thuý + Vũ Tinh       |
| 470 | 468 | Đàm Quang Minh   | Quân   | Nam | 12 | 10 | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Tiên An       | HTN (Ch | 7C | 8.7 | Khá | Tốt | 5      | Ng. Huệ, Ng. Giang     |
| 471 | 469 | Vũ Đình          | Quyết  | Nam | 22 | 3  | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Yên Hải       | HTN (Ch | 8C | 8.8 | Tốt | Tốt | 7      | Bùi Thị Huyền          |
| 472 | 470 | Nguyễn Thị Như   | Quỳnh  | Nữ  | 27 | 7  | 2011 | Quảng Yên, QN          | THCS Phong Hải     | HTN (Ch | 8B | 8.6 | Khá | Tốt | 11.5   | Vũ Thị Hải             |
| 473 | 471 | Vũ Thái          | Sơn    | Nam | 16 | 2  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | HTN (Ch | 8D | 9.4 | T   | T   | 14     | Khúc Thị Mai Hương     |
| 474 | 472 | Trần Tuấn        | Thành  | Nam | 10 | 7  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Đông Mai      | HTN (Ch | 7A | 8.6 | Tốt | Tốt | 8      | Nguyễn Thị Thanh       |
| 475 | 473 | Bùi Văn Nam      | Triệu  | Nam | 5  | 2  | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Yên Hải       | HTN (Ch | 7A | 8.6 | Khá | Tốt | 5.5    | Bùi Thị Huyền          |
| 476 | 474 | Vũ Cẩm           | Tú     | Nữ  | 21 | 9  | 2011 | Uông Bí                | THCS Đông Mai      | HTN (Ch | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 13     | Ng. Thuý, Vũ Hà        |
| 477 | 475 | Nguyễn Anh       | Tuấn   | Nam | 5  | 11 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Hà An         | HTN (Ch | 8B | 8.6 | T   | T   | 7      | Vũ Thị Thái Hương      |
| 478 | 476 | Lê Phương        | Vi     | Nữ  | 2  | 7  | 2012 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Lê Quý Đôn    | HTN (Ch | 7A | 9.7 | Tốt | Tốt | 12     | Trần Nga + Ngọc Linh   |
| 479 | 477 | Lê Hà            | Vy     | Nữ  | 20 | 1  | 2012 | Quảng Yên, QN          | THCS Đông Mai      | HTN (Ch | 7A | 8.6 | Tốt | Tốt | 10.6   | Nguyễn Thị Thanh       |
| 480 | 478 | Vũ Hoàng         | Anh    | Nam | 10 | 10 | 2013 | Hà Long - Quảng Ninh   | THCS Tiên An       | Tin học | 6A | 9.5 | Tốt | Tốt | 16     | Nguyễn Thị Hương       |
| 481 | 479 | Tô Hải           | Bình   | Nam | 14 | 12 | 2013 | Hà Long - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Tin học | 6E | 9.9 | Tốt | Tốt | 20     | Tô Anh, Trịnh Hằng     |
| 482 | 480 | Nguyễn Tiên      | Đạt    | Nam | 10 | 3  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hiệp Hòa      | Tin học | 8A | 8.2 | Khá | Tốt | 6      | Nguyễn Thị Lan Anh     |
| 483 | 481 | Vũ Gia           | Đạt    | Nam | 11 | 11 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Tiên An       | Tin học | 8B | 9.2 | Tốt | Tốt | 3.2    | Nguyễn Thị Hương       |
| 484 | 482 | Đình Quang       | Duy    | Nam | 11 | 10 | 2013 | Uông Bí                | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 6B | 79  | Khá | Tốt | 9.2    | Nguyễn Thị Hương       |
| 485 | 483 | Nguyễn Ngọc      | Duy    | Nam | 24 | 8  | 2013 | Uông Bí                | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 6A | 90  | Tốt | Tốt | 3.6    | Nguyễn Thị Hương       |
| 486 | 484 | Nguyễn Ngọc      | Hà     | Nữ  | 10 | 2  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Tin học | 8E | 9.2 | Tốt | Tốt | 20     | Tô Anh, Trịnh Hằng     |
| 487 | 485 | Nguyễn Văn Khánh | Huy    | Nam | 9  | 5  | 2011 | Hà Long                | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 20     | Ng. Tuấn-P.Thảo        |
| 488 | 486 | Vũ Gia           | Huy    | Nam | 19 | 2  | 2010 | Hồng Bàng              | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 8C | 9.6 | Tốt | Tốt | Vắng   | Ng. Tuấn-P.Thảo        |
| 489 | 487 | Nguyễn Đức Anh   | Khôi   | Nam | 10 | 2  | 2013 | Uông Bí                | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 6A | 9.3 | Tốt | Tốt | 4      | Nguyễn Thị Hương       |
| 490 | 488 | Đào Đức          | Kiên   | Nam | 17 | 10 | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Liên Hoà      | Tin học | 8A | 8.6 | Tốt | Khá | 20     | Dương Thị Hiền         |
| 491 | 489 | Đỗ Vũ Tuấn       | Kiệt   | Nam | 22 | 6  | 2013 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 6A | 94  | Tốt | Tốt | 0      | Nguyễn Thị Hương       |
| 492 | 490 | Bùi Ngô Tiên     | Lập    | Nam | 23 | 6  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Tiên An       | Tin học | 7A | 8.7 | Tốt | Tốt | 10     | Nguyễn Thị Hương       |
| 493 | 491 | Nguyễn Ngọc Tuệ  | Minh   | Nữ  | 11 | 5  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 18     | Ng. Thị Hương Lan      |
| 494 | 492 | Nguyễn Quang     | Minh   | Nam | 27 | 7  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Tin học | 7G | 9.6 | Tốt | Tốt | 20     | Tô Anh, Trịnh Hằng     |
| 495 | 493 | Chu Đại          | Phúc   | Nam | 14 | 3  | 2011 | Quảng Yên              | THCS Trần Hưng Đạo | Tin học | 8A | 8.2 | Khá | Tốt | 16     | Hoàng Văn Huy          |
| 496 | 494 | Trần Hoàng       | Phúc   | Nam | 22 | 4  | 2011 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Hiệp Hòa      | Tin học | 8A | 8.9 | Khá | Tốt | 11.5   | Nguyễn Thị Lan Anh     |
| 497 | 495 | Nguyễn Hoàng Anh | Phượng | Nữ  | 25 | 3  | 2012 | Quảng Yên - Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Tin học | 7G | 9.6 | Tốt | Tốt | 18.5   | Tô Anh, Trịnh Hằng     |
| 498 | 496 | Tô Anh           | Thư    | Nữ  | 1  | 2  | 2012 | Quảng Yên              | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 14     | Ng. Thị Hương Lan      |
| 499 | 497 | Phạm Anh         | Tuấn   | Nam | 21 | 12 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Tin học | 8D | 9.0 | Tốt | Tốt | 9      | Tô Anh, Trịnh Hằng     |
| 500 | 498 | Ngô Đăng         | Tùng   | Nam | 15 | 11 | 2013 | Hà Nội                 | THCS Lê Quý Đôn    | Tin học | 6A | 93  | Tốt | Tốt | 0      | Nguyễn Thị Hương       |
| 501 | 499 | Lê Minh          | Vũ     | Nam | 15 | 11 | 2011 | Uông Bí                | THCS Trần Hưng Đạo | Tin học | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10     | Hoàng Văn Huy          |
| 502 | 500 | Vũ Thuý          | An     | Nữ  | 13 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Anh văn | 8D | 9.1 | Tốt | Tốt | 11.6   | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 503 | 501 | Nguyễn Hoài      | Anh    | Nữ  | 3  | 4  | 2011 | Quảng Yên              | TH&THCS Phong Cốc  | Anh văn | 8B | 9.0 | khá | Tốt | 7      | Nguyễn Văn Hanh        |
| 504 | 502 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh    | Nữ  | 28 | 10 | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Anh văn | 8E | 9   | Tốt | Tốt | 12     | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 505 | 503 | Nguyễn Gia       | Báo    | Nam | 4  | 11 | 2012 | Uông Bí - QN           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 7A | 9.5 | Tốt | Tốt | 12.7   | Nguyễn Thị Như Nga     |
| 506 | 504 | Trần             | Chức   | Nam | 18 | 2  | 2012 | Uông Bí - QN           | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 14.3   | Nguyễn Thị Như Nga     |

|     |     |                   |        |     |    |    |      |                       |                    |           |    |     |     |     |       |                        |
|-----|-----|-------------------|--------|-----|----|----|------|-----------------------|--------------------|-----------|----|-----|-----|-----|-------|------------------------|
| 507 | 505 | Nguyễn Trọng Tuấn | Đức    | Nam | 27 | 8  | 2011 | Uông Bí               | THCS Trần Hưng Đạo | Anh văn   | 8A | 8.8 | Khá | Tốt | 10.8  | Ngô Lan Phương         |
| 508 | 506 | Vũ Mạnh           | Dũng   | Nam | 18 | 12 | 2011 | Quảng Yên, Quảng Ninh | THCS Yên Hải       | Anh Văn   | 8C | 9.4 | Tốt | Tốt | 14.8  | Vũ Thị Duyên           |
| 509 | 507 | Lê Thùy           | Dương  | Nữ  | 14 | 1  | 2011 | Uông Bí- Quảng Ninh   | TH&THCS Cẩm La     | Anh văn   | 8A | 8.8 | Tốt | Tốt | 10.3  | Đinh Thị Thu Hà        |
| 510 | 508 | Nguyễn Quang      | Duy    | Nam | 26 | 4  | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh | THCS Yên Hải       | Anh Văn   | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 7.7   | Nguyễn Cảnh Tuấn       |
| 511 | 509 | Phạm Trường       | Giang  | Nam | 17 | 7  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Minh Thành    | Anh văn   | 8E | 9.2 | Tốt | Tốt | 15.1  | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 512 | 510 | Bùi Hoàng Việt    | Hà     | Nữ  | 5  | 11 | 2011 | Uông Bí- Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Anh văn   | 8D | 9.1 | Tốt | Tốt | 13.7  | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 513 | 511 | Hoàng Ngân        | Hà     | Nữ  | 20 | 5  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9.4 | Tốt | Tốt | 11.3  | Đỗ Thị Luân            |
| 514 | 512 | Vũ Thu            | Hà     | Nữ  | 9  | 8  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Hiệp Hòa      | Anh văn   | 8C | 8.4 | Tốt | Tốt | 8.8   | Lê Thị Thu Hiền        |
| 515 | 513 | Lê Hoàng          | Hải    | Nam | 23 | 4  | 2012 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 7E | 9.5 | Tốt | Tốt | 12.9  | Nguyễn Thị Như Nga     |
| 516 | 514 | Lê Trung          | Hiếu   | Nam | 6  | 6  | 2011 | Uông Bí               | THCS Công Hoà      | Anh văn   | 8D | 8.8 | Tốt | Tốt | 7.9   | Nguyễn Thị Mơ          |
| 517 | 515 | Nguyễn Thế        | Hưng   | Nam | 17 | 10 | 2011 | Quảng Yên- Quảng Ninh | THCS Minh Thành    | Anh văn   | 8E | 9.2 | Tốt | Tốt | 8.4   | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 518 | 516 | Nguyễn Thị Thanh  | Hương  | Nữ  | 23 | 4  | 2011 | Quảng Yên             | TH&THCS Phong Cốc  | Anh văn   | 8A | 8.9 | khá | Tốt | 8.1   | Nguyễn Văn Hanh        |
| 519 | 517 | Ngô Văn Phong     | Huy    | Nam | 31 | 12 | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9.4 | Tốt | Tốt | 11.5  | Đỗ Thị Luân            |
| 520 | 518 | Đỗ Như            | Huyền  | Nữ  | 25 | 5  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh  | THCS Liên Vĩ       | Anh văn   | 8A | 8.8 | T   | T   | 9     | Đỗ Thị Lũy             |
| 521 | 519 | Hoàng Trọng       | Khôi   | Nam | 1  | 9  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8A | 9.2 | Tốt | Tốt | 12.95 | Đỗ Thị Luân            |
| 522 | 520 | Lê Anh            | Khôi   | Nam | 10 | 6  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9.2 | Tốt | Tốt | 11.95 | Đỗ Thị Luân            |
| 523 | 521 | Nguyễn Tùng       | Lâm    | Nam | 2  | 11 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Công Hoà      | Anh văn   | 8A | 8.7 | Khá | Tốt | 12.7  | Nguyễn Thị Mơ          |
| 524 | 522 | Lê Vũ Hà          | Linh   | Nữ  | 23 | 5  | 2011 | Quảng Yên-Quảng Ninh  | THCS Liên Vĩ       | Anh văn   | 8A | 8.8 | T   | T   | 10.3  | Đỗ Thị Lũy             |
| 525 | 523 | Trần Hoàng Mai    | Linh   | Nữ  | 15 | 1  | 2011 | Uông Bí- Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Anh văn   | 8E | 9.4 | Tốt | Tốt | 14.3  | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 526 | 524 | Trần Duy          | Long   | Nam | 24 | 8  | 2012 | Nam Định              | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 7E | 9.7 | Tốt | Tốt | 14.5  | Nguyễn Thị Như Nga     |
| 527 | 525 | Nguyễn Tuấn       | Minh   | Nam | 23 | 1  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8A | 9.2 | Tốt | Tốt | 12.9  | Đỗ Thị Luân            |
| 528 | 526 | Ngô Trà           | My     | Nữ  | 19 | 1  | 2011 | Thái Thụy - Thái Bình | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9   | Tốt | Tốt | 12.8  | Đỗ Thị Luân            |
| 529 | 527 | Vũ Thị Hằng       | Nga    | Nữ  | 1  | 10 | 2012 | Quảng Yên, Quảng Ninh | THCS Yên Hải       | Anh Văn   | 7A | 9.4 | Tốt | Tốt | 7     | Nguyễn Cảnh Tuấn       |
| 530 | 528 | Hoàng Ngọc Khánh  | Ngân   | Nữ  | 6  | 7  | 2012 | Uông Bí               | THCS Phong Hải     | Anh văn   | 7A | 9.6 | Tốt | Tốt | 15.65 | Vũ Thị Ngọc Anh        |
| 531 | 529 | Nguyễn Thị Kim    | Ngân   | Nữ  | 2  | 8  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9.1 | Tốt | Tốt | 10.95 | Đỗ Thị Luân            |
| 532 | 530 | Nguyễn Khánh      | Ngọc   | Nữ  | 3  | 5  | 2012 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 7E | 9.7 | Tốt | Tốt | 15.4  | Nguyễn Thị Như Nga     |
| 533 | 531 | Đoàn Thị Như      | Nguyệt | Nữ  | 18 | 5  | 2011 | Quảng Yên -Quảng Ninh | THCS Hà An         | Tiếng Anh | 8A | 8.0 | T   | T   | 8.7   | Đào Hải Ninh           |
| 534 | 532 | Nguyễn Duy        | Nhân   | Nam | 19 | 10 | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8A | 9   | Tốt | Tốt | 12.6  | Đỗ Thị Luân            |
| 535 | 533 | Vũ Thanh          | Nhật   | Nữ  | 17 | 8  | 2011 | Uông Bí               | THCS Sông Khoai    | Anh văn   | 8C | 8.9 | Tốt | Tốt | 9.4   | Nguyễn Thị Lan Anh     |
| 536 | 534 | Đào Yến           | Nhi    | Nữ  | 8  | 8  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Liên Hoà      | Anh văn   | 8A | 9.5 | Tốt | Tốt | 11.15 | Vũ Thị Thuý An         |
| 537 | 535 | Đoàn Hà           | Phương | Nữ  | 08 | 03 | 2011 | Quảng Yên             | THCS Trần Hưng Đạo | Anh văn   | 8A | 9.1 | Tốt | Tốt | 9.8   | Ngô Lan Phương         |
| 538 | 536 | Lê Minh           | Quang  | Nam | 24 | 3  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 8.7 | Tốt | Tốt | 11.5  | Đỗ Thị Luân            |
| 539 | 537 | Phạm Thị Thanh    | Tâm    | Nữ  | 22 | 4  | 2011 | Uông Bí - Quảng Ninh  | THCS Hà An         | Tiếng Anh | 8A | 8.3 | T   | T   | 12.1  | Đào Hải Ninh           |
| 540 | 538 | Vũ Đức Thiện      | Tâm    | Nam | 4  | 7  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 9.3 | Tốt | Tốt | 15.15 | Đỗ Thị Luân            |
| 541 | 539 | Đậu Khắc          | Thành  | Nam | 6  | 10 | 2011 | Hà Long- Quảng Ninh   | THCS Minh Thành    | Anh văn   | 8E | 8.7 | K   | Tốt | 7.5   | Nguyễn Thị Thanh Huyền |
| 542 | 540 | Nguyễn Phương     | Thảo   | Nữ  | 20 | 4  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Phong Hải     | Anh văn   | 8C | 8.5 | Tốt | Tốt | 10.9  | Bùi Thị Vân Hương      |
| 543 | 541 | Đinh Gia          | Thiện  | Nam | 30 | 5  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Hiệp Hòa      | Anh văn   | 8C | 8.4 | Tốt | Tốt | 10.9  | Lê Thị Thu Hiền        |
| 544 | 542 | Ngô Quang         | Thịnh  | Nam | 9  | 1  | 2011 | Quảng Yên, Quảng Ninh | THCS Yên Hải       | Anh văn   | 8B | 8.7 | Tốt | Tốt | 11    | Vũ Thị Duyên           |
| 545 | 543 | Vũ Anh            | Thư    | Nữ  | 13 | 5  | 2011 | Quảng Yên, Quảng Ninh | THCS Yên Hải       | Anh văn   | 8C | 8.7 | Tốt | Tốt | 10.1  | Vũ Thị Duyên           |
| 546 | 544 | Vũ Thu            | Thủy   | Nữ  | 26 | 8  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 8.4 | Tốt | Tốt | 8.8   | Đỗ Thị Luân            |
| 547 | 545 | Lê Phúc           | Tin    | Nam | 21 | 6  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8A | 9.6 | Tốt | Tốt | 15.8  | Đỗ Thị Luân            |
| 548 | 546 | Đinh Vũ Linh      | Trang  | Nữ  | 29 | 8  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Hiệp Hòa      | Anh văn   | 8A | 9.3 | Tốt | Tốt | 6     | Lê Thị Thu Hiền        |
| 549 | 547 | Vũ Lễ Thanh       | Trúc   | Nữ  | 1  | 11 | 2011 | Nam Định              | THCS Công Hoà      | Anh văn   | 8D | 8.6 | Tốt | Tốt | 8.5   | Nguyễn Thị Mơ          |
| 550 | 548 | Trần Cẩm          | Tú     | Nữ  | 6  | 2  | 2011 | Uông Bí - QN          | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8B | 8.6 | Tốt | Tốt | 10.9  | Đỗ Thị Luân            |
| 551 | 549 | Nguyễn Mạnh       | Tường  | Nam | 10 | 8  | 2011 | Quảng Yên - QN        | THCS Lê Quý Đôn    | Anh văn   | 8A | 9.5 | Tốt | Tốt | 13.8  | Đỗ Thị Luân            |
| 552 | 550 | Bùi Thị Khánh     | Uyên   | Nữ  | 22 | 1  | 2011 | Quảng Yên             | THCS Hiệp Hòa      | Anh văn   | 8A | 9.1 | Tốt | Tốt | 7.6   | Lê Thị Thu Hiền        |
| 553 | 551 | Đỗ Thị Hà         | Vĩ     | Nữ  | 15 | 6  | 2013 | Quảng Yên, Quảng Ninh | TH&THCS Tiên Phong | Anh văn   | 6  | 8.3 | Khá | Khá | Vắng  | Vũ Tiến Hương          |